ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

TS. LIÊU THỊ THANH NHÀN (Chủ biên)

GIÁO TRÌNH TIẾNG VIỆT TRÌNH ĐỘ A2

(Dành cho người nước ngoài)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
TS. LIÊU THỊ THANH NHÀN (Chủ biên)
TS. ĐỖ THỊ XUÂN DUNG - TS. LÊ LÂM THI
ThS. ĐẶNG DIỄM ĐÔNG - ThS. NGÔ THỊ KHAI NGUYÊN
ThS. DƯƠNG THỊ NHUNG - ThS. TRẦN THỊ XUÂN

GIÁO TRÌNH

TIẾNG VIỆT TRÌNH ĐỘ A2

(Dành cho người nước ngoài)

Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
Huế, 2024

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Giáo trình Tiếng Việt trình độ A2 : Dành cho người nước ngoài / Liêu Thị Thanh Nhàn (ch.b.), Đỗ Thị Xuân Dung, Lê Lâm Thi... - Tái bản lần thứ 1. - Huế : Đại học Huế, 2024. - 181tr : Hình vẽ ; 24cm

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Thư mục: tr. 159. - Phụ lục: tr.160-181

ISBN 978-604-489-518-5

1. Tiếng Việt 2. Người nước ngoài 3. Giáo trình

495.922800711 - dc23

DUM0938p-CIP

Mã số sách: GT/668-2024

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình Tiếng Việt trình độ A2 (Dành cho người nước ngoài) này là cuốn giáo trình dùng để giảng dạy tiếng Việt cho những học viên là người nước ngoài đến Việt Nam học tập.

Giáo trình được biên soạn theo hướng giao tiếp, chú ý toàn diện đến cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Nội dung của giáo trình gồm 14 bài, trong đó có 12 bài học theo 4 chủ đề khác nhau và 2 bài ôn tập.

Mỗi bài học trong giáo trình được biên soạn theo một cấu trúc chung, gồm A) Hội thoại, B) Nghe, C) Đọc, D) Viết. Mỗi kỹ năng có nhiều bài thực hành liên quan đến chủ đề của từng bài học.

Giáo trình có kèm theo CD các bài nghe.

Ngoài ra, giáo trình còn có kèm theo một bộ ảnh về danh lam thắng cảnh, điểm du lịch nổi tiếng ở Huế. Những bức ảnh này được nhóm tác giả vẽ, sưu tầm và tuyển chọn để phù hợp với các chủ đề trong giáo trình nhằm tạo hứng thú cho người học.

Nhóm tác giả đã cố gắng hết sức trong việc thiết kế và biên soạn giáo trình, song giáo trình không khỏi còn một số thiếu sót. Do đó, nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành từ quý độc giả, đặc biệt là các giảng viên và học viên để giáo trình được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Thay mặt Nhóm tác giả

Chủ biên

TS. Liêu Thị Thanh Nhàn

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
Bài 1: Nhà bạn ở đâu?	10
Bài 2: Bức tranh treo ở phòng khách	22
Bài 3: Phòng khách rộng bằng phòng ngủ	33
Bài 4: Bạn nói được tiếng Việt không?	45
Bài 5: Các bạn hãy mở sách ra!	59
Bài 6: Bạn cũng thích học tiếng Huế phải không?	70
Bài 7: Ôn tập	81
Bài 8: Con muốn ăn thêm một bát bún bò nữa ạ!	88
Bài 9: Chiếc nón bài thơ này bao nhiêu?	99
Bài 10: Hôm nay thời tiết ở Huế thế nào?	109
Bài 11: Bạn đã đến sông Hương, núi Ngự lần nào chưa?	121
Bài 12: Bạn đi đâu đấy?	131
Bài 13: Làm ơn cho tôi nói chuyện với chị Nhã Quân	143
Tài liệu tham khảo	159
Phụ lục 1. Bảng từ ngữ	160
Phụ lục 2. Các bài nghe	167

Chủ đề	Bài	Ngữ âm	Từ vựng	Ngữ pháp
Nhà ở và đồ vật	**1**	- Phát âm: an – ang - Chính tả: ch, tr	- Từ chỉ đồ đạc trong nhà - Từ chỉ một vài kiểu nhà cơ bản	Kết cấu: - "… ở đâu (nhỉ)?" - "… có xa/ gần… (lắm) không?" - "… được thiết kế theo…" - "… rất…/… quá…/… hơi…" - "… thật/…là nhất rồi/ - "… không khác gì…cả"
	2	- Phát âm: anh - ách - Chính tả: nh, ng	Từ chỉ vị trí	Kết cấu: - "…ở đâu?/… đâu rồi?" - "… đặt ở đâu?/… treo ở đâu?" - "A+ở/ nằm/ treo + từ chỉ vị trí + B" - "… thử tìm… xem sao"
	3	- Phát âm: ong - ông - Chính tả: ng, ngh	Từ so sánh	Kết cấu: - So sánh hơn - So sánh bằng - So sánh nhất
Học hành	**4**	- Phát âm: iếc – iết - Chính tả: r, d, gi	Từ chỉ khả năng làm được một việc nào đó	Kết cấu: - "… biết…" - "… đã… chưa?" - "… có thể… được"
	5	- Phát âm: ai - ay - Chính tả: t, th	- Từ mệnh lệnh - Từ chỉ số nhiều	Kết cấu: "… hãy…"

	6	- Phát âm: ung - úc - Chính tả: c, k	- Từ địa phương Huế - Từ chỉ học hành	Kết cấu: - "Thế nào… cũng…" - "Ai… cũng…" - "Đâu cũng…" - "… không… cũng không…"
Ôn tập	**7**			
Dịch vụ	**8**	- Phát âm: ún – uốn - Chính tả: l, n	Từ chỉ món ăn, đồ uống	Kết cấu: - "… thêm… nữa…" - "… cả… lẫn…" - "… vừa… vừa…"
	9	- Phát âm: ao - au - Chính tả: g, gh	Từ chỉ mua bán	Kết cấu: - "bao nhiêu (tiền)?" - "thử… có được không?" - "thử… xem sao" - "thử… chưa?"
	10	- Phát âm: iên, uyên - Chính tả: a, ă	Từ chỉ thời tiết	Kết cấu: - "… thế nào?" - "có biết… thế nào không?" - "Chủ ngữ + nên + động từ"
Du lịch và giao thông	**11**	- Phát âm: ên - êm - Chính tả: n, m	Từ chỉ nguyên nhân, kết quả	Kết cấu: - "… sắp… chưa?" - "… đã… lần nào chưa? - " Vì… nên…"
	12	- Phát âm: oa - ao - Chính tả: c, q	- Động từ chuyển động - Từ chỉ phương tiện giao thông	Kết cấu: - "Chủ ngữ + động từ + để làm gì?"

				- "Nếu A thì B" - Phó từ chỉ thời gian - Phó từ chỉ số lượng
	13	- Phát âm: ơn - ân - Chính tả: v, ph	- Từ cầu khiến - Từ chỉ hoạt động nói chuyện qua điện thoại	Kết cấu: - "Làm ơn + cho + đại từ" - "Xin phép + cho + đại từ"
Ôn tập	**14**			

CHỦ ĐỀ 1: NHÀ Ở VÀ ĐỒ VẬT

Ảnh: Vĩnh Dũng

Bài 1: Nhà bạn ở đâu?

Ảnh: Huy Dương

Bài 2: Bức tranh treo ở phòng khách

Ảnh: Lâm Thi

Bài 3: Phòng khách rộng bằng phòng ngủ

BÀI 1

NHÀ BẠN Ở ĐÂU?

Mục tiêu của bài học

- *Phát âm: an - ang*
- *Chính tả: ch, tr*
- *Từ vựng: + Từ chỉ đồ đạc trong nhà*
  + Từ chỉ một vài kiểu nhà cơ bản
- *Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học*
  + "...ở đâu (nhỉ)?"
  + "...có xa/ gần...(lắm) không?"
  + "...được thiết kế theo..."
  + "...rất.../ ... quá.../ ... hơi..."
  + "... thật/...là nhất rồi/
  +...không khác gì...cả"

A. HỘI THOẠI

Ở NHÀ CỦA AN

Bình : - An ơi, mình đến rồi đây.

An : - Vào nhà đi bạn, cứ tự nhiên nhé.

Bình : - Trong nhà chỉ có một mình bạn thôi hả?

An : - À, bố mẹ mình đi ăn cưới, còn em mình đi dự sinh nhật rồi. Mình sẽ dẫn bạn đi tham quan nhà mình nhé.

Bình : - Ừ, chúng mình đi đi. Nhà bạn đẹp quá. Phòng khách rộng rãi và thoáng đãng thật. Nhà thành phố mà rộng như thế này là nhất rồi.

An : - Do ba mình tự thiết kế đấy. Chúng ta hãy sang phòng của mình đi. Bạn sẽ ngạc nhiên cho mà xem.

Bình : - Ôi, phòng của bạn không khác gì phòng khách sạn cả. Bạn sướng quá đi!

Từ ngữ:

- ăn cưới	**- rộng rãi**	**- thiết kế**	**- trong**
- dẫn	**- thoáng đãng**	**- vào**	**- sang**

Thực hành 1 **Dựa vào đoạn hội thoại** *"Ở nhà của An"* **và trả lời câu hỏi**

a) Bình đi đâu?

……

b) Lúc Bình đến nhà An, bố mẹ An có ở nhà không?

……

c) Bình đến nhà An cùng với ai?

……

d) Nhà của An như thế nào?

……

e) Gia đình An sống ở thành phố hay ở nông thôn?

……

Thực hành 2 **Điền từ vào chỗ trống**

mảnh vườn	*phòng khách*	*thoáng mát*
thành phố	*thiết kế*	*sống*

Tôi sống với gia đình trong một căn nhà nhỏ ở ngoại ô …..... Nhà tôi có một ……, một phòng bếp, một phòng tắm và hai phòng ngủ. Mỗi phòng đều có một ……. riêng. Phía sau căn nhà là một …… nhỏ để trồng rau và nhiều loài hoa. Tôi ……. ở đây cùng bố mẹ và chị gái. Tôi yêu ngôi nhà của mình vì nó luôn sạch sẽ và ……...

Thực hành 3 **Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu**

*Mẫu: A: Phòng khách có **đồ vật** gì?*

*B: Phòng khách có **một cái ti vi**.*

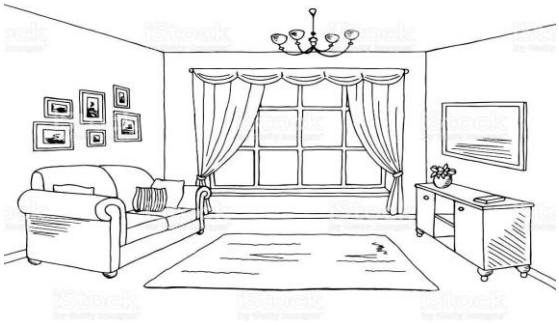

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Nhà anh ấy **ở số 47 ngõ 31 kiệt 246 đường Hùng Vương**.

……

b) Nơi Hương ở **cách xa siêu thị Big C**.

……

c) Chúng tôi **sống ở nông thôn**.

……

d) Căn biệt thự được **thiết kế theo phong cách hiện đại**.

……

e) Căn nhà này **hơi nhỏ và thiếu ánh sáng**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung của hội thoại**

B. NGHE

NGÔI NHÀ MƠ ƯỚC

Thực hành 7 **Nghe đoạn văn miêu tả về** *"Ngôi nhà mơ ước"* **và trả lời câu hỏi**

1. Ước mơ của "tôi" là gì?

……

2. Ngôi nhà của "tôi" có mấy phòng?

……

3. "Tôi" định dùng sân thượng để làm gì?

……

Thực hành 8 **Dựa vào nội dung của đoạn văn miêu tả về** *"Ngôi nhà mơ ước"* **và lựa chọn đáp án chính xác**

1. A. nhỏ, ở thành phố
   B. nhỏ, ở nông thôn
   C. hiện đại, ở thành phố
   D. hiện đại, ở nông thôn
2. A. một tầng
   B. hai tầng
   C. ba tầng
   D. bốn tầng

3. A. một bộ sofa màu xanh
   B. một cái ti vi màu xanh
   C. một cái tủ lạnh
   D. một bức tranh
4. A. một chiếc giường lớn và tủ quần áo
   B. một chiếc giường nhỏ và tủ quần áo
   C. hai chiếc giường lớn và tủ quần áo
   D. hai chiếc giường nhỏ và tủ quần áo
5. A. bồn tắm lớn
   B. bồn tắm hình tròn
   C. bồn tắm hình chữ nhật
   D. bồn tắm nhỏ

Thực hành 9 **Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về** *"Ngôi nhà mơ ước"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. "Tôi" được sinh ra ở nông thôn. ( )
2. Nhà "tôi" có hai tầng và có một khoảng sân rộng. ( )
3. Ngôi nhà của "tôi" rất lớn và tiện nghi. ( )
4. Phòng ngủ có một cái ti vi thông minh và một bộ ghế sofa màu xanh. ( )
5. Phòng khách của tôi sẽ có một chiếc giường lớn và tủ quần áo bằng gỗ. ( )
6. Thật tuyệt khi tôi có một cái tủ lạnh loại vừa trong nhà bếp. ( )
7. Nhà bếp sẽ có đầy đủ dụng cụ nấu nướng và làm bánh. ( )
8. Phòng tắm rộng, có bồn tắm hình tròn. ( )
9. Trên sân thượng, tôi dành một góc để đọc sách và một góc để ngồi thư giãn. ( )
10. Tôi sẽ rất hạnh phúc khi được sống trong ngôi nhà mơ ước. ( )

Thực hành 10 **Nghe và điền vào chỗ trống**

1. Tôi sống ở …… thành phố.
2. Phòng khách rất …….
3. Tôi thích những ngôi nhà được xây dựng theo phong cách ……
4. …….. nhà tôi có trồng rất nhiều hoa.
5. Căn nhà rất đẹp nhưng …….. hơi nhỏ.
6. Địa chỉ nhà mình là 23 ……...

7. Sống ở ……..cũng rất thú vị.

8. Nhà Quân có …….. một vườn hoa hồng.

9. Cậu có căn nhà rộng rãi như thế này ……...

10. Tôi …….. vì điều đó.

Thực hành 11 **Nghe lại đoạn văn miêu tả về** *"Ngôi nhà mơ ước"* **và luyện nói**

C. ĐỌC

NHÀ TÔI NẰM Ở ĐƯỜNG LÊ LỢI

Ảnh: Huy Danh

Nhà tôi có hai tầng, nằm ngay mặt tiền đường Lê Lợi. Trước cửa nhà là chiếc cổng sắt lớn màu đen với giàn hoa giấy màu hồng. Phòng khách nhà tôi rất thoáng đãng. Bộ bàn ghế sofa màu kem thanh thoát là điểm nhấn của căn phòng. Sau phòng khách là phòng bếp với đầy đủ những vật dụng như tủ lạnh, máy sấy chén bát, máy ép rau quả, lò nướng bánh. Mỗi ngày, mẹ tôi đều ở đó để nấu những món ăn thật ngon, thật thơm và vô cùng bổ dưỡng cho cả gia đình. Tầng hai có ba phòng: phòng thờ, phòng ngủ của bố mẹ và phòng ngủ của chị em tôi. Phòng thờ lúc nào cũng sạch sẽ và mang không khí trang nghiêm. Phòng ngủ của bố mẹ rất gọn gàng và thoáng mát. Phòng chị em tôi được dán giấy dán tường màu xanh mát dịu. Trên giấy dán tường có nhiều họa tiết vô cùng bắt mắt. Bước ra ban công, chúng tôi có thể ngắm nhìn cảnh đẹp của sông Hương thơ mộng. Tôi rất yêu quý ngôi nhà của tôi.

Từ ngữ:

- mặt tiền	**- cổng sắt**	**- giàn hoa giấy**	**- thanh thoát**
- điểm nhấn	**- gọn gàng**	**- bắt mắt**	**- ban công**

Thực hành 12 **Đọc đoạn văn nói về** *"Nhà tôi nằm ở đường Lê Lợi"* **và trả lời câu hỏi**

1. Ngôi nhà của "tôi" có mấy tầng?

……

2. Tầng hai có những phòng nào?

……

3. Phòng bếp của ngôi nhà như thế nào?

……

4. Phòng ngủ của bố mẹ như thế nào?

……

5. Từ ban công, "tôi" có thể nhìn thấy gì?

……

Thực hành 13 **Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về** *"Nhà tôi nằm ở đường Lê Lợi"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Trước cửa nhà là chiếc cổng sắt hơi lớn màu ghi xám với giàn hoa giấy màu vàng. ( )
2. Bộ bàn ghế sofa màu kem thanh thoát là điểm nhấn của căn phòng. ( )
3. Hằng ngày, mẹ tôi đều nấu những món ăn thật ngon ở phòng bếp. ( )
4. Tầng hai có hai phòng. ( )
5. Phòng chị em tôi được sơn màu xanh mát dịu. ( )
6. Ngôi nhà nằm trong ngõ hẻm. ( )
7. Phòng bếp ở sau phòng khách. ( )
8. Phòng thờ nằm ở tầng một. ( )
9. Phòng khách nhà tôi rất thoáng đãng. ( )
10. Từ cửa sổ của ngôi nhà, tôi có thể ngắm nhìn vẻ đẹp của sông Hương. ( )

Thực hành 14 **Dựa vào nội dung đoạn văn** *"Nhà tôi nằm ở đường Lê Lợi"* **để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Phòng thờ rất trang nghiêm.
2. Mẹ thường nấu những món ăn ngon cho cả nhà.
3. Tôi rất yêu quý ngôi nhà này.
4. Phòng ngủ rất thoáng mát.
5. Nhà tôi nằm ở đường Lê Lợi.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Nhà bạn tôi ở Thủy Biều* như thế nào.

NHÀ BẠN TÔI Ở THỦY BIỀU

Cuối tuần, tôi và nhóm bạn thân thường chạy xe lên nhà Vân chơi. Nhà Vân ở Thủy Biều, cách thành phố Huế không xa lắm, chỉ 5 ki-lô-mét mà thôi. Nhà bạn ấy được thiết kế theo kiểu nhà rường Huế nên rất mát mẻ. Xung quanh ngôi nhà có nhiều cây ăn quả như: cây ổi, cây thanh trà, cây nhãn,... Mỗi lần đến đây, chúng tôi đều được bố mẹ Vân ưu ái cho thưởng thức những loại quả ngon ngọt hạng nhất. Sau khi ăn uống thỏa thích, chúng tôi cùng nhau tán gẫu hoặc đấu cờ vua, cờ tướng, cùng nhau hít thở không khí trong lành sau những ngày học hành căng thẳng. Ôi, cuộc sống thật thú vị biết bao.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Nhà bạn tôi ở Thủy Biều"* **và trả lời các câu hỏi sau:**

(1) Các bạn của Vân thường đi đâu vào dịp cuối tuần?

……

(2) Nhà Vân cách thành phố Huế có xa lắm không?

……

(3) Nhóm bạn thân của Vân đến nhà Vân chơi bằng cách nào?

……

(4) Nhà Vân được thiết kế theo kiểu nào?

……

(5) Nhà Vân có những loại cây ăn quả nào?

……

(6) Nhóm bạn của Vân thường làm gì ở nhà Vân?

……

(7) Bố mẹ Vân tiếp đãi các bạn của Vân như thế nào?

……

(8) Cảm nghĩ của tác giả trong những lần đến nhà Vân chơi là gì?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn *"Nhà bạn tôi ở Thủy Biều"*

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu lần đến nhà bạn Vân chơi theo các bước như sau:

Giới thiệu về vị trí nhà của bạn Vân ->_____

->_____->_____

-> Cảm nghĩ của tác giả trong những lần đến nhà Vân chơi.

III. Thực tiễn viết

Thực hành 15 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. đẹp/ này/ hơi nhỏ/ ngôi nhà/ nhưng.

……

2. ngôi nhà/ kiến trúc/ xây dựng/ theo/ cổ/ được.

……

3. là/ phòng khách/ gian bếp/ tầng một/ và.

……

4. một/ nhà em/ có/ bộ bàn ghế/ rất đẹp/ phòng khách/ bằng gỗ.

……

5. trên/ ở/ của tôi/ phòng ngủ/ tầng hai.

……

6. ngôi nhà này/ một phòng khách/ rộng rãi/ 2 phòng ngủ/ đầy đủ tiện nghi/ có/ và.

……

7. nhà tôi/ thoáng mát/ rộng rãi/ thật/ và.

……

8. ngôi nhà/ đây/ xây dựng/ năm/ 2020/ từ/ là/ được.

……

9. được/ phòng khách/ rộng/ nên/ treo/ tranh/ nhiều.

……

10. ban công/ ra/ ngắm/ của/ cảnh phố phường/ cũng/ là/ một/ thú vui/ tôi.

……

Thực hành 16 **Sửa câu sai**

1. Nhà Tuệ Anh sống ở này?

……

2. Nhà bạn có cách siêu thị không?

……

3. Phòng ngủ nhà tôi được thành lập theo kiến trúc ba gian, hai chái.

……

4. Nhà Tuấn ít bị đẹp đấy.

……

5. Căn phòng này ở quá người nên rất rộng.

……

6. Bây giờ, mỗi gia đình có một mảnh vườn nhỏ để trồng rau nhất rồi.

……

7. Nếu bạn được người Việt Nam mời ăn một bữa "cơm rau" thì nhất tuyệt.

……

8. Bạn đã xem thấy nhà tranh bao giờ chưa?

……

9. Nhà Hồng đẹp không như gì biệt thự cả.

……

10. Khung cảnh nhà bạn Huy không khác gì lãng mạn.

……

Thực hành 17 **Luyện viết**

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Ngôi nhà của tôi.

(2) Ngôi nhà mơ ước của tôi.

(3) Ngôi nhà của bạn tôi.

(4)_____

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "… ở đâu (nhỉ)?"

Ví dụ: - Nhà bạn ở đâu?

- Bạn sống ở đâu nhỉ?

2. Kết cấu " … có xa… (lắm) không?/ … có gần… không?"

Ví dụ: - Nhà bạn có xa trường học lắm không?

- Nhà anh có gần ngân hàng lắm không?

3. Kết cấu "… được thiết kế theo…"

Ví dụ: Ngôi nhà được thiết kế theo kiểu hiện đại.

4. Kết cấu "… rất…/ … quá…/ … hơi…"

Ví dụ: - Nhà cậu ấy rất đẹp.

- Nhà bạn đẹp quá.

- Nhà anh ấy hơi bị đẹp đấy.

5. Kết cấu "… thật/…là nhất rồi/… không khác gì… cả"

Ví dụ: - Nhà thành phố mà rộng như thế này là nhất rồi.

- Phòng ngủ đẹp không khác gì khách sạn 5 sao cả.

BÀI 2

BỨC TRANH TREO Ở PHÒNG KHÁCH

Mục tiêu của bài học

- Phát âm: anh - ách
- Chính tả: nh, ng
- Từ vựng: + Từ chỉ vị trí
- Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học
  + "...ở đâu?/...đâu rồi?"
  + "...đặt ở đâu?/...treo ở đâu?"
  + "A+ở/ nằm/ treo + từ chỉ vị trí + B"
  + "...thử tìm...xem sao"

A. HỘI THOẠI

PHÒNG KHÁCH NHÀ HOÀNG NAM

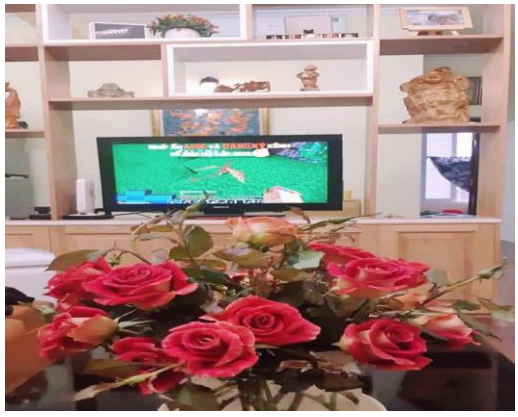

Ảnh: Huy Dương

Tú : Nam ơi, cái ti vi màu đen này đặt ở đâu?

Nam : Cậu đặt nó trên cái kệ vàng mình mới mua hôm qua trong phòng khách đi.

Tú : Thế còn bình hoa hồng nhung, hai chậu sen đá và bức tranh thêu sơn thủy này đặt ở đâu?

Nam : Cậu đặt bình hoa trên bàn làm việc của mình, hai chậu sen đá cậu mang để phía bên ngoài cửa chính, còn bức tranh thì cậu treo dưới bóng đèn nê-ông, đối diện với đồng hồ treo tường trong phòng khách luôn nhé.

Tú : Mình thấy cái bàn làm việc của cậu để gần ti vi quá. Cậu nên chuyển nó đến gần cửa sổ thì thoáng hơn.

Nam : Ừ nhỉ! Chúng ta cùng chuyển nào.

Tú : Ôi, sao bàn làm việc của cậu nặng thế nhỉ!

Nam : Đúng rồi. Để mình lấy sách trong hộc bàn làm việc ra cho nhẹ hơn.

Tú : Phòng khách trông thật sang trọng rồi đấy.

Nam : Ừ! Mình cảm ơn cậu nhé.

Từ ngữ:

- trong	**- trên**	**- ra**	**- vào**
- đối diện	**- dưới**	**- gần**	**- ngoài**

Thực hành 1 **Dựa vào đoạn hội thoại** *"Phòng khách nhà Hoàng Nam"* **và trả lời câu hỏi**

a) Phòng khách nhà Hoàng Nam có những đồ vật gì?

…….

b) Ti vi được họ đặt ở đâu?

…….

c) Bàn làm việc của Nam lúc đầu nằm ở chỗ nào?

…….

d) Tại sao họ lại chuyển bàn làm việc đến gần cửa sổ?

…….

e) Bức tranh sơn thủy được họ treo ở đâu?

…….

Thực hành 2 **Điền từ vào chỗ trống**

tìm	*xem*	*thử*
nằm	*thấy*	*làm việc*

Chồng : Em có ……..cái kính mắt của anh ở đâu không?

Vợ : Trên bàn ……..của anh đấy.

Chồng : Anh …….rồi mà không thấy.

Vợ : Vậy anh thử tìm trên ghế sofa ở phòng khách ……sao. Em vừa thấy anh ……đọc báo ở đấy mà.

Chồng : Trên ghế cũng không có. Lạ quá, anh mới đọc báo ở đấy mà bây giờ tìm không thấy đâu.

Vợ : Vậy anh……. xem dưới gầm bàn có không? Có khi nó rơi xuống đấy.

Chồng : À, đây rồi, nó ở dưới gầm bàn.

Thực hành 3 **Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu**

*Mẫu: A: Bức tranh được **treo ở đâu**?*

*B: Bức tranh được **treo trên tường**.*

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Em để cái đèn pin màu đỏ **ở trên bàn xanh** rồi anh nhé.

…….

b) Chiếc xe trắng đang **ở ngoài sân**.

…….

c) Anh thử tìm chùm chìa khóa **trong tủ áo quần** xem sao.

…….

d) Điện thoại của bố ở **trong túi xách đen ạ**.

…….

e) **Sau vườn**, mẹ trồng nhiều hoa cúc vàng.

…….

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung của hội thoại**

B. NGHE

PHÒNG KHÁCH LÀ ĐẸP NHẤT

Ảnh: Huy Danh

Thực hành 7 **Nghe đoạn văn miêu tả về** *"Phòng khách là đẹp nhất"* **và trả lời câu hỏi**

1. "Tôi" thích nhất là căn phòng nào?

……

2. Chiếc tủ gỗ trong phòng khách nhà "tôi" đựng những đồ vật gì?

……

3. Phòng khách nhà "tôi" như thế nào?

……

Thực hành 8 **Dựa vào nội dung của đoạn văn miêu tả về** *"Phòng khách là đẹp nhất"* **và lựa chọn đáp án chính xác**

1. A. phòng khách
   B. phòng bếp
   C. phòng ăn
   D. phòng ngủ
2. A. màu hồng
   B. màu tím
   C. màu xanh da trời
   D. màu xanh nhạt
3. A. một cái tủ gỗ
   B. một cái tủ sách

C. một bộ sofa màu xanh nhạt

D. một bức tranh

4. A. một cái tủ gỗ

B. một bể cá

C. một bộ sofa màu vàng

D. một chiếc điện thoại bàn

5. A. ngăn nắp và gọn gàng

B. mát mẻ và gọn gàng

C. sạch sẽ và mát mẻ

D. sạch sẽ và gọn gàng

Thực hành 9 **Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về** *"Phòng khách là đẹp nhất"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Phòng khách nằm ở tầng trệt. ( )

2. Bố "tôi" thích màu tối. ( )

3. Căn nhà luôn tràn ngập ánh sáng bởi vì trên mỗi bức tường có đến ba cái cửa sổ. ( )

4. Nền nhà được phủ bởi một tấm thảm màu đỏ. ( )

5. Chiếc tủ gỗ nằm ở góc phải của phòng khách. ( )

6. Tủ gỗ là nơi dùng để đựng sách của mẹ. ( )

7. Đèn chùm chỉ để sử dụng trong các ngày lễ tết, tiệc mừng. ( )

8. "Tôi" trang trí phòng ngủ bằng tranh ảnh. ( )

9. Phòng khách còn có một bể cá nhỏ. ( )

10. Phòng khách sẽ được tu sửa thêm trong tương lai. ( )

Thực hành 10 **Nghe và điền vào chỗ trống**

1. …… của gia đình anh trông rất bắt mắt.

2. Sa-lông là đồ dùng nội thất …… và tân thời.

3. Chiếc ti vi được đặt ở ……một chiếc tủ cao trong phòng khách.

4. Bộ sa-lông màu cà phê sữa, đặt ở ……. phòng khách, gồm một chiếc ghế dài và hai chiếc ghế rời nhau.

5. Bàn học của em được kê …… bên cửa sổ, nhìn ra khoảng sân nhỏ.

6. Cái bàn học vừa mới đóng có ……..

7. Chiếc xe đạp của tôi ……, còn chiếc xe của em tôi …….

8. Điện thoại thông minh của chị ấy ở ……. bàn.

9. Ảnh cưới của hai vợ chồng họ được ……..

10. Chai nước suối …….. cái bình hoa hoa hồng màu cam.

Thực hành 11 **Nghe lại đoạn văn miêu tả về** *"Phòng khách là đẹp nhất"* **và luyện nói**

C. ĐỌC

NHÀ TÔI CÓ BA GIAN

Ảnh: Vĩnh Dũng

Ngôi nhà của tôi có ba gian, tường vôi và mái ngói đỏ. Gian giữa là gian chính nên rộng hơn so với hai gian khác. Vừa bước vào, các bạn sẽ nhìn thấy phòng khách. Phía trong phòng có một bộ bàn ghế sa lông bóng loáng. Phía bên phải là bộ ván rộng. Cạnh cửa sổ là tủ li, bàn máy may và ti vi. Ở bên trái là bàn làm việc của ba tôi. Gần đó là chiếc bàn dài, góc học tập ấm cúng của anh em chúng tôi. Nổi bật trên tường là mấy bức tranh màu trắng trang nhã và đẹp mắt. Gian bên trái là hai phòng ngủ rộng rãi, thoáng mát được ngăn riêng và có cửa đóng. Mỗi phòng đều có tủ kính đựng quần áo và một chiếc giường ngủ rộng. Gian bên phải là phòng ăn và nhà bếp. Nơi đây tuy có nhiều thứ đồ dùng lỉnh kỉnh nhưng với bàn tay hay làm của bố mẹ tôi, căn phòng nhìn đâu cũng thấy ngăn nắp và gọn gàng.

Từ ngữ:

- tường vôi	**- mái ngói**	**- sát**	**- bóng loáng**
- ấm cúng	**- trang nhã**	**- lỉnh kỉnh**	**- chính**

Thực hành 12 **Đọc đoạn văn nói về *"Nhà tôi có ba gian"* và trả lời câu hỏi**

1. Trong phòng khách có những đồ vật nào?

……

2. Phòng khách dùng để làm gì?

……

3. Những bức tranh trong phòng khách trông như thế nào?

……

4. Hai phòng ngủ đều có đồ vật gì?

……

5. Phòng ăn và nhà bếp trông như thế nào?

……...

Thực hành 13 **Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về *"Nhà tôi có ba gian"* và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Gian giữa là gian chính nên rộng hơn so với hai gian khác. ( )
2. Phía trong phòng, sát tường là bộ máy vi tính xinh xắn. ( )
3. Phía bên phải là bộ ván dài. ( )
4. Cạnh cửa sổ là tủ li. ( )
5. Ở bên phải là bàn làm việc của ba tôi. ( )
6. Nổi bật trên tường là mấy bức tranh màu trắng trang nhã và đẹp mắt. ( )
7. Mỗi phòng đều có tủ gỗ đựng quần áo và đều có một chiếc giường ngủ rộng. ( )
8. Phòng bếp có nhiều thứ đồ dùng lỉnh kỉnh. ( )
9. Ngôi nhà của tôi có hai gian. ( )
10. Phòng ăn nhìn đâu cũng thấy ngăn nắp và gọn gàng. ( )

Thực hành 14 **Dựa vào nội dung đoạn văn *"Nhà tôi có ba gian"* để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Gian bên trái là hai phòng ngủ rộng rãi.
2. Gian bên phải là phòng ăn và nhà bếp.
3. Gian giữa là gian chính nên rộng hơn so với hai gian khác
4. Nhà tôi có ba gian.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Bức tranh thêu mẹ tặng* như thế nào.

BỨC TRANH THÊU MẸ TẶNG

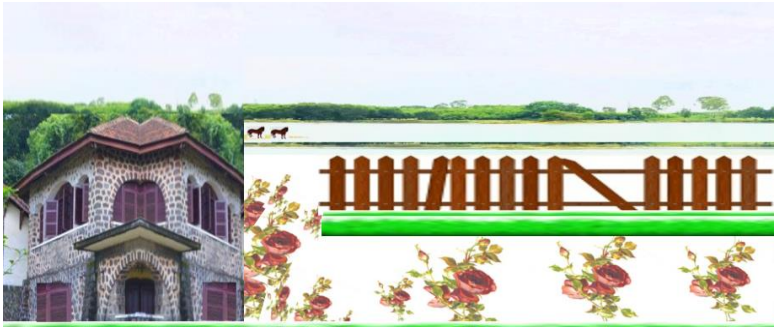

Trong lần sinh nhật thứ ba mươi này, mẹ tôi đã tặng cho tôi một bức tranh tuyệt đẹp. Tôi đã treo nó trong phòng khách, gần nơi tôi ngồi làm việc. Hằng ngày, sau khi ăn cơm tối xong, tôi lại ngồi trên chiếc ghế sofa để ngắm nhìn nó thỏa thích. Bức tranh như khắc họa hết thảy vẻ đẹp của một ngôi nhà nhỏ trên cao nguyên. Xa xa trong bức tranh, ánh nắng trải dài lên bãi cỏ hồng cạnh hồ nước trong xanh trông thật lãng mạn. Những chú ngựa đang dừng chân uống nước bên hồ cũng đã làm cho bức tranh trở nên sống động. Vườn hoa hồng cổ cạnh nhà là điểm nhấn của bức tranh. Nó đã tô điểm thêm vẻ đẹp thơ mộng của ngôi nhà. Đây là bức tranh do chính tay mẹ tôi tự thêu. Mẹ đã dành tình cảm quý báu cho tôi trong từng đường kim mũi chỉ. Vì vậy, tôi luôn cảm thấy trân trọng và yêu quý nó.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Bức tranh thêu mẹ tặng"* **và trả lời các câu hỏi sau:**

(1) "Tôi" đã nhận được món quà gì trong lần sinh nhật thứ ba mươi?

……

(2) Bức tranh được treo ở đâu?

……

(3) "Tôi" đã làm gì sau khi ăn cơm tối?

……

(4) Bức tranh đã khắc họa những gì?

……

(5) Tình cảm của "tôi" đối với bức tranh là gì?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn *"Bức tranh thêu mẹ tặng"*

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu cảnh vật trong bức tranh theo các bước như sau:

Giới thiệu về món quà sinh nhật mẹ đã tặng cho tôi

->_____->_____ ->

->_____->_____ ->

Tình cảm của tác giả đối với bức tranh.

III. Thực tiễn viết

Thực hành 15 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. có/ giá sách/ sách/ trên/ tạp chí/ rất nhiều/ báo/ và

……

2. có/ phòng tôi/ một chiếc giường nhỏ/ một chiếc tủ quần áo/ đặt gần/ và/ cửa sổ/ một chiếc bàn học.

……

3. chiếc bàn học/ góc phòng/ có/ một/ ở/ nhỏ xinh.

……

4. một mét rưỡi/ chiếc tủ/ tường/ lối đi/ có/ giữa/ một/ và/ rộng chừng.

……

5. cầu thang/ nhà ăn/ tầng hai/ liền ngay/ là/ đi lên

……

6. phòng ngủ/ trang trí/ đơn giản/ ấm cúng/ thật/ và

……

7. phòng bếp/ vật dụng/ gọn gàng/ sạch sẽ/ trong/ rất

……

8. phòng khách/ bộ sofa/ ti vi/tranh phong cảnh/ trong/ có/ và

……

9. trên tường/ bức tranh hoa sen/ rất đẹp/ có/ treo/ một.

……

10. tôi/ hoa tươi/ phòng khách/ thích/ trang trí/ trong

……

Thực hành 16 Sửa câu sai

1. Con mèo nằm đến gầm bàn.

……

2. Bàn làm việc của tôi ở trên cửa sổ.

……

3. Tôi làm xây ngôi nhà kiểu này xem sao.

……

4. Ti vi để ra ngăn bàn.

……

5. Cái máy tính xách tay đang để trong quyển sách.

……

6. Chìa khóa đang cắm cạnh ổ khóa.

……

7. Bút viết thư pháp để trái nghiên mực.

……

8. Dưới hộp bánh này, mỗi loại bánh sẽ có mỗi màu sắc và mùi vị khác nhau.

……

9. Tất để phải giày.

……

10. Lan ơi, cậu hãy đổ nước nóng vào ngoài hơn cốc trà này giúp mình nhé.

……

Thực hành 17 Luyện viết

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Phòng khách của tôi.

(2) Bức tranh treo ở phòng khách.

(3) Phòng khách nhà bạn tôi.

(4)_____

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "… ở đâu?/… đâu rồi?"

Ví dụ: - Em có thấy kính của anh ở đâu không?

- Kính của anh đâu rồi?

2. Kết cấu "…đặt ở đâu?/ … treo ở đâu?"

Ví dụ: - Bình hoa này đặt ở đâu?

- Bức tranh này treo ở đâu?

3. Kết cấu "A+ ở/ nằm/ treo + từ chỉ vị trí + B"

Ví dụ: - Bình hoa ở trên bàn.

- Bức tranh treo dưới đồng hồ treo tường.

4. Kết cấu "*…thử tìm…xem sao*"

Ví dụ: - Anh thử tìm dưới đất xem sao.

- Anh thử tìm trong tủ xem sao.

BÀI 3

PHÒNG KHÁCH RỘNG BẰNG PHÒNG NGỦ

Mục tiêu của bài học

- *Phát âm: ong - ông*
- *Chính tả: ng, ngh*
- *Từ vựng: + Từ so sánh*
- *Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học*
  - *+ So sánh hơn*
  - *+ So sánh bằng*
  - *+ So sánh nhất*

A. HỘI THOẠI

ĐI XEM NHÀ

Người mua : - Chào chị. Tôi đến để hỏi thông tin về căn hộ ở chung cư này.

Người bán : - Chào anh. Đây là bảng giới thiệu sản phẩm của công ty chúng tôi. Anh cứ xem qua rồi cho tôi biết anh muốn loại căn hộ nào, giá khoảng bao nhiêu.

Người mua : - Tôi muốn tìm một căn hộ vừa phải, giá tầm một tỉ trở xuống.

Người bán : - Vâng. Mời anh xem ạ. Đây là phòng khách, đây là hai phòng ngủ, đây là bếp và đây là WC.

Người mua : - Vâng, tôi thấy phòng khách và phòng ngủ hơi nhỏ.

Người bán : - Những căn hộ loại phổ thông của chúng tôi phòng khách rộng bằng phòng ngủ. Nếu anh muốn phòng khách rộng hơn, anh có thể xem loại căn hộ cao cấp nhé.

Người mua : - Cảm ơn chị đã tư vấn. Tôi nghĩ loại căn hộ này phù hợp với mình hơn. Có gì tôi sẽ liên hệ với chị sau nhé.

Người bán : - Vâng. Cảm ơn anh.

Từ ngữ:

- bằng	**- hơn**	**- thông tin**	**- sản phẩm**
- cao cấp	**- tư vấn**	**- phù hợp**	**- tầm**

Thực hành 1 **Dựa vào đoạn hội thoại *"Đi xem nhà"* và trả lời câu hỏi**

a) Người muốn mua nhà là nam hay nữ?

……

b) Người mua muốn mua một căn hộ như thế nào?

……

c) Căn hộ phổ thông có giá là bao nhiêu?

……

d) Diện tích phòng khách và phòng ngủ ở căn hộ phổ thông thế nào?

……

e) Diện tích phòng khách và phòng ngủ ở căn hộ cao cấp thế nào?

……

Thực hành 2 **Điền từ vào chỗ trống**

thấp hơn	*trước khi*	*căn*
khác nhau	*chạy*	*vừa đủ*

Người bán : Hiện nay, căn hộ loại này bán rất……., chúng tôi chỉ còn bốn căn.

Người mua : Diện tích sử dụng là bao nhiêu vậy chị?

Người bán : Diện tích căn này là 76 m^2, …….cho gia đình anh.

Người mua : Còn giá cả thì thế nào?

Người bán : Căn này có giá 1 tỉ 100 triệu đồng anh nhé. Vì ở tầng 2 nên giá hơi cao hơn các tầng khác. Nếu anh chọn căn cùng loại nhưng ở tầng 5 thì giá sẽ ……. 50 triệu.

Người mua : Giá cả cũng …… nhiều nhỉ. Căn này giá cả như vậy là hơi cao đấy.

Người bán : Không đâu anh, giá như vậy là vừa phải rồi. Anh thấy đấy, trong tháng này chúng tôi đã bán được 10 …… rồi.

Người mua : Cảm ơn chị. Tôi muốn đi xem căn hộ …… quyết định.

Người bán : Vâng, chúng ta có thể đi ngay bây giờ.

Thực hành 3 **Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu**

*Mẫu: A: Phòng khách thế nào **so với** phòng ngủ?*

*B: Phòng khách **rộng bằng** phòng ngủ.*

50.000 VNĐ	50.000 VNĐ
Tranh 1	
nhỏ	to
Tranh 2	

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Cô ấy **cao bằng** tôi.

……

b) Ngôi nhà đấy **không cao bằng** ngôi nhà này.

……

c) Phòng khách **đẹp hơn** phòng ngủ.

……

d) Phòng ăn là phòng **đẹp nhất** trong ngôi nhà.

……

e) Màu sắc và cách thiết kế của hai chiếc ghế này **hoàn toàn giống nhau**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung của hội thoại**

B. NGHE

LÍ DO TẠI SAO BẠN NÊN SỐNG Ở CHUNG CƯ

Ảnh: Huy Hân

Thực hành 7

Nghe đoạn văn miêu tả về *"Lí do tại sao bạn nên sống ở chung cư"* **và trả lời câu hỏi**

1. Giá cả của một căn hộ chung cư như thế nào so với giá xây một ngôi nhà?

……

2. Tại sao nói sống ở chung cư an toàn hơn ở nhà riêng?

……

3. Phần lớn các chung cư đều được xây dựng ở vị trí như thế nào?

……

Thực hành 8

Dựa vào nội dung của đoạn văn miêu tả về "*Lí do tại sao bạn nên sống ở chung cư"* **và xác định 3 lí do tại sao căn hộ chung cư tiện lợi hơn nhà riêng**

1…..……

…..……

…..……

…..……

2…..……

…..……..

…..……..

…..……..

3…..……

…..……..

…..……..

…..……..

Thực hành 9 **Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về** "*Lí do tại sao bạn nên sống ở chung cư"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Vợ chồng trẻ ở Việt Nam thường chọn mua căn hộ cao cấp. ( )
2. Căn hộ chung cư có giá thành rẻ hơn so với giá xây một ngôi nhà. ( )
3. Mua căn hộ phổ thông, vợ chồng trẻ có thể tiết kiệm tiền để làm việc khác. ( )
4. Sống ở chung cư an toàn hơn so với ở nhà riêng. ( )
5. Chung cư không có hệ thống phòng cháy chữa cháy. ( )
6. Chung cư nào cũng có hệ thống camera an ninh. ( )
7. Sống ở chung cư sẽ không bị ngập lụt. ( )
8. Phần lớn chung cư được xây dựng ở vị trí cao. ( )
9. Nhiều căn hộ còn cho thuê ngắn hạn. ( )
10. Các thỏa thuận thuê căn hộ có thể linh động về mặt tiền bạc. ( )

Thực hành 10 **Nghe và điền vào chỗ trống**

1. Căn nhà có 4 tầng với diện tích là …… một tầng, có điều hòa và nóng lạnh.
2. Ai có nhu cầu thuê xin vui lòng …… với mình là Hằng qua số điện thoại 0962.536.XXX nhé.
3. Cho thuê nhà …… tại đường Trần Quang Khải, phường Phú Hội, thành phố Huế.
4. Dãy trọ còn được trang bị hệ thống camera …… 24/24 và hệ thống theo dõi ra vào bằng dấu vân tay hiện đại.
5. Nhà có sổ đỏ ……., ở khu dân trí cao, an ninh cực tốt.
6. Hai căn hộ này có nhiều …… không giống nhau.
7. …… của hai quyển sách này quá khác nhau.
8. Cửa chính …… cửa hông.
9. Giường ngủ của hai anh em chúng tôi ……
10. Chúng tôi thích sống ở tầng trệt …….

Thực hành 11 **Nghe lại đoạn văn miêu tả về** "*Lí do tại sao bạn nên sống ở chung cư"* **và luyện nói**

C. ĐỌC

CHIẾC ĐỒNG HỒ CỦA TÔI

Chiếc đồng hồ của tôi nhìn bên ngoài trông có vẻ rất đơn giản, nhưng cấu trúc bên trong nó thì lại khác hẳn. Mặt trước được làm bằng kính trong suốt. Mặt sau là một bộ máy lộ thiên, dùng bằng năng lượng mặt trời. Ở giữa đồng hồ có một hình tròn to bằng quả quýt, chứa các con số từ một đến mười hai. Phần trung tâm có bốn chiếc kim dài ngắn, to nhỏ khác nhau. Kim to, ngắn nhất có màu bạc là kim chỉ giờ, tiếp đến là kim chỉ phút dài hơn cái kim chỉ giờ một ít, cũng có màu bạc. Dài nhất là chiếc kim giây có màu vàng. Cuối cùng là chiếc kim báo giờ chuẩn của thế giới. Nó có màu đen xám để dễ nhận ra. Bên mép phải của đồng hồ còn có nút hình tròn. Tôi có thể xoay chuyển để chỉnh giờ và chỉnh báo thức. Chiếc đồng hồ này như là người bạn thân luôn sát cánh bên tôi. Tôi rất yêu quý nó.

Từ ngữ:

- cấu trúc	**- lộ thiên**	**- năng lượng**	**- trung tâm**
- màu bạc	**- một ít**	**- chuẩn**	**- sát cánh**

Thực hành 12 **Đọc đoạn văn nói về *"Chiếc đồng hồ của tôi"* và trả lời câu hỏi**

1. Đồng hồ của "tôi" bên ngoài trông như thế nào?

……

2. Đồng hồ chạy bằng gì?

……

3. Cấu trúc bên trong của đồng hồ như thế nào?

……

4. Tình cảm của "tôi" đối với chiếc đồng hồ này như thế nào?

……

Thực hành 13 **Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về** *"Chiếc đồng hồ của tôi"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Cấu trúc bên trong của đồng hồ rất đặc biệt. ( )
2. Kim giờ là kim dài nhất. ( )
3. Kim phút là kim ngắn nhất. ( )
4. Đồng hồ có cả thảy là năm kim. ( )
5. Kim giờ to hơn kim phút. ( )
6. Kim giây có màu bạc. ( )
7. Đồng hồ chạy bằng pin. ( )
8. Mặt trước của đồng hồ có kính trong suốt. ( )
9. Bên ngoài đồng hồ nhìn rất phức tạp. ( )
10. "Tôi" rất thích chiếc đồng hồ này. ( )

Thực hành 14 **Dựa vào nội dung đoạn văn** *"Chiếc đồng hồ của tôi"* **để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Cấu trúc bên trong của đồng hồ rất phức tạp.
2. "Tôi" rất yêu quý chiếc đồng hồ này.
3. Mặt trước của đồng hồ có kính trong suốt.
4. Bên ngoài đồng hồ nhìn rất đơn giản.
5. Mặt sau của đồng hồ là bộ máy lộ thiên.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Căn hộ thông thường* như thế nào.

CĂN HỘ THÔNG THƯỜNG

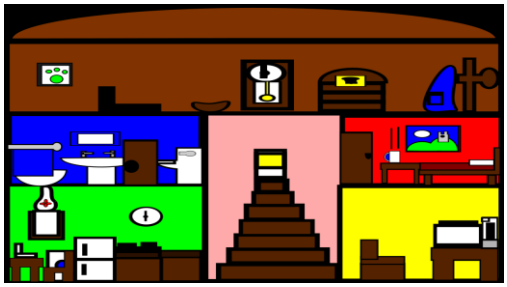

Đây là một trong các loại hình căn hộ phổ biến nhất mà tôi đã từng xem qua. Nó được thiết kế ở tất cả các chung cư từ bình dân cho đến cao cấp. Căn hộ thường có cấu trúc đơn giản gồm phòng ngủ, phòng khách, phòng bếp và nhà vệ sinh. Phòng ngủ không lớn lắm, chỉ bằng diện tích của phòng khách. Bên trong phòng ngủ, người bán đã lắp đặt máy điều hòa, quạt treo tường, hai cái giường đôi khá rộng rãi. Phòng khách có một tủ kính lớn, một bộ bàn ghế inox trông rất sang trọng. Phòng bếp là phòng rộng nhất trong căn hộ. Ở đây có cả bếp ga, bếp điện, máy hút khói, máy lọc nước và một bộ bàn ăn hình tròn đẹp mắt. Nhà vệ sinh cũng thật hiện đại và gọn gàng. Loại hình căn hộ này có nhiều mức giá khác nhau, phù hợp với khả năng tài chính của nhiều người, đặc biệt là các đôi vợ chồng trẻ. Tôi nghĩ các bạn nên mua căn hộ như thế này để ở là lí tưởng nhất.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Căn hộ thông thường"* **và trả lời các câu hỏi sau:**

(1) Căn hộ có cấu trúc như thế nào?

……

(2) Phòng nào rộng nhất trong tất cả các phòng của căn hộ?

……

(3) Diện tích của phòng khách như thế nào với phòng ngủ?

……

(4) Giá cả của căn hộ như thế nào?

……

(5) Người nào có thể mua loại hình căn hộ như thế này?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn "Căn hộ thông thường"

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu căn hộ theo các bước như sau:

Giới thiệu chung về căn hộ ->_____

->_____->_____

->_____->_____

-> Lời khuyên của tác giả đối với các cặp vợ chồng trẻ.

III. Thực tiễn viết

Thực hành 15 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. nằm/ ngôi nhà/ gần/ yên tĩnh/ trong/ con hẻm/ thành phố/ trung tâm/ Huế.

……

2. ngôi nhà/ xung quanh/ của/ vẻ ngoài/ rất/ khu dân cư/ hài hòa/ với.

……

3. được/ công trình/ diện tích/ xây dựng/ mảnh đất/trên/ có/ 200 m^2.

……

4. tầng 2/ phòng đọc sách/ là/ nơi/ dành cho/ như/ phòng ngủ/ và/ khu vực riêng tư.

……

5. tĩnh lặng/ ngôi nhà này/ là/ bình yên/ lần đầu tiên/ cảm nhận/ khi/ và/ đặt chân/ đến.

……

6. ngôi nhà/ trung tâm/ ánh sáng/ cây xanh/ có nhiều.

……

7. nội thất/ thiết kế/ đơn giản/ màu sắc/ tươi sáng/ căn hộ này/ có/ và.

……

8. điểm đặc biệt/ ngôi nhà này/ gần gũi/ với/ là/ thiết kế/ thiên nhiên/ của.

……

9. xanh mát/ nhiều/ hiên nhà/ bởi/ có/ gỗ/ dây leo/ và.

……

10. ngôi nhà/ cho/ ánh sáng/ gió/ không gian sống/ thư thái/ và/ đã/ tạo nên/ một.

……

Thực hành 16 **Sửa câu sai**

1. Hai chiếc ghế dài hơn nhau.

……

2. Cái cặp đi học này giống nhau cái cặp kia.

……

3. Quyển sách này dày xa quyển sách kia.

…….

4. Hai căn hộ này có cùng nhau diện tích.

…….

5. Bức tranh này bức tranh kia đẹp hơn.

…….

6. Hiếu học hơn bằng anh Hiếu.

…….

7. Tôi thích uống trà hơn nhiều uống cà phê.

…….

8. Uống nước ngọt có ga quá tốt bằng uống nước suối tinh khiết.

…….

9. Món bún bò là ngon nhất tuyệt vời.

…….

10. Chúng tôi thích đi du lịch ở Việt Nam bằng hơn cả.

…….

Thực hành 17 Luyện viết

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Căn hộ chung cư.

(2) Nhà riêng.

(3) Nơi bạn đang ở.

(4)_____

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……
……
……
……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

I. Cấu trúc so sánh hơn

Kết cấu "… tính từ/ động từ + hơn…"

Ví dụ: - Căn hộ ở tầng trệt có giá cao hơn căn hộ ở tầng hai.

- Nhà ở thành phố đắt hơn nhà ở nông thôn.

- Ở nhà riêng thích hơn ở chung cư.

II. Cấu trúc so sánh bằng

1. Kết cấu " A + tính từ + bằng/ như + B"

Ví dụ: - Phòng khách rộng bằng phòng ngủ.

- Phòng của chị tôi cũng đẹp như phòng của tôi.

2. Kết cấu "A và B + tính từ + bằng nhau/ như nhau"

Ví dụ: - Phòng khách và phòng ngủ rộng bằng nhau.

- Phòng khách và phòng ngủ rộng như nhau.

3. Kết cấu "A và B + cùng + danh từ"

Ví dụ: - Phòng khách và phòng ngủ có cùng diện tích.

- Cửa hàng của tôi và cửa hàng của anh có cùng tên.

4. Kết cấu "A + tính từ + nhất (…)"

Ví dụ: - Đây là căn hộ đẹp nhất của chung cư.

- Căn hộ này có giá cao nhất.

CHỦ ĐỀ 2: HỌC HÀNH

Bài 4: Bạn nói được tiếng Việt không?

Bài 5: Các bạn hãy mở sách ra!

Bài 6: Bạn cũng thích học tiếng Huế phải không?

BÀI 4

BẠN NÓI ĐƯỢC TIẾNG VIỆT KHÔNG?

Mục tiêu của bài học

- *Phát âm: iếc – iết*
- *Chính tả: r, d, gi*
- *Từ vựng: + Từ chỉ khả năng làm được một việc nào đó*
- *Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học*
  - *+ "...biết..."*
  - *+ "...đã...chưa?"*
  - *+ "...có thể... được"*

A. HỘI THOẠI

CẬU BIẾT CHƠI BÓNG CHUYỀN KHÔNG?

Nguyên : - Hoàng ơi! Cậu học đánh bóng chuyền ở đâu mà đánh giỏi quá vậy?

Hoàng : - À. Mình chỉ tự tập ở sân thể thao Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế cậu ạ. Nguyên biết chơi bóng chuyền không?

Nguyên : - Mình không biết chơi bóng chuyền. Cậu dạy cho mình chứ?

Hoàng : - Ừ. Ngày mai cậu đến địa chỉ số 57 đường Nguyễn Khoa Chiêm, phường An Tây, thành phố Huế mình dạy cho nhé.

Nguyên : - Bây giờ, cậu có thể giới thiệu cho mình một chút về các kỹ thuật đánh bóng chuyền được không?

Hoàng : - Được chứ.

Nguyên : - À, địa chỉ cậu vừa nói có phải là địa chỉ Trường Đại học Ngoại ngữ không? Trường ấy thế nào?

Hoàng : - Trường Đại học Ngoại ngữ có khuôn viên đẹp đẽ, thoáng mát. Trang thiết bị phòng học rất tiện nghi. Giáo viên vừa trẻ, vừa giỏi, lại có tinh thần thể dục thể thao nữa. Nguyên nên đến tham quan trước rồi mình đến sau nhé.

Nguyên : - Lúc đến đấy mình có cần liên hệ với ai để vào sân bóng của trường không?

Hoàng : - Rất đơn giản. Cậu chỉ cần báo với bác bảo vệ một tiếng là được rồi.

Nguyên : - Mình hiểu rồi. Cảm ơn cậu nhé!

Hoàng : - Ừ, không sao. Tạm biệt.

Từ ngữ:

- địa chỉ	**- khuôn viên**	**- tiện nghi**	**- liên hệ**
- tự	**- biết**	**- đơn giản**	**- tham quan**

Thực hành 1 **Trả lời câu hỏi**

a) Hoàng thường đánh bóng chuyền ở đâu?

.....

b) Trước đây, Nguyên đã đến Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế bao giờ chưa?

.....

c) Nguyên có biết chơi bóng chuyền không?

.....

d) Lúc đến sân bóng, Nguyên cần liên hệ với ai?

.....

e) Hoàng có đồng ý dạy đánh bóng chuyền cho Nguyên không?

.....

Thực hành 2 **Điền từ vào chỗ trống**

gặp	*lắm*	*rất*	*bằng*
ngôi	*học hành*	*thích*	*cách*

a) Tôi rất..... Tennis.

b) Anh ấy ..... rất chăm chỉ.

c) Chơi ghita không khó.....

d) Ngày mai chúng ta có thể ..... nhau tại trường được không?

e) Paul bơi ..... nhanh.

f) Nguyệt may quần áo..... tay.

g) Bạn có thể dạy cho mình ..... làm nem không?

h) Tôi rất thích ..... trường này.

Thực hành 3 **Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu**

*Mẫu: A: Cậu **biết** dọn dẹp nhà cửa **không**?*

*B: Mình **biết** dọn dẹp nhà cửa/ Mình **không biết** dọn dẹp nhà cửa.*

Ảnh: Đoan Trang	*Ảnh: Nhung Dương*
Tranh 1	Tranh 2
Ảnh: Anh Thành	*Ảnh: Trần Xuân*
Tranh 3	Tranh 4

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Tôi biết **thư viện của Trường Đại học Ngoại ngữ ở đâu**.

.....

b) Laura **đã nhìn thấy bông lau**.

.....

c) Hằng **có thể đi thư viện đọc sách với cậu**.

.....

d) Tôi **đã thấy những cây mai trong vườn trường đang nở hoa**.

.....

e) Cẩm Tuệ **đã biết mùa thu ở đây không khí thật mát mẻ**.

.....

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung của hội thoại**

B. NGHE

CẬU ĐÃ ĐẾN HỒ TƯƠNG TƯ BAO GIỜ CHƯA?

Ảnh: Vĩnh Dũng

Thực hành 7 **Nghe đoạn hội thoại về** *"Cậu đã đến hồ Tương Tư bao giờ chưa"* **và trả lời câu hỏi**

1. Mary đang nói chuyện với ai?

.....

2. Mary đã đến hồ Tương Tư bao giờ chưa?

.....

3. Không khí quanh hồ Tương Tư như thế nào?

.....

Thực hành 8 **Dựa vào nội dung của đoạn hội thoại về** *"Cậu đã đến hồ Tương Tư bao giờ chưa"* **và lựa chọn đáp án chính xác**

1. A. yêu đương
   B. tư tưởng
   C. nhớ nhung
   D. tưởng tượng
2. A. điện thoại
   B. nhà Mary
   C. hồ Tương Tư
   D. không có đáp án nào đúng
3. A. nghỉ ngơi
   B. các dịp lễ hội
   C. ngày mát mẻ
   D. hội họp
4. A. nói chuyện, chụp ảnh, ngắm cảnh hồ
   B. nói chuyện, gọi điện thoại, ngắm cảnh hồ
   C. nhắn tin, chụp ảnh, chơi đùa
   D. hát hò, chụp ảnh, ngắm cảnh hồ
5. A. một mình
   B. hai người bạn
   C. Mike
   D. bạn cùng phòng
6. A. phòng Mary
   B. phòng Mike
   C. hồ Tương Tư
   D. ký túc xá

Thực hành 9 **Dựa vào nội dung đoạn hội thoại về** *"Cậu đã đến hồ Tương Tư bao giờ chưa"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Hồ Tương Tư nằm ở cạnh Trường Đại học Ngoại ngữ. ( )
2. *"Trăm nghe không bằng một thấy"* có nghĩa là nghe nhiều không bằng mình được tận mắt nhìn thấy một việc, một vật nào đó. ( )
3. Các lưu học sinh thường ngồi cạnh hồ để nói chuyện với nhau. ( )
4. Ai cũng có thể ra hồ chơi đùa. ( )
5. Ngày mai Mary và Mike muốn về nhà. ( )
6. Nhà Trường không bật đèn, nhạc vào các ngày lễ hội. ( )
7. Hôm nay, Mike đã không đồng ý đi đến hồ Tương Tư cùng với Mary. ( )
8. Mary rất thích Trường Đại học Ngoại ngữ. ( )
9. Mike hẹn với Mary nhưng cậu ấy đã đến trễ. ( )
10. Không khí ở hồ Tương Tư rất buồn. ( )

Thực hành 10 **Nghe và điền trống**

1. Hương nói ..... tiếng Việt không?
2. Cậu ..... cảm thấy nhớ nhà chưa?
3. Tôi không ..... phòng học ở đây hiện đại như thế này.
4. Sau khi về nước, chúng tôi đã rất ..... các thầy cô giáo ở Việt Nam.
5. Lớp chúng tôi, ai ..... biết làm nem rán cả.
6. Lưu học sinh cũng có thể ..... vào các câu lạc bộ.
7. Căn tin của Trường có rất nhiều ..... ăn ngon mình thích.
8. Chương trình nghệ thuật chào năm mới đã được Nhà trường ..... vào cuối tháng 12.
9. Lưu học sinh quốc tế thích tham gia các hoạt động .....
10. ..... bạn thích đến mượn sách ở thư viện của Trường ..... bạn cần phải có thẻ đọc.

Thực hành 11 **Nghe lại đoạn hội thoại nói về** *"Cậu đã đến hồ Tương Tư bao giờ chưa"* **và tập nói theo cặp**

C. ĐỌC

NỘI QUY CỦA THƯ VIỆN

Thư viện trường tôi được xây dựng rất quy mô, gồm nhiều phòng như: phòng đọc, phòng đa chức năng (ĐCN), phòng tự học. Bạn đọc có thể biết được các nội quy cơ bản của mỗi loại phòng thông qua ba lưu ý dưới đây:

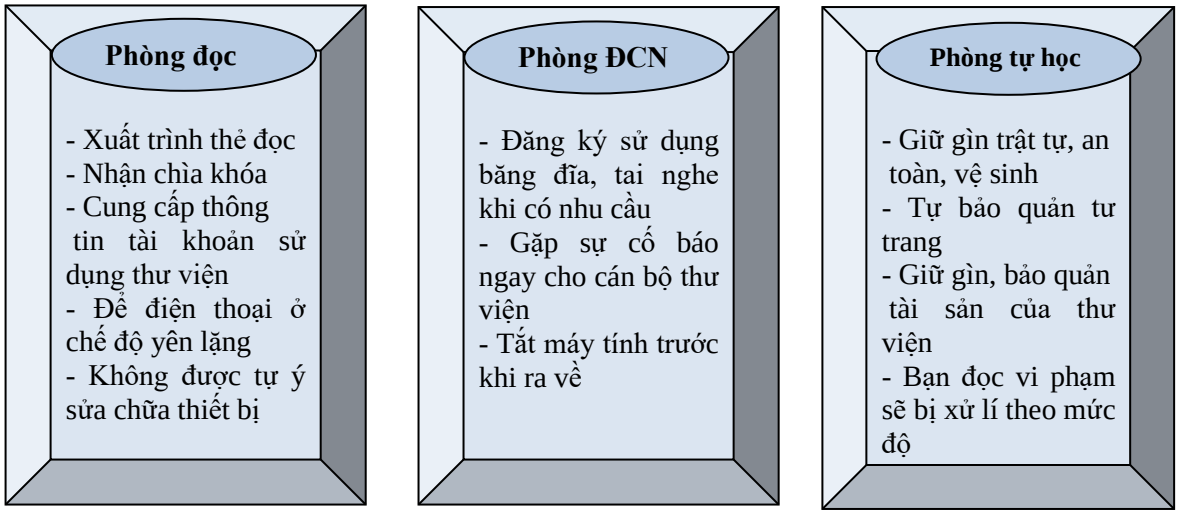

Các bạn sinh viên Việt Nam và quốc tế khi đến thư viện đọc sách hoặc mượn sách đều cần thực hiện đúng các nội quy trên.

Từ ngữ:

- xuất trình	**- yên lặng**	**- giữ gìn**	**- bảo quản**
- cung cấp	**- sự cố**	**- tư trang**	**- vi phạm**

Thực hành 12

Đọc bài *"Nội* quy *của thư viện"* **và đánh dấu vào trước câu trả lời đúng**

1. Thư viện không có phòng nào?
   - ☐ Phòng thu âm.
   - ☐ Phòng đa chức năng.
   - ☐ Phòng tự học.
2. Khi đến phòng đọc, bạn đọc cần phải:
   - ☐ Sử dụng điện thoại tiếng to.
   - ☐ Xuất trình thẻ đọc.
   - ☐ Sửa chữa thiết bị nếu cần.
3. Bạn đọc cần tắt máy tính trước khi ra về là quy định của phòng:
   - ☐ Đa chức năng.
   - ☐ Tự học.
   - ☐ Đọc.

4. Nội quy của phòng đa chức năng là:

☐ Bạn đọc cần đăng ký sử dụng băng đĩa, tai nghe khi có nhu cầu.

☐ Bạn đọc tự do sử dụng băng đĩa, tai nghe khi có nhu cầu.

☐ Bạn đọc đăng ký sử dụng băng đĩa, tai nghe khi không có ai đăng ký.

5. Nội quy của phòng tự học là:

☐ Người học gửi tư trang cho cán bộ phụ trách.

☐ Người học tự bảo quản tư trang.

☐ Người học tự bảo quản máy tính.

6. Ai có thể đến thư viện?

☐ Sinh viên Việt Nam và quốc tế.

☐ Sinh viên quốc tế.

☐ Người đến liên hệ công tác.

Thực hành 13 **Đọc đoạn văn nói về** *"Nội* quy *của thư viện"* **và trả lời câu hỏi**

1. Thư viện gồm có những phòng nào?

.....

2. Khi đến thư viện, bạn đọc cần lưu ý những điểm gì?

.....

3. Để có thể sử dụng phòng đọc đúng quy định, bạn đọc cần biết những nội quy nào?

.....

Thực hành 14

CÁC BẠN BIẾT HỘI TRƯỜNG CHỨ?

Hội trường Trường Đại học Ngoại ngữ nằm ở tầng bốn Nhà học chuyên ngành. Nó được xây dựng theo kiến trúc hiện đại, được trang trí với những trang thiết bị tiên tiến và dàn âm thanh sống động. Hội trường là nơi được dùng để tổ chức Hội thảo quốc gia, quốc tế; cuộc thi tìm kiếm tài năng âm nhạc "Sing and Shine"; biểu diễn văn nghệ chào xuân truyền thống và nhiều hoạt động quan trọng khác. Các bạn đã đến hội trường lần nào chưa? Nếu có cơ hội thì các bạn đừng bỏ lỡ để có thể cảm nhận được sự nghiêm trang và lộng lẫy của nơi này nhé.

Từ ngữ:

- kiến trúc	**- tài năng**	**- trang trí**	**- sống động**
- thiết bị	**- truyền thống**	**- cơ hội**	**- bỏ lỡ**

I. Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về *"Các bạn đã đến hội trường lần nào chưa"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Hội trường được xây dựng ở tầng bốn. ( )
2. Kiến trúc của hội trường rất hiện đại. ( )
3. Hội trường không có bất kỳ dàn âm thanh nào. ( )
4. Các thiết bị trong hội trường khá tiên tiến. ( )
5. Sing and Shine là cuộc thi tìm kiếm tài năng âm nhạc. ( )
6. Hằng năm, buổi biểu diễn văn nghệ chào xuân đều được tổ chức ngoài hội trường. ( )
7. Ngoài các Hội thảo quốc gia, quốc tế ra, hội trường không được tổ chức các hoạt động khác. ( )
8. Nhà học chuyên ngành hay còn được gọi là thư viện. ( )

II. Dựa vào nội dung đoạn văn để sắp xếp theo một trật tự đúng

1. Cảm nhận được sự nghiêm trang và lộng lẫy của hội trường khi ai đó đến nơi này.
2. Hội trường được xây dựng theo kiến trúc hiện đại.
3. Tổ chức các hoạt động khác.
4. Tổ chức cuộc thi tìm kiếm tài năng âm nhạc "Sing and Shine".
5. Hội trường có dàn âm thanh sống động.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Bạn của tôi - Tùng Lâm* như thế nào.

BẠN CỦA TÔI - TÙNG LÂM

Sau khi đến Việt Nam, tôi đã quen được một người bạn mới. Cô ấy tên là Tùng Lâm, đến từ Nhật Bản. Năm nay Tùng Lâm 23 tuổi, chưa kết hôn. Tùng Lâm là một giáo viên. Hiện cô ấy đang làm việc tại Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản. Cô ấy đã đến Việt Nam cách đây mười năm và đã có ấn tượng rất tốt với đất nước và con người Việt Nam. Cô ấy nói được một ít tiếng Việt. Nhân chuyến đi công tác lần này, cô ấy sẽ tranh thủ học tiếp tiếng Việt để tìm hiểu về văn hóa Việt Nam, đặc biệt là có thể giao tiếp với người Việt Nam bằng tiếng Việt. Ngoài học tiếng Việt ra, cô ấy còn thích đi tham quan và chụp ảnh các danh lam thắng cảnh ở Huế như: sông Hương, Đại Nội, chùa Linh Mụ, biển Thuận An, biển Lăng Cô,... Cuối tuần, vào lúc rảnh rỗi, tôi thường dạy tiếng Việt cho cô ấy, hoặc chúng tôi cùng đến những nơi có cảnh đẹp, thú vị để chụp ảnh và nói chuyện với nhau.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Bạn của tôi – Tùng Lâm*" **và trả lời các câu hỏi sau:**

(1) Tùng Lâm là người nước nào?

……

(2) Tùng Lâm làm nghề gì?

……

(3) Tìm ra những câu nói về nguyên nhân tại sao Tùng Lâm lại đến Việt Nam?

……

(4) Sở thích của Tùng Lâm là gì?

……

(5) Lúc rảnh rỗi, Tùng Lâm thường làm gì?

……

(6) Cuối tuần, lúc rảnh rỗi "tôi" làm gì?

……

(7) Tùng Lâm làm việc ở đâu?

……

(8) Đây là lần thứ mấy Tùng Lâm đến Việt Nam?

……

(9) Lần này Tùng Lâm đến Việt Nam nhằm mục đích gì?

……

(10) Đoạn văn đã đề cập đến những mặt nào của Tùng Lâm?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn *"Bạn của tôi – Tùng Lâm"*

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu về Tùng Lâm theo các bước như sau:

Giới thiệu sơ lược về người bạn mới có tên là Tùng Lâm

->_____->_____

-> Cuối tuần tôi thường ở bên cạnh Tùng Lâm.

III. Thực tiễn viết

Thực hành 15 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. cậu/ đợi/ khu Nhà hiệu bộ/ Trường Đại học Ngoại ngữ/ đứng/ trước/ mình/ có thể.

……

2. người/ tôi/ biết/ bạn mới/ Hoa Lệ/ của.

……

3. đã/ bạn/ được/ nói/ tiếng Việt/ chưa/ thông thạo?

……

4. cũng/ tiếng/ cô ấy/ gì/ biết/ cả/ nói.

……

5. thư viện/ tôi/ đã/ sách/ đi/ lúc rảnh/ đọc.

……

6. thích/ tôi/ đàn/ chơi/ organ.

……

7. anh ấy/ rất/ giỏi/ tiếng Việt/ có thể/ nói.

……

8. du lịch/ của/ sở thích/ tôi/ là/ đi.

……

9. đã/ cô ấy/ biết/ các/ nấu/ Việt Nam/ món ăn.

……

10. Tuệ Lâm/ đến/ hai lần/ Việt Nam/ đã.

……

Thực hành 16 **Sửa câu sai**

1. Bạn vất vả cho tôi mượn quyển *Từ điển Việt – Anh* này không?

……

2. Tôi đã đến trường vào lúc thường 6: 30 rồi.

……

3. Hôm nay, tôi biết trường chúng tôi có cử hành một trận thi đấu bóng rổ.

……

4. Tôi đã mượn rất nhiều quốc ngoại sách ở thư viện này.

……

5. Chủ nhật, tôi hay thường xuyên đến thư viện tìm tài liệu.

……

6. Học nhóm là không phương pháp học đã được sinh viên yêu thích.

……

7. Cậu đã hiểu nghĩa của từ này rồi Thảo?

……

8. Tùng đi nhà sách, luôn tiện có thể mua giúp mình hai con bút bi và một cây tạp chí nhé.

……

9. Tuy chỉ ở đây trong một thời gian ngắn, thì tôi đã có thể quen với cuộc sống ở nơi này.

……

10. Biết giúp đỡ bạn bè trong lúc hoạn nạn quả như một thói tốt.

……

Thực hành 17 **Dựa vào nội dung của bảng sau để giới thiệu về người có tên là Huy Danh**

Tên	Huy Danh
Quốc tịch	Việt Nam
Ngày sinh	30/08/1996
Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn
Sở thích	Chơi thể thao và đi du lịch
Nghề nghiệp	Hướng dẫn viên du lịch
Trình độ học vấn	Thạc sĩ
Quan hệ với "tôi"	Bạn bè

Thực hành 18 **Luyện viết**

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Lần đầu tiên biết làm nem rán

(2) Lần đầu tiên biết nói tiếng Việt

(3) Học chơi ghita

(4)_____

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……..

……

……

……

……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "… biết …"

Ví dụ: - Tôi biết anh ấy.

- Tôi biết chơi ghita.

- Tôi biết anh ấy là ai.

2. Kết cấu "… đã… chưa?"

Ví dụ: - Cậu đã đến chưa?

- Bạn đã đi chưa?

3. Kết cấu "… có thể… được" hoặc "… có thể… được …"

Ví dụ: - Huyền có thể làm được.

- Tuấn có thể nói được nhiều ngoại ngữ.

BÀI 5

CÁC BẠN HÃY MỞ SÁCH RA!

Mục tiêu của bài học

- *Phát âm: ai - ay*
- *Chính tả: t, th*
- *Từ vựng: + Từ mệnh lệnh*
  + Từ chỉ số nhiều
- *Ngữ pháp: Kết cấu trong bài học*
  + "...hãy..."

A. HỘI THOẠI

TRONG LỚP HỌC

Cô giáo : - Nào, chúng ta bắt đầu nhé!

Học sinh : - Vâng ạ!

Cô giáo : - Hôm nay lớp chúng ta sẽ học một bài hát tiếng Việt rất hay. Bài hát có tên là "Trống cơm".

Học sinh : - Ôi, thật thú vị. Đây là lần đầu tiên chúng em được học hát đấy cô ạ.

Cô giáo : - Ừ. Bây giờ các em hãy chú ý nghe cô giảng nghĩa của những từ khó trong bài hát trước, sau đó chúng ta sẽ tập hát. Nếu có từ nào chưa hiểu thì các em hãy mạnh dạn hỏi cô nhé.

Học sinh : - Dạ. Chúng em cảm ơn cô!

Cô giáo : - Các em đã hiểu hết từ mới chưa? Hiểu rồi thì chúng ta hãy cùng hát nào.

Cô giáo và học sinh : - "Tình bằng có cái trống cơm. Khen ai khéo vỗ. Ô mấy bông mà nên bông…".

Từ ngữ:

- bắt đầu	**- bài hát**	**- các**	**- chú ý**
- hãy	**- những**	**- giảng**	**- hiểu**

Thực hành 1 **Dựa vào đoạn hội thoại** *"Trong lớp học"* **và trả lời câu hỏi**

a) Giáo viên của lớp học là nam hay nữ?

……

b) Hôm nay, cả lớp học gì?

……

c) Vì sao hôm nay học sinh cảm thấy rất thú vị?

……

d) Trước khi tập hát, cả lớp nên làm gì?

……

e) Giáo viên đã dạy bài hát nào cho học sinh?

……

Thực hành 2 **Điền từ vào chỗ trống**

bị	*mở*	*chỉ*
bình phục	*ra*	*đỡ*

Quân : - Thi ơi! Hôm nay cô giáo có ……. bài tập về nhà không?

Thi : - Không bạn à. Hôm nay lớp chúng ta ……..... học hát thôi. Vì sao cậu vắng mặt vậy?

Quân : - Mình ……. sốt cao.

Thi : - Thế hả. Vậy cậu đã …….. chưa?

Quân : - Mình đỡ rồi. Cảm ơn cậu nhé.

Thi : - Cậu hãy …… cửa ra cho căn phòng thoáng mát hơn, ăn và uống thuốc đầy đủ để chóng …….. sức khỏe nhé. Ngày mai chúng mình sẽ đến thăm cậu.

Quân : - Cảm ơn các cậu nhé.

Thi : - Không có gì Quân nhé.

Thực hành 3 **Dùng kết cấu "… hãy …" để yêu cầu trong các trường hợp bạn muốn**

***Mẫu**: Bạn hãy đóng cửa lại. (khi muốn người khác đóng cửa)*

1. đi mua sách

……

2. đọc sách

……

3. hát một bài

……

4. làm bài tập

……

5. tắt đèn

……

6. ngồi xuống

……..

7. mở cửa ra

……..

8. xem ti vi

……..

9. mở đèn lên

……..

10. nghe nhạc

……..

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Các em hãy **mở sách ra**.

……

b) Chúng em đã hiểu những **ví dụ cô vừa nêu**.

……

c) **Các bạn lưu học sinh** đều đã đến đông đủ.

……

d) **Sơn** có thể hiểu những điều cậu vừa nói.

……

e) Bạn hãy nghe thử **bản nhạc này đi**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung của hội thoại**

B. NGHE

BUỔI NÓI CHUYỆN CÙNG LƯU HỌC SINH

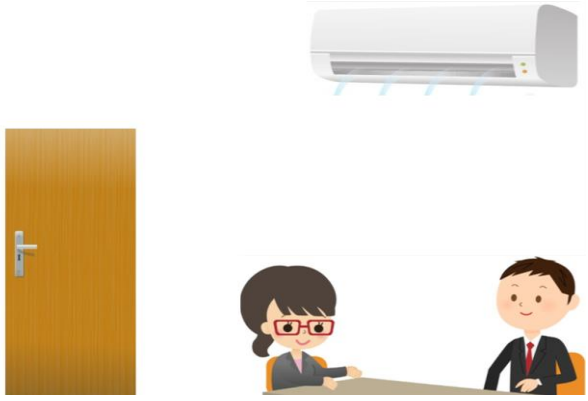

Thực hành 7 **Nghe đoạn hội thoại miêu tả về** *"Buổi nói chuyện cùng lưu học sinh"* **và trả lời câu hỏi**

1. Takaya học tiếng Việt lâu chưa?

……

2. Takaya nói tiếng Việt như thế nào?

……

3. Vì sao lưu học sinh nên giao lưu với nhiều bạn Việt Nam?

……

Thực hành 8 **Dựa vào nội dung của đoạn hội thoại miêu tả về** *"Buổi nói chuyện cùng lưu học sinh"* **và lựa chọn đáp án chính xác**

1. A. Takanha
   B. Takaya
   C. Takaxa
   D. Takasa

2. A. một năm
   B. hai năm
   C. ba năm
   D. bốn năm
3. A. khá
   B. giỏi
   C. bình thường
   D. tàm tạm
4. A. được thưởng thức các món ăn đặc sản Việt Nam
   B. hiểu rõ hơn bài học và nói tiếng Việt tốt hơn
   C. có thể đi tham quan và tìm hiểu về văn hóa Việt Nam
   D. cả ba đáp án trên
5. A. nhiệt tình và vui vẻ
   B. nhiệt tình và lương thiện
   C. nhiệt tình và tốt bụng
   D. nhiệt tình và hiền lành

Thực hành 9 **Dựa vào nội dung đoạn hội thoại miêu tả về** *"Buổi nói chuyện cùng lưu học sinh"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Cô Hương đang trò chuyện cùng Takaya. ( )
2. Takaya là người Nhật. ( )
3. Takaya cho rằng bản thân nói tiếng Việt không giỏi lắm. ( )
4. Cô Hương cho rằng Takaya nói tiếng Việt rất giỏi. ( )
5. Takaya có rất nhiều bạn Nhật Bản. ( )
6. Takaya rất thích tìm hiểu về văn hóa Việt Nam. ( )
7. Các bạn Việt Nam thường đưa Takaya đi thưởng thức các món ăn Việt Nam. ( )
8. Người Việt Nam rất tốt bụng. ( )
9. Takaya không có lời khuyên nào cho các bạn lưu học sinh khác. ( )
10. Khi đến Việt Nam học tập, các bạn lưu học sinh nên làm quen với nhiều bạn Việt Nam. ( )

Thực hành 10 **Nghe và điền vào chỗ trống**

1. Cậu ……. giữ gìn sức khỏe nhé.
2. Con hãy nhớ gọi điện thoại hoặc gửi thư …….. cho bố mẹ nhé.

3. Lúc mới đến Huế, tôi chưa thể quen được …… phong tục tập quán nơi này.

4. Ngoài việc học tập, các em hãy nhớ tập thể dục …….. mỗi ngày nhé.

5. Các em hãy …….. lại những từ chưa hiểu để hỏi cô nhé.

6. Các cô, cậu học trò cũ vừa đến …….. nhà tôi.

7. Các em hãy ……. nghe giảng để hiểu rõ bài học nhé.

8. Vì sao hôm nay em đi học ……?

9. Bạn có biết cách làm …… này không Hải?

10. Chúng ta hãy bắt đầu …… nào.

Thực hành 11 **Nghe lại đoạn hội thoại** *"Buổi nói chuyện cùng lưu học sinh"* **và luyện nói**

C. ĐỌC

GIỜ HỌC MÔN VIẾT

Mỗi lần vào giờ học môn viết, lớp chúng tôi đều ngồi ngay ngắn và chú ý lắng nghe cô giáo giảng bài. Đây là một trong số các môn học khó nhất mà chúng tôi đã từng học. Bởi vì, ngoài việc cần nắm bắt nghĩa của các từ mới trong từng chủ đề ra, chúng tôi còn phải biết cách dùng của từng từ hoặc từng kết cấu, đặc biệt là cách viết văn tiếng Việt. Dù vậy, dưới sự nhiệt tình và giảng bài tỉ mỉ của cô giáo, cả lớp chúng tôi đều có thể hiểu được bài, có thể vận dụng các kiến thức đã học vào việc làm bài tập và viết đoạn văn. Chúng tôi rất thích môn học này.

Từ ngữ:

- ngay ngắn	**- khó**	**- từng**	**- chủ đề**
- tỉ mỉ	**- vận dụng**	**- kiến thức**	**- nhiệt tình**

Thực hành 12

Đọc đoạn văn nói về *"Giờ học môn viết"* **và trả lời câu hỏi**

1. Lớp "chúng tôi" đã có thái độ như thế nào trong giờ học viết?

……

2. Lớp "chúng tôi" cảm thấy môn viết như thế nào?

……

3. Vì sao học viết lại khó nhất?

……

4. Giáo viên dạy môn viết là người như thế nào?

……

Thực hành 13

Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về *"Giờ học môn viết"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Lớp "chúng tôi" rất chăm chú khi học môn nghe. ( )
2. Lớp "chúng tôi" không thích học môn viết. ( )
3. Môn viết khó nhất trong số các môn học. ( )
4. Lúc học viết, lớp "chúng tôi" chỉ cần nắm bắt nghĩa của từ mới. ( )
5. Lúc học viết, lớp "chúng tôi" không cần nắm bắt cách dùng của các kết cấu. ( )
6. Lớp "chúng tôi" thấy khó nhất là việc viết đoạn văn tiếng Việt. ( )
7. Cô giáo môn viết rất nhiệt tình. ( )
8. Cô giáo môn viết dạy rất hay. ( )
9. Sau khi nghe cô giáo giảng bài, lớp "chúng tôi" đều hiểu bài. ( )
10. Lớp "chúng tôi" đều có thể vận dụng kiến thức đã học vào việc viết đoạn văn. ( )

Thực hành 14

Dựa vào nội dung đoạn văn *"Giờ học môn viết"* **để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Đây là một trong số các môn học khó nhất.
2. Chúng tôi rất thích học môn viết.
3. Lớp chúng tôi đều ngồi ngay ngắn và chú ý lắng nghe cô giáo giảng bài.
4. Học viết cần biết cách dùng của từng từ hoặc từng kết cấu.
5. Cô giáo dạy viết giảng bài rất tỉ mỉ.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về "*Vì sao sinh viên cần chú ý nghe giáo viên giảng bài"* như thế nào.

VÌ SAO SINH VIÊN CẦN CHÚ Ý NGHE GIÁO VIÊN GIẢNG BÀI?

Sở dĩ các sinh viên cần phải chú ý nghe giáo viên giảng bài là bởi vì: Thứ nhất, nếu sinh viên mất tập trung trong giờ học sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp thu và hiểu toàn bộ những kiến thức trên lớp. Thứ hai, nếu sinh viên chỉ giả vờ nghe giảng sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập của bản thân. Thứ ba, nếu sinh viên nói chuyện ồn ào trong lớp học sẽ làm ảnh hưởng đến việc học tập của các bạn khác và mất lịch sự với giáo viên đứng lớp. Thứ tư, sinh viên luôn chú ý lắng nghe giáo viên giảng bài để thể hiện bản thân là người nghiêm túc và có năng lực. Như vậy, mỗi sinh viên đều cần phải tự có ý thức trong việc chú ý nghe giảng để tăng hiệu quả dạy học.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn "*Vì sao sinh viên cần chú ý nghe giáo viên giảng bài"* **và trả lời các câu hỏi sau:**

(1) Những lí do mà sinh viên cần chú ý nghe giáo viên giảng bài đó là gì?

……

(2) Tác giả đã có lời khuyên nào dành cho mỗi sinh viên?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn "Vì sao sinh viên cần chú ý nghe giáo viên giảng bài"

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu các lí do vì sao sinh viên cần chú ý nghe giáo viên giảng bài theo các bước như sau:

->_____->_____

->_____->_____

-> Lời khuyên của tác giả dành cho mỗi sinh viên.

III. Thực tiễn viết

Thực hành 15 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. hãy/ các/ nhé/ em/ đoạn văn/ học thuộc lòng/ này.

……

2. tôi/ bài tập/ chưa/ này/ nên/ hiểu/ như thế nào/ làm/ cả.

……

3. giảng bài/ hay/ thầy giáo/ rất.

……

4. cô/ lại/ giảng/ từ mới/ phần/ giúp/ được/ em/ không ạ?

……

5. vắng mặt/ đừng/ các em/ trong/ cuối cùng/ buổi học/ vào/ đấy/ chiều mai nhé.

……

6. các/ hãy/ em/ đọc/ bài viết/ kỹ/ nhé/ mẫu.

……

7. em/ vì sao/ môn học/ thích/ này?

……

8. cả lớp/ làm/ bài tập/ hãy/ trang/ về nhà/ 88/ nhé.

……

9. các em/ cho/ mở cửa/ hãy/ ra/ mát.

……

10. hãy/ chúng ta/ đọc/ một/ cùng/ mẫu/ đoạn văn/ này/ nữa/ lần.

……

Thực hành 16 **Sửa câu sai**

1. Các bạn muốn chụp ảnh cùng cô giáo đi.

……

2. Bài tập này khó quá vì sao.

……

3. Chúng ta cần cùng nhảy nào.

……

4. Anh em mình hãy chạy đạp xe đạp với nhau đi.

……

5. Các bạn hãy đóng cửa vào nên mở cửa ra đều được.

……

6. Ngày mai, sếp đồng ý cho ai vắng cả.

……

7. Bởi vì em không nói việc này với cô sớm hơn?

……

8. Em chẳng mặc chiếc váy này cho đẹp.

……

9. Các em gấp đóng sách lại.

……

10. Bạn ấy hãy cho chúng mình làm bài tập thì còn gì bằng.

……

Thực hành 17 Luyện viết

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Lần làm bài tập nhóm với bạn Việt Nam

(2) Lần đầu tiên học hát

(3) Vì sao tôi thích học tiếng Việt ở Huế

(4)_____

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "… hãy…"

Ví dụ: - Chúng ta hãy cùng bắt đầu nào!

- Các em hãy làm bài tập về nhà nhé.

2. Kết cấu có từ chỉ số nhiều "những" và "các"

Ví dụ: - Đây là những lưu học sinh người Mỹ.

- Các bạn trong lớp đều thích bạn Tuệ Lâm.

BÀI 6 BẠN CŨNG THÍCH HỌC TIẾNG HUẾ PHẢI KHÔNG?

Mục tiêu của bài học

- Phát âm: ung - úc
- Chính tả: c, k
- Từ vựng: + Từ địa phương Huế
  + Từ chỉ học hành
- Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học
  + "Thế nào...cũng..."
  + "Ai...cũng..."
  + "Đâu cũng..."
  + "...không...cũng không..."

A. HỘI THOẠI

TIẾNG HUẾ CŨNG RẤT THÚ VỊ

Ảnh: Nguyên Thông

Uyên : - Thầy ơi, giọng người Huế nói sao em nghe cũng thấy hay hay, có gì đó khang khác với giọng người miền Bắc thầy nhỉ?

Thông : - Ừ, bởi vì người Huế thường dùng những từ địa phương khi nói.

Uyên : - Những từ địa phương mà người Huế hay dùng là gì vậy hả thầy?

Thông : - Có rất nhiều từ, tuy nhiên, em nên bắt đầu học những từ đơn giản nhất nhé. Chẳng hạn như: thay vì nói: "Bạn đi đâu đấy?", người Huế sẽ nói "Bạn đi mô rứa?

hay “Nón bài thơ được bán ở đằng kia.”, người Huế nói: “Nón bài thơ được bán ở chỗ tê.” Tóm tại, “mô”, “tê”, “răng”, “rứa” trong tiếng Huế cũng được hiểu giống như các từ “nào”, “kia”, “sao/ thế nào”, “vậy” trong tiếng Bắc.

Uyên : - Ôi! Tiếng Huế rất khó nhưng em cảm thấy thật thú vị ạ.

Thông : - Đúng thế, tiếng Huế cũng rất hay.

Uyên : - Vâng! Lúc nào có thời gian rỗi thầy dạy tiếng Huế thêm giúp em được không ạ?

Thông : - Được chứ! Thầy luôn sẵn sàng.

Từ ngữ:

- khang khác	**- giọng**	**- địa phương**	**- cũng**
- thay vì	**- tóm lại**	**- hiểu**	**- sẵn sàng**

Thực hành 1

Trả lời câu hỏi

a) Giọng Huế có giống với giọng Bắc không?

……

b) Tiếng Huế có những từ địa phương nào?

……

c) “Tôi” cảm thấy tiếng Huế như thế nào?

……

Thực hành 2

Điền từ vào chỗ trống

tới răng mô ni ưa nớ

a) Ai cũng thích chỗ ……...

b) …….. cũng đẹp như ri thì quá tuyệt.

c) Răng anh nớ cũng ……thôi.

d) …….. học tập ở Huế, bạn không học một ít tiếng Huế cũng không được.

e) Xung quanh nhà Như Ngọc, chỗ …… cũng là hoa.

f) Tịnh Như không ……. bóng chuyền, cũng không ưa bóng rổ.

g) Mô cũng không đẹp bằng chỗ …….

h) ……. tôi cũng phải học tiếng Huế mới được.

Thực hành 3 **Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu**

Mẫu: *A: Cô nớ **cũng** ưa đánh bóng chuyền phải không?*

*B: Môn thể thao nào cô nớ **cũng** ưa cả.*

	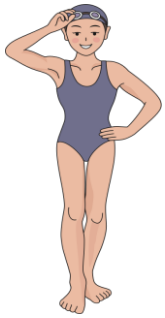
Tranh 1	Tranh 2
Tranh 3	Tranh 4

Thực hành 4 **Dùng tiếng Huế để đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Quán chè hẻm ngon nhất Huế **cũng nằm ở đường Hùng Vương**.

……

b) Kinh thành Huế **cũng có nhiều kiến trúc đẹp**.

……

c) **Cau trầu cũng rất cần** trong ngày cưới của người Việt Nam.

……

d) Vào dịp Tết cổ truyền, người Huế **cũng thường ăn bánh chưng, bánh tét và dưa món**.

……

e) Tôm cá Cầu Hai **cũng rất tươi**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung hội thoại**

B. NGHE

AI CŨNG ƯA CHỖ NI

Ảnh: Huy Danh

Thực hành 7 **Dựa vào nội dung của đoạn văn** *"Ai cũng ưa chỗ ni"* **và hoàn thành các câu sau**

1. Lần mô ……

2. ……. ngó mới đẹp làm sao.

3. Đứng trên Hòn Vượn……..

4. Xa xa……..……..

Thực hành 8 **Nghe và tìm từ giải nghĩa ở cột B thích hợp với từ ở cột A**

Cột A	Cột B
1. Chi hung dữ ri	a. Nhiều lắm
2. Hung a rứa thê	b. Làm gì nhiều thế
3. Mệt i	c. Này, đưa (nì, lấy đi).

4. Chơ răng	d. Không than vãn, hối hận
5. Nì	e. Không được bàn tán
6. Đừng có ồn	f. Chứ sao
7. Làm chi rứa	g. Mệt quá
8. Đừng có rên	h. Làm sao thế/ làm gì vậy

Thực hành 9 **Nghe – viết đoạn văn** "Ai cũng ưa chỗ ni"

Thực hành 10 **Nghe lại đoạn văn** "Ai cũng ưa chỗ ni" **và lặp lại**

C. ĐỌC

THẾ NÀO MÌNH CŨNG PHẢI GIỮ GIỌNG HUẾ

Ngọc : - Nga à, lâu ngày hấy!

Nga : - Ừ, chào Ngọc, lâu ngày quá hè!

Ngọc : - Bữa ni o mi ở chỗ mô? Dôn, con chi chưa?

Nga : - Nga ở Sài Gòn. Dôn, con rồi.

Ngọc : - Vô Sài Gòn Nga nói giọng chi?

Nga : - Lúc mới vô, Nga sợ nói giọng Huế thì người ta không ưa nên phải giả giọng trong tê, nhưng té ra người Sài Gòn cũng thích nghe giọng Huế nên Nga nói giọng Huế luôn.

Ngọc : - Hèn chi Ngọc nghe giọng Nga vẫn bình thường, không bị pha giọng trong nớ như mấy đứa bạn khác.

Nga : - Ừ. Thế nào mình cũng phải giữ cái giọng Huế đặc sệt "ôn, mệ" ở quê chúng mình chơ!

Từ ngữ:

- hấy	**- hè**	**- bữa ni**	**- dôn**
- tê	**- té**	**- hèn chi**	**- chơ**

1. Nga đang sống ở đâu?

……

2. Tình trạng hôn nhân của Nga như thế nào?

……...

3. Nga và Ngọc nói chuyện bằng giọng gì?

……

Thực hành 12 **Dựa vào nội dung bài** *Thế nào mình cũng phải giữ giọng Huế* **chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Nga cũng là người Huế. ( )
2. Ngọc là bạn của Nga. ( )
3. Nga và Ngọc biết nói giọng Huế. ( )
4. Nga không thích ở Sài Gòn. ( )
5. Nga có ôn và mệ. ( )
6. Ngọc không thích Nga nói giọng Sài Gòn. ( )
7. Nga chưa có chồng. ( )
8. Ngọc là một người nữ. ( )

Thực hành 13 **Dựa vào nội dung đoạn văn** *Thế nào mình cũng phải giữ giọng Huế* **để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Hôm nay Nga nói toàn giọng Huế.
2. Ngọc và Nga nói chuyện cùng nhau.
3. Nga đã có chồng và có con
4. Nga phải giả giọng nam khi ở trong Sài Gòn.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Tiếng "Dạ"của xứ Huế mộng mơ* như thế nào.

TIẾNG "DẠ" CỦA XỨ HUẾ MỘNG MƠ

Ảnh: Ái nhi

Tôi đã lớn lên ở Huế nên luôn cảm thấy tiếng Huế cũng ngọt ngào và thú vị. Điểm nổi bật tạo nên sự ngọt ngào này đó chính là tiếng "dạ" của xứ Huế mộng mơ. Có thể thấy tiếng "dạ, thưa" từ rất lâu đã được người Việt sử dụng để biểu đạt phép lịch sự. Tuy nhiên, đối với người Huế, tiếng "dạ" còn mang những hàm nghĩa rất phong phú và đa dạng. "Dạ" có thể hiểu là "đồng ý", "vâng lời", "nghe vậy biết vậy",… Tiếng "dạ" của xứ Huế cũng thật dễ thương, khiến bao người lưu luyến, nhớ mãi.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Tiếng "dạ" của xứ Huế mộng mơ"* **trả lời các câu hỏi sau:**

(1) "Tôi" đã lớn lên ở đâu?

……

(2) "Tôi" cảm thấy tiếng Huế như thế nào?

……

(3) Tiếng "dạ" của người Huế gồm những nghĩa nào?

……

(4) Tiếng "dạ" đã khiến cho bao người cảm thấy như thế nào?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn "Tiếng "dạ" của xứ Huế mộng mơ"

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu *"Tiếng dạ của xứ Huế mộng mơ"* theo các bước như sau:

Giới thiệu cách nhận xét của tác giả đối với tiếng Huế

->_____->_____

->_____

III. Thực tiễn viết

Thực hành 14 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. khi mô/ có/ anh/ không/ nhớ/ cũng/ em/ hè?

……

2. cũng/ "mệ"/ có/ là/ bà/ không/ nghĩa/ phải/ cô?

……

3. nhẹ nhàng/ cũng/ tiếng Huế/ thật.

……

4. tui/ cô bạn/ cũng/ đáng yêu/ răng/ thấy/ của/ tui cả.

……

5. giọng/ cũng/ ai/ nghe/ thích/ Huế.

……

6. thương/ anh/ em/ bởi/ giọng/ dịu dàng/ cũng/ nói.

……

7. cậu nớ/ hôm ni/ nên/ buồn/ chỗ/ cũng/ mô/ không/ đi/ muốn.

……

8. với/ tui/về/ nước/ Suzuki/ tháng tới/cũng/ cùng lần/.

……

9. hôm tê/ có/ tới/ chị nớ/ nhà tôi/ chơi/ đó/cũng.

……

10. cũng/ chỗ ni/ bán/ sách/ nhiều/ tiếng/ tự/ học/ Huế/ hè.

……

Thực hành 15 **Sửa câu sai**

1. Anh làm như ri mô cũng không xong rồi.

……

2. Tôi cũng không thể nổi hiểu được anh như răng cả!

……

3. Răng chị Hiền quá muốn một mình Trung làm thôi.

……

4. Mệ tui cũng không đến mãi làm đày mô, chú cứ yên tâm.

……

5. Em đâu cũng đứng bên cầu Tràng Tiền, anh chộ em chưa?

……

6. Mệ tra rồi nên mệ đâu cũng hay chướng thôi, không răng mô.

……

7. Chị Liên thế nào cũng đẹp dễ sợ.

……

8. Mấy hôm qua răng thấy Trung hoài cũng cú tráu rứa hè.

……

9. Tui cũng mới ra Huế từ cái bữa tê thì.

……

10. Liên đâu cũng là một người tra trắn.

……

Thực hành 16 **Dùng kết cấu** *"Thế nào… cũng…/ Ai cũng…/ Đâu cũng…/ … không…cũng không…"* **và hoàn thành các câu sau:**

1. Mỗi khi nhớ tới Huế.....
2. ……đồi Vọng Cảnh.
3. Chiều hoàng hôn.....
4. Tiếng Huế.....
5. Chị ấy .....
6. Thế nào giọng nói mỗi miền.....
7. Trong mắt tôi.....
8. Đối với.....
9. Cô ấy không.....
10. Từ rất lâu.....

Thực hành 17 **Luyện viết**

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Tiếng Huế

(2) Giọng Huế

(3) Lần đầu tiên tôi học tiếng Huế.

(4)_____.

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "Thế nào… cũng…"

Ví dụ: - Thế nào anh ấy cũng đến.

- Thế nào tôi cũng phải học tiếng Huế.

2. Kết cấu "Ai… cũng…"

Ví dụ: - Ai cũng thích nơi này.

- Ai cũng thấy cô ấy là người tốt.

3. Kết cấu "Đâu cũng…"

Ví dụ: - Đâu cũng có thứ này.

- Đâu cũng có nhiều xe máy điện.

4. Kết cấu "…không…cũng không…"

Ví dụ: - Cậu ấy không thích bóng rổ cũng không thích bóng chuyền.

- Cách này không được, cách kia cũng không được.

BÀI 7

ÔN TẬP

Thực hành 1 Viết thêm từ cùng loại

a) bàn, ghế.....

b) nồi, rổ.....

c) tranh, ảnh.....

d) treo, dán.....

đ) kiểu hiện đại, kiểu cổ điển.....

e) trên, dưới.....

g) hơn, bằng.....

h) sách, vở.....

i) học, làm.....

k) mở, đóng.....

Thực hành 2 Điền từ vào chỗ trống

thử *biết* *hãy* *ở đâu*

cũng *thế nào* *nhất* *hơn*

a) Nhà cô giáo ……?

b) Cậu được học ở nước ngoài như thế này là ……. rồi.

c) Cô …….. tìm bên này xem sao ạ.

d) Cái bàn này anh đặt ở đâu …….. được cả.

đ) Thời tiết hôm nay nóng …….. hôm qua.

e) Hằng có …… anh ấy là người Hàn Quốc không?

g) Em ……. mặc bộ áo dài tím Huế này đi.

h) …….. tôi cũng phải đi tham quan hết cảnh Huế.

Thực hành 3 Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu

*Mẫu: A: Cô **có thể** chụp với chúng em một bức ảnh **được** không?*

*B: **Được** chứ.*

 Ảnh: Tài Đinh	 *Ảnh: Trung Định*
Tranh 1	Tranh 2
 Ảnh: Trung Định	 *Ảnh: Nhung Dương*
Tranh 3	Tranh 4

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Các con **hãy chăm chỉ học bài đi nhé**.

……

b) Câu lạc bộ Bản sắc Việt tổ chức các hoạt động **cũng thật bổ ích**.

……

c) Thế nào tôi cũng phải tham gia **vào đội bóng đá của trường chúng ta**.

……

d) **Tôi** có thể đi chơi cùng anh không?

……

e) Tâm Quân **không thích món này cũng không thích món kia**.

……

Thực hành 5 **Đóng vai bốn nhân vật hỏi – đáp trong các ngữ cảnh sau:**

a) Nói chuyện với nhau trong giờ nghỉ giải lao.

b) Cùng nhau trang trí đồ đạc trong nhà.

c) Nói chuyện với nhau về chuyện học hành.

Thực hành 6 **Nghe và tìm phần giải nghĩa ở cột B thích hợp với từ ở cột A**

Cột A	Cột B
1. treo	a. làm cho khô, cho sạch bằng cách đưa nhẹ một vật mềm trên bề mặt
2. dán	b. làm cho dính vào nhau bằng chất kết dính như keo, hồ,…
3. lau	c. làm cho được cố định hoàn toàn ở một vị trí trên cao, dựa vào một vật khác
4. quét	d. làm cho chuyển động theo một hướng nào đó bằng một lực tác động thẳng tới
5. rửa	e. làm cho kín lại và giữ chặt ở vị trí cố định
6. mở	f. làm cho hoặc ở trạng thái không còn bị đóng kín, bịt kín, mà thông được với nhau
7. đóng	g. dùng nước hoặc các chất lỏng khác làm cho sạch
8. đẩy	h. làm cho sạch rác, bụi bằng cách đưa từng nhát chổi lần lượt trên bề mặt

Thực hành 7 **Đọc và trả lời câu hỏi**

TÔI VÀ "CHIẾN MÃ"

Ảnh: Trung Định

Chiếc xe đạp này trông có vẻ cũ kỹ nhưng lại rất có giá trị đối với tôi. Thứ nhất, nó là chiếc xe mà ba mẹ đã tặng từ thời tôi còn học cấp II. Thứ hai, tôi và nó là đôi bạn thân. Hằng ngày, dù trời nắng hay trời mưa nó vẫn cùng tôi đến trường. Cuối tuần chúng tôi lại cùng nhau đi ngắm cảnh sông Hương, đồi Vọng Cảnh, hoặc đi đến những nơi tôi thích. Nó thực sự là một "chiến mã" thầm lặng, luôn sát cánh bên tôi trên mọi nẻo đường. Tôi quý nó hơn bất cứ thứ gì và luôn giữ gìn nó cẩn thận cũng như giữ gìn tình cảm của ba mẹ dành cho tôi.

1. Chiếc xe đạp của "tôi" trông như thế nào?

……

2. "Tôi" thường đi học bằng gì?

……

3. Tại sao "tôi" lại cảm thấy chiếc xe đạp này rất có giá trị?

……

Thực hành 8 **Dựa vào nội dung đoạn văn "Tôi và "chiến mã" và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Chiếc xe đạp của "tôi" rất mới. ( )
2. Chiếc xe đạp này là "tôi" đã mua. ( )
3. Hằng ngày, "tôi" thường đi ngắm cảnh sông Hương. ( )
4. "Tôi" không thích ngắm cảnh ở đồi Vọng Cảnh. ( )
5. Xe đạp được "tôi" xem như là người bạn thân. ( )
6. Xe đạp không phải là một "chiến mã". ( )
7. "Tôi" không quý chiếc xe đạp này bằng những thứ khác. ( )
8. "Tôi" luôn trân quý chiếc xe đạp này. ( )

Thực hành 9 **Dựa vào nội dung đoạn văn để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. "Tôi" rất yêu quý chiếc xe đạp này.
2. Cuối tuần "tôi" đi ngắm cảnh sông Hương.
3. "Tôi" và nó cùng đi đến trường mỗi ngày.
4. Xe đạp là "chiến mã" thầm lặng.
5. Chiếc xe đạp rất có giá trị đối với "tôi"

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

Thực hành 10 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. đang/ tờ lịch/ được/ ở/ treo/ tường/ trên.

……

2. nước/ chú/ bơi/ cá vàng/ những/ đang/ trong.

……

3. tôi/ học/ này/ tiếng Việt/ ở/ cũng/ chỗ.

……

4. Peter/ biết/ không/ nhà/ cô/ Huế/ có/ ở đâu?

……

5. thông minh/ Tài/ Tuấn/ hơn.

……

6. mưa/ to/ đi/ nữa/ cũng/ dù thế nào/ học/ tôi/ phải/ đi.

……

7. cái/ tôi/ thích/ đặt/ hơn/ tủ sách/ ở/ chỗ/ tê.

……

8. viết/ đẹp/ Hồng Phúc/ chữ/ nhất/ lớp.

……

9. cũng/ muốn/ ở/ Huế/ chúng tôi/ học tập.

……

10. cây/ hiện đại/ đàn/ này/ đàn/ kia/ hơn/ cây.

……

Thực hành 11 **Dùng kết cấu "…được thiết kế theo", "… là nhất rồi", "thế nào… cũng…", hoặc "ai… cũng …" và viết tiếp câu**

1. Ngôi nhà……..……...

2. Thế nào cô ấy…….

3. Chúng ta…….……

4. Ai……..……..

5. Tôi nghĩ…….…….

6. Đây là chiếc cầu……..…...

7. Dù ai nghĩ thế nào về cô ấy……..…..

8. Bạn Phương……

9. Trường tôi……..

10. Ai đến đây……..

Thực hành 12 **Luyện viết**

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Ngôi nhà hiện đại nhất mà tôi đã từng nhìn thấy.

(2) Tình hình học tập tiếng Việt của bạn.

(3) Ngôi nhà mới của bạn tôi.

(4)_____.

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

CHỦ ĐỀ 3: DỊCH VỤ

Ảnh: Khai Nguyên

Bài 8: Con muốn ăn thêm một bát bún bò nữa ạ!

Ảnh: Xuân Dung

Bài 9: Chiếc nón bài thơ này bao nhiêu?

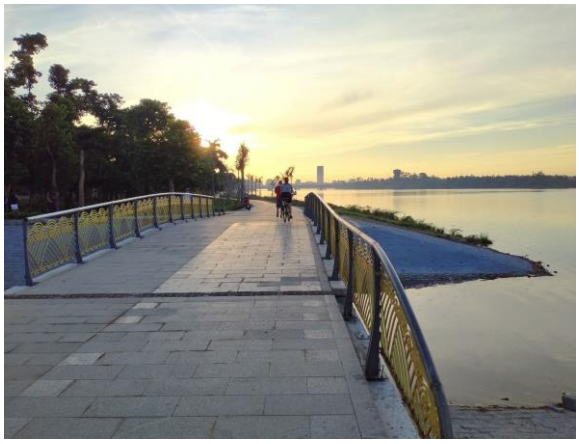

Ảnh: Trung Định

Bài 10: Hôm nay thời tiết ở Huế thế nào?

BÀI 8

CON MUỐN ĂN THÊM MỘT BÁT BÚN BÒ NỮA Ạ!

Mục tiêu của bài học

- Phát âm: ún – uốn
- Chính tả: l, n
- Từ vựng: + Từ chỉ món ăn, đồ uống
- Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học
  + "...thêm...nữa..."
  + "...cả...lẫn..."
  + "...vừa...vừa..."

A. HỘI THOẠI

ĐI ĂN BÚN HUẾ

Ảnh: Huy Dương

Lam : - Hôm nay bố có chuyện gì vui nên mời cả nhà đến đây ăn bún phải không ạ?

Anh : - Bố vừa mới nhận được tiền thưởng của công ty nên muốn chiêu đãi cả nhà ăn sáng ấy mà.

Lam và Thành: - Vâng. Chúng con cảm ơn bố ạ!

Anh : - Bố ăn bún gân, cua. Cả nhà mình thích ăn bún gì nào?

Phương : - Cho em một bát bún giò anh ạ.

Lam : - Dạ con ăn bún bò ạ.

Thành : - Dạ còn con thì ăn bún chả cua ạ. Lát nữa con muốn ăn thêm một bát bún bò nhỏ nữa có được không hả bố?

Anh : - Được chứ. Ôi, nhìn ngon quá. Mời cả nhà ăn đi cho nóng nào!

Từ ngữ:

- tiền thưởng	**- chiêu đãi**	**- thêm**	**- nữa**
- bún bò	**- nóng**	**- lát nữa**	**- ngon**

Thực hành 1

Trả lời câu hỏi

a) Cả nhà Lam đang đi đâu?

……

b) Mẹ Lam thích ăn bún gì?

……

c) Vì sao hôm nay bố Thành lại chiêu đãi mọi người trong nhà đi ăn sáng?

……

d) Ngoài bún chả cua ra, Thành còn muốn ăn thêm bún gì nữa?

……

Thực hành 2

Điền từ vào chỗ trống

cốc *món* *giúp* *cần*

kèm *thêm* *nữa* *vào*

a) Cô cho cháu thêm một …… cà phê nữa ạ.

b) Món bún bò thường ăn ……. thêm với rau sống nữa.

c) Martin cảm thấy bún bò Huế rất ngon nên cậu ấy đã ăn ……. một bát nữa.

d) Nguyên liệu nấu bún bò cần có thêm sả…….

e) Mình không cần thêm sữa …….. cà phê nữa đâu Hà nhé.

f) Ở đây còn có thêm …… xôi xáo nữa hả cậu?

g) Con mua ……. mẹ thêm rau sống để ăn kèm với bún nữa nhé..

h) Ngoài thịt, cá ra, chúng ta …….. ăn thêm nhiều rau xanh nữa.

Thực hành 3

Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu

*Mẫu: A: Bạn muốn ăn **thêm** món gì **nữa** không?*

*B: Mình muốn ăn **thêm** một cốc sữa chua **nữa**.*

Tranh 1	Tranh 2
Tranh 3	Tranh 4

Ảnh: Nhung Dương

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Cậu ấy đang nấu thêm **món xôi ăn kèm với nước xáo nữa**.

……

b) Nếu tôi được **uống thêm một cốc trà cung đình sau khi ăn bún nữa** thì quá tuyệt.

……

c) Đây là lần đầu tiên mình có thể **ăn thêm một bát bún nữa** đấy.

……

d) Chúng ta cần **thêm một ít ruốc nữa** thì nồi xáo mới thơm ngon.

……

e) Tâm Bình ơi, cậu nên bỏ **thêm một tí ớt vào bát bún này nữa đi**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai bốn nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung hội thoại**

B. NGHE

BÚN BÒ HUẾ

Ảnh: Huy Dương

Thực hành 7 **Nghe đoạn giới thiệu về *"Bún bò Huế"* và trả lời câu hỏi**

1. Bún bò là đặc sản ở nơi nào?

……

2. Đến quán bún, người ta có thể ăn bún gì?

……

3. Ba loại gia vị không thể thiếu khi nấu bún bò là gì?

……

Thực hành 8 **Dựa vào nội dung của đoạn *"Bún bò Huế"* và hoàn thành các câu sau:**

1. Bún bò Huế.....
2. Khi nấu bún bò Huế, người nấu nhất định……...
3. ..... khách có thể ăn "bún bò giò heo".
4. Nước dùng có.....
5. Người Huế thường ăn bún bò.....

Thực hành 9 **Dựa vào nội dung đoạn *Bún bò Huế*, chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x) và không đề cập đến (O)**

1. Mỗi lần ăn bún bò, người ta thường ăn hai bát lớn. ( )
2. Bún bò chỉ có vị sả đặc trưng. ( )
3. Bún bò chỉ có ở Huế. ( )

4. Không được thêm nguyên liệu khác ngoài những nguyên liệu chính khi nấu bún bò. ( )

5. Bún bò thường ăn kèm với rau sống. ( )

6. "Bún bò" rất phong phú và đa dạng. ( )

7. Chủ nhật người Huế thường ăn bún bò. ( )

8. Chỉ có người dân ở Huế mới thích món bún bò. ( )

9. Bún bò ở Huế là ngon nhất. ( )

10. Người miền khác cũng thích ăn món bún bò Huế. ( )

Thực hành 10 **Nghe và tìm từ giải nghĩa ở cột B thích hợp với từ ở cột A**

Cột A	Cột B
1. Nấu	a. Làm cho chín thức ăn trong dầu, mỡ đun sôi
2. Hấp	b. Làm cho chín bằng cách đặt trực tiếp trên than hồng hoặc lửa
3. Rán	c. Nấu, nung trong lò, trong nồi đậy kín, cho chín nhừ
4. Nướng	d. Làm chín thức ăn bằng cách đảo đều với dầu mỡ và mắm muối trên bếp lửa
5. Chưng cách thủy	e. Làm chín thực phẩm bằng cách đun trong nước
6. Hầm	f. Làm cho chín thức ăn bằng hơi nóng của nước
7. Xào	g. Đun nhỏ lửa và lâu cho bốc hơi làm chín thức ăn (không để thức ăn trực tiếp với nước)
8. Luộc	h. Đun trong nước cho sôi hoặc chín thành thức ăn, thức uống

Thực hành 11 **Nghe lại đoạn** *"Bún bò Huế"* **và lặp lại**

C. ĐỌC

NẤU BÚN BÒ HUẾ CẦN CÓ CẢ SẢ LẪN RUỐC

Ảnh: Huy Dương

Nấu bún bò Huế thật đơn giản. Người nấu chỉ cần chuẩn bị các nguyên liệu như xương bò, chả cua, chân giò lợn, hành hương, hạt điều là có thể nấu được một nồi nước dùng vừa ngon lành vừa bổ dưỡng. Để nồi nước dùng có mùi vị đặc trưng, người nấu cần chuẩn bị thêm cả sả lẫn ruốc nữa. Ngoài ra, người nấu cũng cần chuẩn bị các nguyên liệu và gia vị ăn kèm như bún tươi, hành lá, hoa chuối, giá đỗ, rau mùi, ớt trái và chanh. Sau khi chuẩn bị xong các nguyên liệu cần thiết, người nấu sẽ nấu theo những bước sau:

Bước 1: Sau khi rửa sạch xương bò, chân giò lợn để ráo, chúng ta cho hai nguyên liệu này vào nồi nước sôi đã được nấu sẵn, hầm chúng đến khi chín vừa.

Bước 2: Mắm ruốc khuấy đều với nước lã rồi đem đun sôi, để lắng khoảng 30 phút; sả cây được bỏ phần ngọn ở trên, chỉ lấy phần gốc, bóc lớp ngoài và đập dập; đem hành lá, giá đỗ, rau mùi, hoa chuối, ớt trái, chanh rửa sạch; hành lá thái mỏng.

Bước 3: Cho hành hương thái mỏng vào chảo dầu để phi đến khi hành thơm, vàng, giòn, sau đó cho hạt điều vào làm màu.

Bước 4: Cho chả cua, nước mắm ruốc trong đã lắng cặn, sả vừa đập dập, nước màu vừa phi, một cục đường phèn và hành hương dã nhuyễn vào nồi nước xương đang nấu, nêm nước mắm và một ít muối đến khi vừa miệng.

Bước 5: Cho bún tươi, nước dùng còn nóng, hành lá thái mỏng vào bát và thưởng thức.

Các bạn hãy nấu thử món này cho gia đình và bạn bè cùng thưởng thức nhé.

Từ ngữ:

- nguyên liệu	**- cả**	**- lẫn**	**- nước dùng**
- kèm	**- sẵn**	**- phi**	**- thái**

1. Nấu bún bò Huế cần những nguyên liệu gì?

……

2. Nấu bún bò bao gồm mấy bước?

……

3. Theo bạn, bước nào là quan trọng nhất khi nấu bún bò?

……

Thực hành 12 **Dựa vào nội dung bài** *Nấu bún bò Huế cần có cả sả lẫn ruốc* **chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Món bún bò không cần đến bún tươi. ( )
2. Nước dùng nấu sau cùng. ( )
3. Muốn ăn cay thì vắt thêm chanh. ( )
4. Mắm ruốc cần nấu sôi để lắng cặn. ( )
5. Không cần đến sả cây khi nấu bún bò. ( )
6. Khi ăn, nước dùng phải còn nóng. ( )
7. Bún bò không nên ăn kèm với hoa chuối. ( )
8. Hầm xương bò cho tới khi chín nhừ, không cần vớt ra, thái mỏng. ( )

Thực hành 13 **Dựa vào nội dung đoạn văn để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Thưởng thức món bún bò.
2. Hầm xương bò, giò lợn.
3. Phi hành hương.
4. Nấu mắm ruốc và lắng cặn.
5. Rửa các loại rau.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Tôi vừa ăn bún bò vừa uống trà đá* như thế nào.

TÔI VỪA ĂN BÚN BÒ VỪA UỐNG TRÀ ẤM

Vừa đến Huế một ngày, tôi đã được các bạn Việt Nam đưa đi thưởng thức món bún bò Huế. Màu sắc của bát bún trông thật bắt mắt. Mùi vị thì khá hấp dẫn, chỉ có điều là hơi cay. Bát bún nóng hổi cùng với vị cay cay đã làm tôi chảy nhiều mồ hôi khi ăn nó. Thấy vậy, các bạn đã gọi thêm cho tôi một cốc trà ấm. Sau khi uống cốc trà ấm này, tôi cảm thấy đỡ cay hơn nhiều và tiếp tục ăn hết một bát bún. Dần dần tôi đã có thói quen vừa ăn bún bò vừa uống trà ấm. Đây là lần trải nghiệm thú vị nhất trong cuộc đời của tôi. Các bạn hãy thử ăn món bún bò Huế xem sao nhé.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn "Tôi vừa ăn bún bò vừa uống trà đá" **và trả lời các câu hỏi sau:**

(1) Hãy tìm ra những câu miêu tả về bát bún bò Huế?

……

(2) Vừa đến Huế, "tôi" đã đi đâu?

……

(3) Màu sắc của bát bún trông như thế nào?

……

(4) Hãy tìm ra những từ ngữ chỉ vị giác khi ăn bún bò Huế?

……

(5) Đoạn văn đã giới thiệu về những phương diện nào của bát bún bò Huế?

……

(6) "Tôi" đã cảm thấy như thế nào sau lần trải nghiệm này?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn "Tôi vừa ăn bún bò vừa uống trà ấm"

Trong đoạn văn trên, tác giả đã miêu tả lần trải nghiệm theo các bước như sau:

Giới thiệu lần đầu tiên tác giả được thưởng thức món bún bò Huế

-> _____->_____

->_____ -> _____

III. Thực tiễn viết

Thực hành 15 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. cô/ cháu/ cho/ thêm/ bát/ bún bò/ một/ và/ một/ cốc/ nữa/ trà đá/ ạ.

……

2. chúng tôi/ ăn/ cả/ thích/ bún/ lẫn/ chả cua/ bún/ giò.

…….

3. các/ gọi thêm/ cậu/ một/ đĩa/ rau/ đấy/ sống/ là/ nữa/ hợp lí.

…….

4. ăn/ bún/ Laura/ ăn/ vừa/ xôi xáo/ vừa/ bò/ hả?

…….

5. nước dùng/ này/ bún khô/ ăn/ với/ có thể/ cả/ bún tươi/ lẫn.

…….

6. sau khi/ bún bò/ anh ấy/ ăn/ lúc nào/ cũng/ thêm/ uống/ một/ cốc/ nữa/ cà phê.

…….

7. là/ lần đầu tiên/ đây/ tôi/ có thể/ ăn/ mà/ cho/ bún bò/ thêm/ cả/ lẫn/ chanh/ ớt/ đấy.

…….

8. vừa/ ở/ Huế/ có/ món/ vừa/ bún mặn/ bún chay/ có/ món.

…….

9. một/ nồi/ thơm ngon/ bún/ khi/ vừa/ có/ cả/ lẫn/ ruốc/ sả.

…….

10. này/ quán/ bún/ vừa/ ngon/ rẻ/ vừa.

…….

Thực hành 16 **Sửa câu sai**

1. Bún bò mẹ tôi nấu vừa mặn vừa nhạt, thật vừa miệng.

…….

2. Chỗ này mới mở thêm nữa nhiều quán bún bò.

…….

3. Cậu ấy nghiện lẫn cà phê cả trà.

…….

4. Tùng Vỹ và Hiền Anh vừa đẹp vừa ăn bánh.

…….

5. Mùi vị bún bò mà người Huế nấu vừa thơm cả hấp dẫn.

…….

6. Đối mặt với nhà Hà có thêm quán bún bò nữa ngon.

…….

7. Cả quán bún này quán bún kia cả đều đông khách.

…….

8. Ở Huế kể cả người già người trẻ đều thích lẫn ăn bún bò.

…….

9. Sở thích của tôi là vừa ăn bún bò lẫn uống sữa đậu nành.

…….

10. Cậu có thêm muốn ăn một bát bún bò không nữa?

…….

Thực hành 17 **Dùng các kết cấu "thêm… nữa/ cả… lẫn…/ vừa… vừa…" để hoàn thành các câu sau:**

1. Bún bò Huế.....
2. Tôi.....
3. Anh ấy.....
4. Huế là.....
5. Ngày mai.....
6. Rau sống.....
7. Chỗ này.....
8. Sau khi ăn bún bò.....
9. Hằng Nga.....
10. Tùng Lâm và Thanh Nhã.....

Thực hành 18 **Luyện viết**

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Lần đầu tiên tôi đi ăn bún bò Huế.

(2) Bún bò là món ăn mà tôi thích nhất.

(3) Lần đầu tiên tôi nấu món bún bò.

(4)_____.

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "…thêm… nữa…"

Ví dụ: - Cô cho cháu thêm một bát bún bò nữa ạ.

- Anh ấy uống thêm một cốc cà phê nữa.

2. Kết cấu "…cả… lẫn…"

Ví dụ: - Chị ấy thích uống cả trà lẫn cà phê.

- Cậu ấy nói được cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp.

3. Kết cấu " …vừa… vừa"

Ví dụ: - Hương vừa xinh đẹp vừa học giỏi.

- Hùng vừa đọc báo vừa xem ti vi.

BÀI 9

CHIẾC NÓN BÀI THƠ NÀY BAO NHIÊU?

Mục tiêu của bài học

- Phát âm: ao - au
- Chính tả: g, gh
- Từ vựng: + Từ chỉ mua bán
- Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học
  + "bao nhiêu (tiền)?"
  + "thử...có được không?"
  + "thử...xem sao"
  + "thử...chưa?"

A. HỘI THOẠI

CHÁU ĐỘI THỬ CÁI NÓN NÀY CÓ ĐƯỢC KHÔNG CÔ?

Ảnh: Huy Danh và Anh Thư

Người mua : - Cô ơi! Cô cho cháu hỏi cái nón lá này tên gọi là gì vậy ạ?

Người bán : - Nón bài thơ đấy cháu.

Người mua : - Sao người ta lại gọi là nón bài thơ hả cô?

Người bán : - Nón bài thơ là một loại nón lá đặc biệt của xứ Huế. Khi soi nó trước ánh sáng chúng ta sẽ nhìn thấy bài thơ hoặc những hình hoa văn về phong cảnh hoặc các công trình kiến trúc ở Huế.

Người mua : - Ôi! Thú vị thật đấy cô ạ. Cháu đội thử cái nón này được không cô? Cháu muốn mua loại nón này để tặng các bạn của cháu. Họ sắp về nước cô ạ.

Người bán : - Cháu muốn mua mấy cái?

Người mua : - Dạ cháu muốn mua 20 cái ạ. Một chiếc bao nhiêu vậy cô?

Người bán : - 50.000 đồng, nhưng cô bán mở hàng cho cháu 45.000 đấy.

Người mua : - Cháu gửi cô một triệu ạ. Cô cho cháu xin cái hóa đơn luôn cô nhé.

Người bán : - Ừ. Cô trả lại cháu 100.000. Lần sau nhớ ghé lại hàng của cô, cô sẽ giảm giá thêm cho.

Người mua : - Vâng, lần sau cháu sẽ ghé lại ạ.

Từ ngữ:

- nón bài thơ	**- bán mở hàng**	**- hóa đơn**	**- tặng**
- người mua	**- người bán**	**- mua**	**- sắp**

Thực hành 1

Trả lời câu hỏi

a) Loại nón lá đặc biệt của xứ Huế có tên gọi là gì?

……

b) Chúng ta có thể nhìn thấy những gì trên chiếc nón bài thơ?

……

c) Vì sao người mua muốn mua nón bài thơ?

……

Thực hành 2

Điền từ vào chỗ trống

bảo hành	*xem*	*mở hàng*	*bộ*
người bán	*thử*	*mảnh*	*mua*

a) Chợ Đông Ba bán ……. áo quần này bao nhiêu?

b) Ở đây ……. rất nhiệt tình.

c) Quầy đặc sản này có rất nhiều người đến…….

d) Tiệm này thường bán ……. rất rẻ.

e) Tôi …….. mang đôi giày này có được không?

f) Loại máy này có ……. không cô?

g) Vải thổ cẩm này bao nhiêu tiền một ……. vậy bà?

h) Marry mặc thử cái váy mình mới mua …….. sao nhé.

Thực hành 3

Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu

*Mẫu: A: Quýt này **bao nhiêu** một cân?*

*B: **30.000** một cân.*

Tranh 1	Tranh 2
Tranh 3	Tranh 4

Thực hành 4

Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm

a) Được chứ! Cháu cứ **thử đôi giày này đi**.

……

b) Được chứ! Cậu **thử ăn món này đi**.

……

c) Cái kẹp tóc này **20.000** thôi.

……

d) Cái nồi cơm này giá **hai triệu** đấy.

……

e) Được chứ! Bạn **thử đeo chiếc ba lô này đi**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung hội thoại**

B. NGHE

CHỢ ĐÔNG BA BÁN CAM BAO NHIÊU MỘT CÂN?

Ảnh: Nguyễn Châu

Thực hành 7 **Dựa vào nội dung của đoạn văn giới thiệu về** *"Chợ Đông Ba bán cam bao nhiêu một cân"* **để hoàn thành các câu sau:**

1. Chợ Đông Ba bán ……...
2. Cam ở chợ Đông Ba ……..
3. Người mua yêu cầu …….
4. Người bán rất……...
5. Người mua đã…….....

Thực hành 8 **Nghe lại đoạn** *"Chợ Đông Ba bán cam bao nhiêu một cân"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Chợ Đông Ba bán cam và quýt. ( )
2. Giá cam ở chợ Đông Ba không rẻ lắm ( )
3. Người mua đã mua 2 kilôgam cam. ( )
4. Một cân cam có giá là 45 nghìn. ( )
5. Người mua đã mua cam với giá là 40 nghìn. ( )
6. Người mua 2 kilôgam cam phải đưa cho người bán là một trăm nghìn. ( )

Thực hành 9 **Nghe – viết lại đoạn hội thoại** *"Chợ Đông Ba bán cam bao nhiêu một cân"*

Thực hành 10 **Nghe lại đoạn hội thoại** *"Chợ Đông Ba bán cam bao nhiêu một cân"* **và lặp lại**

C. ĐỌC

HÔM NAY, CHÚNG TA THỬ ĐI MUA SẮM Ở CHỢ ĐÔNG BA CÓ ĐƯỢC KHÔNG?

Ảnh: Nhung Dương

Hôm nay là ngày cuối tuần, chúng tôi hẹn nhau và thử đi mua sắm ở chợ Đông Ba. Đây là lần đầu tiên đi chợ nên ai nấy đều rất vui và cảm thấy choáng ngợp trước hàng trăm gian hàng. Đầu tiên, chúng tôi đến quầy áo quần. Hằng mua được hai chiếc váy thời trang, một cái quần bò. Hương rất biết trả giá nên bạn ấy mua được nhiều thứ vừa đẹp vừa rẻ. Tôi chỉ mua hai cái áo dài truyền thống về tặng mẹ. Sau đó, chúng tôi đến hàng mũ, nón. Ở đây, những chiếc mũ cói thật xinh xắn. Mỗi người chúng tôi mua mỗi chiếc để đội vào mùa hè. Tiếp theo, chúng tôi đi mua đồ ở các gian hàng khác như đồng hồ, giày dép, kẹp tóc,... Cuối cùng, chúng tôi đến khu ẩm thực thưởng thức đặc sản Huế từ món này đến món khác. Các bạn hãy đến chợ Đông Ba một lần để có trải nghiệm đáng nhớ này nhé!

Từ ngữ:

- choáng ngợp	**- trả giá**	**- truyền thống**	**- mũ**
- gian hàng	**- thưởng thức**	**- thời trang**	**- thứ**

1. "Chúng tôi" đi chợ Đông Ba mua những thứ gì?

……

2. Ai là người biết trả giá nhất?

……

3. Chúng tôi đến khu ẩm thực để làm gì?

……

Thực hành 12 **Dựa vào nội dung đoạn văn** *"Hôm nay, chúng ta thử đi mua sắm ở chợ Đông Ba có được không"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. Ba người "chúng tôi" đi mua sắm vào chủ nhật. ( )
2. "Chúng tôi" mua rất nhiều thứ. ( )
3. Hương chỉ mua hai chiếc áo dài. ( )
4. "Tôi" mua rất nhiều đồ. ( )
5. "Chúng tôi" đi mua các thứ xong mới sang khu ẩm thực. ( )
6. "Tôi" rất thích đi chợ Đông Ba. ( )

Thực hành 13 **Dựa vào nội dung đoạn văn để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Mua hàng ở quầy mũ nón.
2. Mua hàng ở hàng áo quần.
3. Chúng tôi đi chợ vào cuối tuần.
4. Thưởng thức đặc sản Huế.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Các bạn đã thử đến khu ẩm thực trong chợ Đông Ba chưa* như thế nào.

CÁC BẠN ĐÃ THỬ ĐẾN KHU ẨM THỰC TRONG CHỢ ĐÔNG BA CHƯA?

Ảnh: Nhung Dương

Ngoài những gian hàng bán các đồ dùng cần thiết ra, chợ Đông Ba còn có khu ẩm thực nổi tiếng. Đến đây, chúng ta có thể thử ăn các món đậm chất Huế như: bún bò, cơm hến, bèo, nậm, lọc, bánh canh Nam Phổ, bánh khoái - nem lụi Thượng Tứ, bún thịt nướng Kim Long, chè hạt sen hồ Tịnh Tâm, chè trôi nước,… Mỗi món ăn đều được các mệ, các o, các dì bày biện theo một phong cách riêng, vừa bắt mắt vừa ngon miệng. Giá cả lại rất bình dân. Khách hàng có thể đến ăn tại chỗ hoặc là mua về. Các bạn đã thử đến khu ẩm thực trong chợ Đông Ba chưa?

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Các bạn đã thử đến khu ẩm thực trong chợ Đông Ba chưa"* **và trả lời các câu hỏi**

(1) Đến khu ẩm thực, chúng ta có thể thưởng thức những món nào?

……

(2) Các món ăn ở đây như thế nào?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn *"Các bạn đã thử đến khu ẩm thực trong chợ Đông Ba chưa"*

Trong đoạn văn này, tác giả đã giới thiệu *về khu ẩm thực trong chợ Đông Ba* theo các bước như sau:

Giới thiệu khu ẩm thực trong chợ Đông Ba ->_____

->_____->_____

->_____->_____

III. Thực tiễn viết

Thực hành 14 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. một/ mệ ơi/ khay/ bao nhiêu/ bánh bèo?

……

2. ở đây/ đảm bảo/ hàng điện tử/ bảo hành/ chất lượng/ và/ có/ 6 tháng.

……

3. này/ không/ nhà hàng/ có/ bán/ lẻ/ hóa đơn.

……

4. em/ quả/ không/ táo/ ăn/ thử/ này/ có/ được?

……

5. cá/ chợ/ trong/ rất/ tươi/ này/ cũng.

……

6. mua/ khi/ đi/ hàng/ bạn/ có/ thường/ không/ trả/ giá?

……

7. một/ bó/ hoa/ dì ơi/ bao nhiêu?

……

8. Peter/ mua/ cậu/ cái/ mũ/ bao nhiêu/ này?

……

9. Harry/ đeo/ cái/ kính/ thử/ này/ xem.

……

10. bao nhiêu/ này/ cái/ túi?

……

Thực hành 15 **Sửa câu sai**

1. Người mua hàng sắp để hàng hóa ngăn nắp.

……

2. Cháu muốn mua bao nhiêu thử cái kẹp tóc nào?

……

3. Tôi đeo cái vòng này có thử được không?

……

4. Nếu mua ở đấy rồi bạn sẽ có hóa đơn luôn.

……

5. Mặt hàng này mẫu mã đẹp vừa chất lượng kém.

……

6. Chiếc áo này 100 nghìn thì chẳng rất phải cũng không đắt lắm?

……

7. Cậu mua thử hàng ở đằng kia chưa bao nhiêu?

……

8. Một cân dâu tây bao đồng tiền?

……

9. Cậu đeo sợi thử dây chuyền này rồi hẳn mua nó.

……

10. Xuân Hân chơi một bản piano nhé thử.

……

Thực hành 16 **Dùng kết cấu "… bao nhiêu (tiền)/ thử… có được không/ thử… xem sao/ thử… chưa" và hoàn thành các câu sau:**

1. Chợ Đông Ba.....
2. Cậu đã.....
3. Tôi …….....
4. Trong chợ….....
5. Anh…… .....
6. Bố…….....
7. Lầu may.....
8. Thay vì đi chợ An Cựu.....
9. Tủ đựng áo quần.....
10. Cuối tuần.....

Thực hành 17 **Luyện viết**

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Mua sắm.

(2) Đi chợ.

(3) Đi mua sách.

(4)_____.

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……
……
……
……
……
……
……
……
……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "bao nhiêu (tiền)?"

Ví dụ: - Cái nón lá này bao nhiêu (tiền)?

- Nho một cân bao nhiêu?

2. Kết cấu "thử… có được không?"

Ví dụ: - Cháu đội thử cái nón này có được không?

- Tôi ăn thử quả thanh long này có được không?

3. Kết cấu "thử… xem sao"

Ví dụ: - Nhàn thử đọc quyển sách này xem sao.

- Triết thử đeo chiếc đồng hồ này xem sao.

4. Kết cấu "thử… chưa?"

Ví dụ: - Bạn đã thử ăn món này chưa?

- Bạn uống thử loại cà phê này chưa?

BÀI 10

HÔM NAY THỜI TIẾT Ở HUẾ THẾ NÀO?

Mục tiêu của bài học

- Phát âm: iên, uyên
- Chính tả: a, ă
- Từ vựng: + Từ chỉ thời tiết
- Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học
  + "...thế nào?"
  + "có biết...thế nào không?"
  + "Chủ ngữ + nên + động từ"

A. HỘI THOẠI

HÔM NAY TRỜI CÓ MƯA PHÙN

Ảnh: Thanh Hằng

Xuân : - Hôm nay em định đi tham quan danh lam thắng cảnh ở Huế, nhưng không biết thời tiết sao đây ạ. Chị có biết thời tiết ở Việt Nam thế nào không?

Đông : - Thời tiết giữa các miền của Việt Nam không giống nhau em ạ. Vào mùa này, miền Bắc rất lạnh, khí hậu khô; miền Trung thì mưa nhiều; miền Nam thì trời ấm hơn.

Xuân : - Vâng, em cảm ơn chị. Thế hôm nay thời tiết Huế thế nào ạ?

Đông : - Hôm nay trời có mưa phùn, nhiệt độ từ 21^{o}C- 25^{o}C.

Xuân : - Vậy em sẽ mang theo ô để che mưa ạ.

Đông : - Đúng đấy. Ngoài ra, em còn cần chuẩn bị thêm một ít thức ăn và nước uống nữa nhé.

Xuân : - Vâng chị ạ. Em đi một lát rồi về ấy mà nên em chỉ mang theo một ít nước thôi ạ.

Đông : - Ừ. Tùy em nhé. Chúc em đi chơi vui vẻ!

Xuân : - Em cảm ơn chị ạ. Hẹn gặp lại chị sau ạ.

Từ ngữ:

- lạnh	**- khô**	**- ấm**	**- phùn**
- mưa	**- thời tiết**	**- còn**	**- khí hậu**

Thực hành 1 **Trả lời câu hỏi**

a) Hôm nay Xuân định đi đâu?

……

b) Đông có đi cùng với Xuân không?

……

c) Hôm nay thời tiết ở Huế thế nào?

……

d) Xuân đã mang theo những gì khi đi tham quan?

……

Thực hành 2 **Điền từ vào chỗ trống**

mùa khô	*vẫn*	*mùa*	*mùa mưa*
thời tiết	*khí hậu*	*nắng*	*mát mẻ*

a) Hôm nay ..... rất đẹp.

b) ..... ở Huế quả thật quá đặc biệt.

c) Vào……..., bạn nên mang theo áo mưa hoặc ô khi đi dạo ở công viên nhé.

d) Ngày mai nếu trời……thì mình sẽ đi Thiền viện Trúc Lâm cùng các bạn.

e) Không khí ..... ở Chùa Huyền Không Sơn Thượng làm tôi cảm thấy sảng khoái.

f) Chị thích ……Xuân.

g) Thời tiết ở đây chỉ có hai mùa là mùa mưa và…….

h) Ở Huế, trời ……..đang mưa hả anh?

Thực hành 3 **Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu**

*Mẫu: A: Hôm nay **thời tiết** thế nào?*

*B: Hôm nay **trời nhiều mây, có mưa nhỏ, nhiệt độ từ 27- 29ºC***

	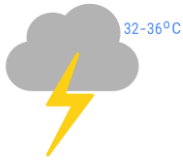
Tranh 1	Tranh 2
Tranh 3	Tranh 4

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Cậu nên đi du lịch ở Việt Nam vào **mùa xuân**.

……

b) **Mùa đông** ở đây trời se se lạnh.

……

c) **Mùa hạ** ở Huế nắng nóng gay gắt.

……

d) **Mùa thu** ở Hà Nội rất đẹp.

……

e) Thời tiết ở Huế vẫn **cứ như vậy anh ạ**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung hội thoại**

B. NGHE

CÁC EM NÊN NGHE DỰ BÁO THỜI TIẾT HUẾ VÀO CÁC NGÀY TRONG TUẦN

Thực hành 7

Nghe đoạn *"Các em nên nghe dự báo thời tiết Huế vào các ngày trong tuần"* **và trả lời câu hỏi**

1. Hôm nay là ngày bao nhiêu?

……

2. Thời tiết của ngày mai như thế nào?

……

3. Chủ nhật nhiệt độ trung bình là bao nhiêu?

……

Thực hành 8

Dựa vào nội dung của đoạn *"Dự báo thời tiết Huế vào các ngày trong tuần"* **và điền các thông tin cần thiết vào bảng sau:**

Thứ	**Ngày/ tháng/năm**	**Thời tiết ban ngày**	**Thời tiết chiều/ đêm**	**Nhiệt độ trung bình**
Hai		Nắng nhẹ	Mưa nhỏ	
Ba	07/01/2019		Không mưa	
	08/01/2019	Nắng		26-30^{o}C
Năm	09/01/2019		Không mưa	
		Nắng		27-33^{o}C
Bảy	11/01/2019	Nắng	Có mưa rào	
	12/01/2019		Không mưa	29-33^{o}C

Thực hành 9

Dựa vào nội dung đoạn *"Các em nên nghe dự báo thời tiết Huế vào các ngày trong tuần"* **chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x) và không đề cập đến (O)**

1. Thứ hai trời không có mây. ( )
2. Hôm nay trời có gió. ( )
3. Thứ ba trời không có gió nhẹ. ( )

4. Ngày kia nhiệt độ không phù hợp cho việc đi dã ngoại. ( )
5. Thứ năm nhiệt độ từ 29 đến 32 độ, đêm có mưa rào. ( )
6. Thứ sáu trời không nắng lắm. ( )
7. Thứ bảy có mưa rào vào buổi chiều. ( )
8. Chủ nhật ngày nắng, đêm không mưa, thích hợp đi du lịch cuối tuần. ( )
9. Huế chỉ có hai mùa, đó là mùa nắng và mùa mưa. ( )
10. Tuần sau trời rất đẹp. ( )

Thực hành 10 **Nghe và điền vào chỗ trống**

1. …….. mát mẻ đã làm cho cây cối phát triển tươi tốt.
2. Áo …….. là một đồ dùng nên mang theo bên người khi bạn sống ở đây.
3. …….. xứ Huế luôn làm tôi cảm thấy nhớ nhà.
4. Huế bây giờ đang là ……...
5. Hôm nay …….. chói chang.
6. Ngày mai trời sẽ …….. lên dần.
7. Thời tiết miền Bắc …….. hơn nhiều so với các miền khác.
8. Bánh khoái mà ăn vào …….. thì ngon tuyệt.
9. Sau này, John vẫn …….. thích đến Huế vào mùa mưa.
10. Cậu …….. về sớm kẻo trời sắp mưa nhé.

Thực hành 11 **Nghe lại đoạn** *" Các em nên nghe dự báo thời tiết Huế vào các ngày trong tuần"* **và lặp lại**

C. ĐỌC

CHÚNG TÔI VẪN CỨ THÍCH ĐẾN THAM QUAN VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ

Ảnh: Phương Loan

Vào mùa hè, khi nhiệt độ ở thành phố Huế tăng cao, chúng tôi liền đi đến Vườn quốc gia Bạch Mã để tránh nóng. Vườn quốc gia Bạch Mã cách thành phố Huế khoảng 40 km về phía Nam. Nơi đây có phong cảnh hữu tình, khí hậu mát mẻ nên đã được nhiều du khách ví như là Đà Lạt của miền Trung. Chúng tôi có rất nhiều hoạt động trong những chuyến du lịch như thế này. Sáng sớm, chúng tôi lên hải vọng đài để hít thở không khí trong lành của cánh rừng nguyên sinh, lắng nghe tiếng chim hót, ngắm nhìn trời mây, rồi đi một vòng đến những con suối và ngọn thác ngoạn mục. Sau khi ăn trưa và nghỉ ngơi ở đấy, chúng tôi lại quay trở về khu vực cắm trại. Ăn tối xong, chúng tôi cùng nhau nói chuyện và chơi các trò chơi dân gian. Bạch Mã, Đại ngàn ngựa trắng, nơi các bạn nên đến để trải nghiệm.

Từ ngữ:

- tăng	**- tránh**	**- chuyến**	**- nguyên sinh**
- lắng nghe	**- suối**	**- thác**	**- ngoạn mục**

Thực hành 12

Đọc bài *"Chúng tôi vẫn cứ thích đến tham quan Vườn quốc gia Bạch Mã"* **và nối một vế ở cột A với một vế ở cột B để có thông tin đúng**

Cột A	CỘT B
1. Bạch Mã	a. có rất nhiều hoạt động khi đến Bạch Mã
2. Bạch Mã có những	b. con suối và ngọn thác ngoạn mục
3. Bạch Mã cách	c. thành phố Huế khoảng 40 ki-lô-mét về phía Nam
4. Lên hải vọng đài	d. còn có tên gọi là Đại ngàn ngựa trắng
5. Chúng tôi	e. chúng tôi có thể hít thở không khí trong lành

Thực hành 13

Đọc đoạn văn nói về *"Chúng tôi vẫn cứ thích đến tham quan Vườn quốc gia Bạch Mã"* **để trả lời câu hỏi**

1. Bạch Mã còn được gọi bằng những cái tên nào?

……

2. Khí hậu ở Bạch Mã như thế nào?

……

3. "Chúng tôi" đến Bạch Mã để làm gì?

……

4. "Chúng tôi" đã có những hoạt động nào tại Bạch Mã?

……

Thực hành 14 **Dựa vào nội dung đoạn văn miêu tả về** *"Chúng tôi vẫn cứ thích đến tham quan Vườn quốc gia Bạch Mã"* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)**

1. "Chúng tôi" thường đến Bạch Mã vào mùa mưa. ( )
2. "Chúng tôi" đến Bạch Mã để tránh mưa. ( )
3. Bạch Mã cách thành phố Huế khoảng 40 km về phía nam. ( )
4. Bạch Mã chỉ có phong cảnh hữu tình mà thôi. ( )
5. "Chúng tôi" ăn cơm trưa và nghỉ ngơi ở khu vực cắm trại. ( )
6. "Chúng tôi" ai cũng thích tắm suối cả. ( )
7. Bạch Mã không có tên gọi nào khác. ( )
8. Bạch Mã là nơi ai cũng nên đến để trải nghiệm. ( )

Thực hành 15 **Dựa vào nội dung đoạn văn để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Tối đến, chúng tôi đã trò chuyện cùng nhau.
2. Buổi trưa, chúng tôi ăn trưa và nghỉ ngơi bên bờ suối và thác.
3. Chúng tôi đã tổ chức nhiều hoạt động.
4. Buổi sáng, chúng tôi lên hải vọng đài.
5. Chúng tôi đến Bạch Mã vào mùa hè.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.
2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.
3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Mưa Huế* như thế nào.

MƯA HUẾ

Ảnh: Anh Phong

Mỗi lần đến Huế vào mùa mưa, tôi luôn cảm thấy sự trầm mặc ở nơi này. Có lẽ mưa Huế đã khiến nơi đây luôn mang một nét gì đó u buồn và hoài cổ. Không giống với thời tiết của những nơi khác, mưa Huế thường dầm dề hơn, dai dẳng hơn và chúng cũng đã khiến cho những ai từng đến Huế đều có chung một nỗi buồn man mác. Ấy thế mà, khi đến Huế vào mùa nắng, khi không có những cơn mưa, chúng tôi lại cảm thấy thiếu vắng, trống trải. Hóa ra, mưa Huế cũng khá độc đáo và rất hợp tông với cái sự trầm mặc và hoài cổ của vùng đất cố đô.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn "Mưa Huế" trả lời các câu hỏi sau:

(1) Hãy tìm ra những câu miêu tả về mưa Huế.

……

(2) Hãy tìm ra những câu miêu tả về Huế vào mùa mưa.

……

(3) Tìm ra những từ ngữ biểu thị tâm trạng của tác giả.

……

(4) Đoạn văn đã giới thiệu về phương diện nào của Huế?

……

(5) Tìm ra những câu miêu tả tình cảm của "tôi" đối với mưa Huế.

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn "Mưa Huế"

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu về *Mưa Huế* theo các bước như sau:

Giới thiệu cảm nhận của tác giả khi đến Huế vào mùa mưa

->_____->_____

->_____->_____

III. Thực tiễn viết

Thực hành 16 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. Huế/ hè sang/ có/ chín mọng/ nhiều/ loại quả.

……

2. nên/ bạn/ Việt Nam/ thường xuyên/ dự báo/ của/ nghe/ ba miền/ thời tiết.

……

3. nhiều/ mùa lạnh/ vào/ bạn/ cần/ uống nước/ đảm bảo/ không/ cơ thể/ cảm thấy/ cũng/ khát nước.

……

4. ở/ độ ẩm/ Huế/ cao/ rất.

……

5. xem/ đã bao giờ/ chưa/ phim/ "Em gái mưa"/ Harry?

……

6. chăm chỉ/ ở sân bóng/ trời/ rất lạnh/ nhưng/ mặc dù/ cậu ấy/ vẫn/ luyện tập thể dục.

……

7. cơ thể/ uống/ trà/ ấm lên/ sẽ/ tỉnh táo/ giúp bạn/ và/ nóng.

……

8. Bạch Mã/ ở/ và/ A Lưới/ thường/ mát mẻ/ khí hậu.

……

9. kết hôn/ thường/ vào/ mùa Thu/ và/ mùa Xuân/ người ta.

……

10. nên/ bạn/ cũng/ dù sao/ không/ người khác/ đối xử/ tệ/ với.

……

Thực hành 17 **Sửa câu sai**

1. Hôm nay thời tiết quá dễ dãi, khi thì nắng, khi thì mưa.

……

2. Về đêm thời tiết Huế bất chợt dễ chịu hơn.

……

3. Các cậu hẳn đi du lịch Huế vào mùa mưa.

……

4. Vào mùa hè, nhiều thanh niên đều bên nhau phong trào "mùa hè xanh".

……

5. Trên cuộc sống, chúng ta nên lẫn nhau quan tâm.

……

6. Cậu ấy ngay lập tức rồi chạy vào nhà tôi để trú mưa.

……

7. Huế đã vào mùa xuân từ trước khi rồi đấy Peter à!

……

8. Mùa đông, rau củ trở lại đắt đỏ.

……

9. Mùa hè, gia đình chúng tôi thường về tắm biển Thuận An và thưởng thức hải sản ở đó cùng nhau lắm rồi.

……

10. Miền Trung không lạnh thua miền Bắc.

……

Thực hành 18 **Dùng các từ "cứ/ vẫn/ còn" để hoàn thành các câu sau**

1. Thời tiết Huế.....
2. Nếu muốn đến Huế thì.....
3. Tôi …….....
4. Huế…….....
5. Chúng tôi…….....
6. Suối voi, thác Nhị hồ .....
7. Suýt chút nữa.....
8. Cuối cùng, anh ấy.....
9. Trời…….....
10. Bây giờ…….....

Thực hành 19 **Luyện viết**

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Khí hậu ở Việt Nam

(2) Khí hậu ở quê hương tôi

(3) Thời tiết Huế hôm nay

(4)_____

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……
……
……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "… thế nào?"

Ví dụ: - Hôm nay thời tiết thế nào?

- Bạn cảm thấy thời tiết ở đây thế nào?

2. Kết cấu "có biết… thế nào không?"

Ví dụ: - Chị có biết thời tiết ở Việt Nam thế nào không?

- Anh có biết thời tiết ở Nhật thế nào không?

3. Kết cấu "Chủ ngữ + nên + động từ"

Ví dụ: - Anh nên đi du lịch ở Huế vào mùa hè.

- Bạn nên đến Huế một lần kẻo tiếc nhé.

CHỦ ĐỀ 4: DU LỊCH VÀ GIAO THÔNG

Ảnh: Thanh Sơn

Bài 11: Bạn đã đến sông Hương, núi Ngự lần nào chưa?

Ảnh: Vĩnh Dũng

Bài 12: Bạn đi đâu đấy?

Ảnh: Thiện Tâm

Bài 13: Làm ơn cho tôi nói chuyện với chị Nhã Quân

BÀI 11

BẠN ĐÃ ĐẾN SÔNG HƯƠNG, NÚI NGỰ LẦN NÀO CHƯA?

Mục tiêu của bài học

- *Phát âm: ên - êm*
- *Chính tả: n, m*
- *Từ vựng: + Từ chỉ nguyên nhân, kết quả*
- *Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học*
  - *+ "...sắp...chưa?"*
  - *+ "...đã...lần nào chưa?"*
  - *+ " Vì...nên..."*

A. HỘI THOẠI

DÒNG SÔNG HỮU TÌNH

Ảnh: Anh Phong

Diễm : - Thư ơi, cậu sắp đến sông Hương chưa?

Thư : - Tớ sắp đến rồi Diễm ạ.

Diễm : - Tại sao cậu lại đi muộn thế?

Thư : - Bởi vì tớ bị kẹt xe.

Diễm : - Vậy hả? Cậu hãy đến nhanh nhanh lên nhé. Hôm nay nước sông Hương đã chuyển sang màu xanh ngọc bích, trong vắt, dòng nước trôi êm ả, trông thật thơ mộng và hữu tình đấy.

Thư : - Ừ, khoảng 5 phút nữa là tớ đến. Cậu chờ tớ một lát nhé.

Diễm : - Ừ.

Thư : - Tớ đến rồi đây. Ôi! Thích quá. Chúng ta hãy đi dạo quanh sông Hương một vòng đi.

Diễm : - Tớ nhất trí, nhưng chúng ta đừng đi bộ mà hãy đi du thuyền trên sông Hương, vì đi du thuyền chúng ta vừa được nghe ca Huế vừa được hít thở không khí trong lành.

Thư : - Ừ. Chúng ta hãy lên thuyền thôi nào!

Từ ngữ:

- vì	**- hữu tình**	**- êm ả**	**- trong vắt**
- thơ mộng	**- hãy**	**- du thuyền**	**- ca Huế**

Thực hành 1

Trả lời câu hỏi

a) Tại sao Thư lại đến muộn?

……

b) Hôm nay sông Hương như thế nào?

……

c) Du thuyền trên sông Hương, du khách sẽ được thưởng thức những gì?

……

Thực hành 2

Hãy dùng các từ "vì/ chớ/ đã/ sắp/ hãy" điền vào chỗ trống

a) Tuệ Nhân, cậu ……. đến phố đi bộ bên bờ sông Hương ngay nhé.

b) Bích Thủy ……. đến nơi chưa vậy các cậu?

c) Các bạn …… uống cà phê bên dòng sông này lần nào chưa?

d) …….. thích ngắm cảnh bờ sông nên mình đã đến đây.

e) Bác …… cho chúng cháu đi lên phía thượng nguồn để chúng cháu có thể nhìn thấy chùa Linh Mụ, điện Hòn Chén và lăng Minh Mạng ạ.

f) Em ……. nhìn thấy người ta đua thuyền trên sông Hương lần nào chưa?

g) ……. cảnh ở đây quá lãng mạn nên chúng tôi thường đến chụp ảnh.

h) Các cậu ……. đứng dậy khi thuyền đang chạy nhanh nhé.

Thực hành 3

Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu

*Mẫu: A: **Tại sao** hôm nay bạn đến đây muộn vậy?*

*B: **Bởi vì** mình bị kẹt xe.*

 Ảnh: Anh Phong	 *Ảnh: Nguyên Thông*
Tranh 1	Tranh 2
 Ảnh: Anh Phong	 *Ảnh: Anh Phong*
Tranh 3	Tranh 4

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Những chùm phượng vĩ bên dòng sông Hương **đã khoe sắc thắm**.

……

b) Chúng ta **hãy xuôi dòng sông Hương đi về thôn Vỹ Dạ để thưởng thức các món cơm hến và chè bắp đặc sắc đi**.

……

c) Cậu chớ nói như vậy vì **nơi này đã từng gắn bó với tuổi thơ của chúng ta**.

……

d) Mike hãy nhìn kìa, cảnh vật nơi đây **đã chìm vào trong sắc hồng, tím**.

……

e) Bởi vì **hôm nay Phương bị ốm nên bạn ấy không đến lớp học**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung hội thoại**

B. NGHE

CHỦ NHẬT TUẦN NÀY CHÚNG TA HÃY LEO LÊN ĐỈNH NÚI NGỰ BÌNH ĐI

Ảnh: Trung Định

Thực hành 7

Dựa vào nội dung của đoạn văn giới thiệu về *"Chủ nhật tuần này chúng ta hãy leo lên đỉnh núi Ngự Bình đi"* **để hoàn thành các câu sau:**

1. Núi Ngự Bình gần……

2. Nếu…… …….

3. ……không khí trong lành.

4. Điểm nổi bật ……...

5. ……. bức tranh sơn thủy hữu tình.

Thực hành 8

Nghe lại đoạn *"Chủ nhật tuần này chúng ta hãy leo lên đỉnh núi Ngự Bình đi""* **và chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x) hoặc không đề cập đến (O)**

1. Núi Ngự Bình là một cảnh quan nổi tiếng ở Huế. ( )

2. Bây giờ ngọn núi này còn được gọi với cái tên là Bằng Sơn. ( )

3. Người Huế thường gọi nó với cái tên thân quen hơn là núi Bình. ( )

4. Nơi đây nổi bật với rừng thông xanh ngát và không khí trong lành. ( )

5. Đứng dưới chân núi, chúng ta có thể thỏa thích ngắm nhìn dòng sông, cây cỏ, chùa chiền. ( )

6. Sự kết hợp hài hòa giữa nó và dòng sông Hương xanh biếc đã tạo nên một bức tranh sơn thủy hữu tình. ( )

7. Về sau, núi Ngự Bình được vua Gia Long đổi tên thành núi Bằng. ( )

8. Núi Ngự Bình cách trường Đại học Ngoại ngữ không xa lắm. ( )

9. Chủ nhật tuần này, Mây và Núi hẹn nhau leo núi Ngự Bình. ( )

10. Núi đã nhắc nhở Mây không nên mang theo đồ đạc lỉnh kỉnh khi leo núi. ( )

Thực hành 9 **Nghe – viết lại đoạn hội thoại "***Chủ nhật tuần này chúng ta hãy leo lên đỉnh núi Ngự Bình đi***"**

Thực hành 10 **Nghe lại đoạn hội thoại "***Chủ nhật tuần này chúng ta hãy leo lên đỉnh núi Ngự Bình đi*" **và lặp lại**

C. ĐỌC

SÔNG HƯƠNG, NÚI NGỰ

Hai cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp mà mọi người vẫn thường nhắc đến ở cố đô Huế đó chính là sông Hương, núi Ngự. Từ bao đời nay, hễ nhắc đến sông Hương thì người ta sẽ nghĩ ngay đến núi Ngự. Chúng luôn hiện hữu bên nhau như hình với bóng, tạo nên một bức tranh sơn thủy thơ mộng. Ngoài ra, vì chúng còn là hai hình tượng độc đáo trong đời sống văn hóa của cư dân địa phương nên sông Hương, núi Ngự luôn được các nhà văn, nhà thơ đưa vào trong các tác phẩm của mình.

Từ ngữ:

- tươi đẹp	**- ngay**	**- tác phẩm**	**- hình tượng**
- thơ mộng	**- độc đáo**	**- cư dân**	**- hiện hữu**

Thực hành 11 **Đọc đoạn văn** *Sông Hương - Núi Ngự* **và trả lời câu hỏi**

1. Sông Hương, núi Ngự là hai cảnh quan như thế nào ở Huế?

……

2. Sông Hương, núi Ngự có mối quan hệ như thế nào?

……

3. Tại sao các nhà văn, nhà thơ lại đưa sông Hương, núi Ngự vào trong tác phẩm của mình?

……

Thực hành 12 **Dựa vào nội dung đoạn văn *Sông Hương - Núi Ngự* chọn đáp án đúng (√), sai (x) hoặc không đề cập đến (O)**

1. Xứ Huế nổi tiếng vì đền đài, lăng tẩm. ( )
2. Huế không có nhà thờ, chùa chiền. ( )
3. Sông Hương, núi Ngự là hai cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp ở Huế. ( )
4. Sông Hương, núi Ngự thường được nhiều nhà văn, nhà thơ đưa vào tác phẩm của mình. ( )
5. Sông Hương, núi Ngự luôn hiện hữu bên nhau. ( )
6. Sông Hương, núi Ngự là hai hình tượng độc đáo, đi vào đời sống văn hóa của người Huế. ( )

Thực hành 13 **Dựa vào nội dung đoạn văn để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Sông Hương, núi Ngự luôn hiện hữu bên nhau.
2. Sông Hương, núi Ngự là hai cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp.
3. Sông Hương, núi Ngự là hai hình tượng độc đáo trong đời sống văn hóa của cư dân địa phương.
4. Hễ nhắc đến sông Hương thì người ta lại nghĩ ngay đến núi Ngự.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.
2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.
3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Bình minh trên sông Hương* như thế nào.

BẠN ĐÃ NHÌN THẤY BÌNH MINH TRÊN SÔNG HƯƠNG LẦN NÀO CHƯA?

Tôi thường đứng ở cầu Trường Tiền để ngắm bình minh trên sông Hương vào mỗi buổi sáng mùa hè. Khi mặt trời vừa lấp ló từ đằng xa, cảnh vật trên dòng sông như được khoác lên mình một màu áo mới. Những đám mây trắng nhởn nhơ, vui đùa trong làn gió nhẹ. Những gợn sóng lăn tăn trôi vào bờ như tấm lụa trắng lung linh. Những chiếc thuyền nhỏ của dân chài đã cập bến trong niềm vui hân hoan. Hương thơm của thảo mộc trên dòng sông đã khiến tôi càng say đắm. Đây là khoảnh khắc tuyệt vời nhất mà tôi từng trải nghiệm. Bạn đã nhìn thấy bình minh trên sông Hương lần nào chưa? Các bạn đừng bỏ lỡ khoảnh khắc này khi đến Huế nhé.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Bạn đã nhìn thấy bình minh trên sông Hương lần nào chưa"* **và trả lời các câu hỏi**

(1) Tác giả thường làm gì vào những buổi sáng mùa hè?

……

(2) Cảnh vật trên sông Hương vào buổi bình minh như thế nào?

……

(3) Cảm xúc của tác giả đối với khoảnh khắc đón bình minh trên sông Hương là gì?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn *"Bạn đã nhìn thấy bình minh trên sông Hương lần nào chưa"*

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu *khoảnh khắc đón* b*ình minh trên sông hương* đó theo các bước như sau:

Giới thiệu thói quen sinh hoạt hằng ngày của tác giả ->_____

->_____->_____

->_____.

III. Thực tiễn viết

Thực hành 14 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. hãy/ chúng ta/ nhớ/ quê hương/ về/ nơi/ con sông/ có/ xanh biếc.

……

2. chúng ta/ tại sao/ không/ lên/ đỉnh/ leo/ núi/ đấy/ lần/ một/ nhỉ?

……

3. Hoa/ phố/ đi/ chưa/ sắp/ đến/ bộ?

……

4. cuối tuần/ đi/ chúng ta/ thuyền/ hãy/ rồng/ đi.

……

5. chúng ta/ nào/ hãy/ đi/ xem/ người/ đèn hoa đăng/ sông Hương/ ta/ thả/ trên/ nhé!

……

6. tôi/ cùng/ các bạn/ tối nay/ ngồi/ bên/ để/ ngắm/ trăng/ bờ/ sông Hương/ hãy.

……

7. Hương/ hãy/ cùng/ đi/ dã ngoại/ gia đình/ mình/ ngày mai/ nhé.

……

8. cậu lại/ tại sao/ ngã/ cầu/ thích/ đi/ vậy/ Trường Tiền?

……

9. bởi vì/ Trường Đại học Sư phạm/ là/ trước mặt/ thơ mộng/ dòng sông Hương.

……

10. đến/ Tuyết Sương/ đã/ Bến Tòa Khâm/ lần nào chưa/ uống/ cà phê?

……

Thực hành 15 **Sửa câu sai**

1. Hãy bạn chạy bộ và tập thể dục bên dòng sông 2 tiếng mỗi ngày.

……

2. Chiều chiều, các bạn sắp đến đây hóng mát lần nào chưa?

……

3. Vì từ trường tôi đến sông Hương không xa lắm nhưng chỉ hơi mất khoảng 10 phút.

……

4. Tại sao cậu ấy đã thích nhìn thấy hoàng hôn tím trên sông Hương không?

……

5. Bởi vì tại sao tôi vừa mới nhìn được bạn John ngồi ở đấy.

……

6. Cô làm ơn cho tôi hỏi sắp lên núi Ngự Bình lần nào chưa?

……

7. Thời trước bởi vì chúng ta đã có thể gặp nhau lần nào chưa nhỉ?

……

8. Vì quá yêu dòng sông này trước tôi không thể rời xa Huế.

……

9. Mỗi khi đi qua, tôi sắp nhớ về nó.

……

10. Vì có dịp đến Huế thì tôi sẽ đi ngắm nhìn vẻ đẹp nên thơ của sông Hương.

……

Thực hành 16 **Dùng các kết cấu "sắp… chưa?/ đã… lần nào chưa?/ Vì… nên…" hoàn thành các câu sau**

1. Các bạn…….....
2. Vì Núi Ngự.....
3. Vì mỗi buổi sáng bình minh.....
4. Vì ở đây có phong cảnh hữu tình….....
5. Quán cà phê bên bờ sông Hương.....
6. Mặt trời.....
7. Trời.....
8. Chúng ta…….....
9. Vì quê tôi.....
10. Hôm nay.....

Thực hành 17 **Luyện viết**

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Dòng sông quê hương tôi.

(2) Ngọn núi quê hương tôi.

(3) Tình cảm của tôi đối với quê hương.

(4)_____.

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……

……

……

……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "… sắp… chưa?"

Ví dụ: - Bạn sắp đến Huế chưa?

- Cậu sắp xuống máy bay chưa?

2. Kết cấu "… đã… lần nào chưa?"

Ví dụ: - Cậu đã ăn bún bò lần nào chưa?

- Hương đã đến đây bao giờ chưa?

3. Kết cấu "Vì… nên…"

Ví dụ: - Vì trời quá lạnh nên tôi phải mặc nhiều áo ấm.

- Vì tôi đã đọc nhiều lần nên bây giờ tôi không muốn đọc nữa.

BÀI 12

BẠN ĐI ĐÂU ĐẤY?

Mục tiêu của bài học

- *Phát âm: oa - ao*
- *Chính tả: c, q*
- *Từ vựng: + Từ chuyển động*
  + Từ chỉ phương tiện giao thông
- *Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học*
  + "Chủ ngữ + động từ + để làm gì?"
  + "Nếu A thì B"
  + Phó từ chỉ thời gian
  + Phó từ chỉ số lượng

A. HỘI THOẠI

TÔI ĐẾN KHOA VIỆT NAM HỌC

Thư : - Sáng nay anh đi đâu đấy? Tôi thấy anh ở bến xe.
Doanh : - Sáng nay tôi về quê thăm mẹ của tôi.
Thư : - Anh vừa mới vào Huế lại hả?
Doanh : - Ừ. Tôi mới vào thôi.
Thư : - Thế bây giờ anh đi đâu?
Doanh : - Tôi đến khoa Việt Nam học.
Thư : - Anh đến Khoa Việt Nam học để làm gì?
Doanh : - Tôi mới thi đỗ cao học nên đến đấy để làm một số thủ tục nhập học.
Thư : - Anh đến đấy bằng cách nào?
Doanh : - Tôi định đi bằng xe đạp. Giao thông ở Huế như thế nào?

Thư : - Giao thông ở đây tương đối an toàn, nhưng nếu anh đi bằng xe đạp thì hơi xa đấy. Anh cất xe đạp đi để tôi chở anh đi bằng xe máy nhé.

Doanh : - Cảm ơn Thư nhé! Hôm nay tôi thật là may mắn.

Thư : - Không có gì anh ạ!

Từ ngữ:

- bến xe	**- thi**	**- cao học**	**- may mắn**
- định	**- mới**	**- thăm**	**- thủ tục**

Thực hành 1

Trả lời câu hỏi

a) Sáng nay Doanh đi đâu?

……

b) Doanh đến Khoa Việt Nam học để làm gì?

……

c) Tình hình giao thông ở Huế như thế nào?

……

d) Doanh đến Khoa Việt Nam học bằng phương tiện gì?

……

e) Doanh cảm thấy hôm nay là một ngày như thế nào?

……

Thực hành 2

Điền từ vào chỗ trống

nếu… thì…	*mỗi*	*ra*	*vừa mới*
về	*đi*	*vào*	*lên*

a) Chúng ta nên ……biển bằng xe taxi.

b) Chuyến tàu SE1 đã ……..đến ga Huế.

c) Ngày mai anh mới bay…….. được Hồng nhé.

d) Tết này chúng ta hãy bay …… Đà Lạt du lịch đi.

e) Chúng mình đạp …… Thiên Mụ chơi đi.

f) ……đã lái xe …….. các bạn tuyệt đối không uống rượu, bia.

g) …….. người đều cần phải chú ý an toàn khi tham gia giao thông.

h) Tôi mới đi siêu thị……..

Thực hành 3

Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu

*Mẫu: A: Hôm nay cậu **về** Làng Sình **để làm gì**?*

*B: Mình về Làng Sình **để** học vẽ tranh.*

Tranh 1

Tranh 2

Thực hành 4

Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm

a) Tôi đã chuẩn bị đủ hồ sơ để **ngày mai đi xin việc**.

……

b) Nếu thi đỗ cao học thì **con nhớ điện về báo tin cho bố mẹ mừng nhé**.

……

c) **Mọi người** đều đồng ý đi nghỉ dưỡng ở Lăng Cô.

……

d) Chúng tôi đến đấy để **thưởng thức ẩm thực Huế**.

……

e) Họ đã về Làng Hoa giấy Thanh Tiên để **tham quan**.

……

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung hội thoại**

B. NGHE

CHÚNG TA LÊN XE XÍCH LÔ THÔI NÀO

Ảnh: Huy Danh

Thực hành 7 **Nghe đoạn hội thoại** *"Chúng ta lên xe xích lô thôi nào"* **và trả lời câu hỏi**

1. Xe xích lô là phương tiện không thể thiếu đối với ai?

……

2. Xe xích lô chạy như thế nào?

……

3. Khi ngồi trên xe xích lô để ngắm cảnh Huế thì du khách sẽ cảm thấy như thế nào?

……

Thực hành 8 **Dựa vào nội dung của đoạn hội thoại** *"Chúng ta lên xe xích lô thôi nào"* **hoàn thành các câu dưới đây**

1. Xích lô từ lâu đã là phương tiện không thể thiếu .....
2. Những chiếc xe chạy chậm rãi.....
3. Xích lô Huế .....

4. Ngắm Huế trên xích lô…….....

5. Đi taxi .....

6. Tom .....

Thực hành 9 **Dựa vào nội dung đoạn** *"Chúng ta lên xe xích lô thôi nào"* **chọn đáp án đúng (√), sai (x) hoặc không đề cập đến (O)**

1. Xích lô không phải là phương tiện chủ yếu của người dân Huế. ( )
2. Xích lô thường chạy rất nhanh. ( )
3. Xích lô rất duyên dáng. ( )
4. Xích lô Huế đã trở thành một nét riêng của Huế. ( )
5. Ngồi trên xích lô, du khách có thể ngắm được cảnh Huế. ( )
6. Đi xích lô đẹp ở trang phục. ( )
7. Du khách có thể ngắm kinh thành Huế khi ngồi trên xích lô. ( )
8. Ngồi trên xích lô là một thói quen tao nhã của người Huế. ( )
9. Ngồi trên xe xích lô du khách sẽ trở thành người sang ở chốn kinh kỳ. ( )
10. Một chiếc xích lô có thể chở hai người. ( )

Thực hành 10 **Nghe và điền trống**

1. Hầu hết người Huế đều thích ……..xe máy.
2. Cậu ……. bến xe phía Nam để làm gì?
3. Nhung cũng nghĩ là …….. xe buýt sẽ thuận tiện hơn so với đi xe máy.
4. Bạn có thể ……. bộ đến siêu thị Vincom.
5. ……. muốn đến Nhà văn hóa Trung tâm nhanh hơn …… bạn có thể đi bằng xe ôm.
6. Thi …….. đi Bà Nà về.
7. Các bạn có thể thuê xe đạp đôi để ……. đến Đại nội.
8. Cuối tuần chúng tôi thường …… đầm Chuồn để thưởng thức món bánh khoái cá kình.
9. Tôi ngồi xe ô tô ra Quảng Bình …….. đi tham quan động Phong Nha – Kẻ Bàng.
10. Trước đây, tôi thường …… Hải Vân Quan ngắm cảnh.

Thực hành 11 **Nghe lại đoạn hội thoại***"Chúng ta lên xe xích lô thôi nào"* **và lặp lại**

C. ĐỌC

ĐI XE BUÝT Ở HUẾ

Nếu đến Huế du lịch thì bạn sẽ có khá nhiều lựa chọn về phương tiện đi lại phù hợp và thuận tiện. Ngoài xe xích lô, xe đạp, xe máy, xe taxi,… bạn còn có thể đi bằng xe buýt. Hiện nay, ở Huế có các tuyến xe buýt như sau:

Tuyến số 1: Bến xe phía Nam – Bến xe phía Bắc

- Lộ trình xe buýt: Bến xe Phía Nam - An Dương Vương - Hùng Vương - Hà Nội - Trần Hưng Đạo - Lê Lợi - Nguyễn Sinh Cung - QL49 - TT. Thuận An (và ngược lại)
- Thời gian hoạt động: Từ 05h00-17h00 hằng ngày
- Tần suất chạy xe : 30 phút/chuyến
- Giá vé:
  + Vé lượt: 3.000 đồng/khách
  + Vé tháng: 80.000 đồng/khách
  + Vé tháng ưu tiên: 40.000 đồng/khách

Tuyến số 2: Bến xe phía Bắc – Bến xe phía Nam – Trạm Phú Bài

- Lộ trình: Bến xe Phía Bắc - Lê Duẩn - Trần Hưng Đạo - Lê Lợi - Nguyễn Huệ - Bệnh viện ĐH Y Khoa - Đống Đa - Lê Quý Đôn - Bà Triệu - Hùng Vương - An Dương Vương - Bến xe Phía Nam - QL1A - KCN Phú Thứ - Sân bay Phú Bài - Trạm Phú Bài (và ngược lại)
- Thời gian hoạt động: Từ 7h00-17h30 hằng ngày
- Tần suất chạy xe:
  + Buổi sáng: 30 phút/chuyến
  + Buổi chiều: 60 phút/chuyến
- Giá vé:
  + Vé lượt: 4.000 đồng/khách
  + Vé tháng: 110.000 đồng/khách
  + Vé ưu tiên: 55.000 đồng/khách

Từ ngữ:

- tuyến	**- lượt**	**- bến xe**	**- tần suất**
- xe buýt	**- hoạt động**	**- hằng ngày**	**- ngược lại**

Thực hành 12

Đọc bài *"Đi xe buýt ở Huế"* **và nối một vế ở cột A với một vế ở cột B để có thông tin đúng**

Cột A	Cột B
1. Nếu bạn muốn đi từ đường Hùng Vương đến thị trấn Thuận An 2. Giá vé ưu tiên của tuyến xe buýt số 2 là 3. Xe buýt Huế có 4. Giá vé tháng của tuyến xe buýt số 1 là 5. Tần suất chạy xe vào buổi sáng của tuyến xe buýt số 2 là 6. Thời gian hoạt động của tuyến xe buýt số 1 là	a. hai tuyến chính b. 80.000 đồng/khách. c. 30 phút/chuyến. d. thì lên chuyến xe buýt số 1 e. 55.000 đồng/khách. f. từ 05h00-17h00 hằng ngày

Thực hành 13 **Đọc đoạn văn nói về** *"Đi xe buýt ở Huế"* **và trả lời câu hỏi**

1. Người muốn đi tuyến xe buýt số 1 có thể đón xe ở những điểm nào?

……

2. Giá vé của tuyến xe buýt số 2 như thế nào?

……

3. Tần suất chạy của hai tuyến xe buýt ra sao?

……

4. Thời gian hoạt động của tuyến xe số 1 như thế nào?

……

Thực hành 14 **Dựa vào bài đọc** *"Đi xe buýt ở Huế"* **điền trống các câu sau**

1. Nếu muốn đi xe buýt tuyến số 2 vào buổi chiều thì bạn phải đợi khoảng…… phút.
2. Giá vé một lượt đi của tuyến xe buýt số 2 là…….
3. Giá vé ưu tiên cho hành khách đi xe buýt tuyến số 1 …….....
4. Từ 7h00-17h30 hằng ngày là thời gian hoạt động của .....
5. Đối với tuyến xe buýt số 1, nếu tính cả lượt đi và lượt về thì hành khách.....
6. Tần suất chạy của hai tuyến xe buýt là .....
7. Từ trạm Phú Bài đến Bến xe phía Bắc cần phải đi xe buýt .....
8. Từ thị trấn Thuận An đến Bến xe phía Nam cần phải đi xe buýt .....

9. Tuyến đường xe buýt số 1 ..... với tuyến đường của xe buýt số 2.

10. ..... của tuyến xe buýt số 2 là 110.000 đồng.

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về "Cuối tuần vui vẻ" như thế nào.

CUỐI TUẦN VUI VẺ

Ảnh: Trung Định

Thời gian vui vẻ nhất của tôi khi du học ở Huế là vào dịp cuối tuần. Thông thường, cứ đến chiều thứ 6, tôi và các bạn thường đi thưởng thức các món đặc sản ở Huế, đặc biệt là đồ ăn vặt. Đồ ăn vặt của Huế rất ngon, đậm đà hương vị miền Trung. Chúng tôi đã đến cung An Định ăn bánh bèo, bánh lọc, ram ít, rồi lại đạp xuống Vỹ Dạ ăn cơm hến, chè bắp. Sáng thứ 7, chúng tôi lại đạp lên chùa Huyền Không để ngắm cảnh. Trên đường về, chúng tôi ghé vào các nơi yêu thích để chụp ảnh và tán gẫu. Ngoài ra, tôi cũng rất thích cuộc sống ban đêm ở nơi này. Tôi có thể đạp xe đạp ra cầu Tràng Tiền để hóng mát. Sau khi gửi xe, tôi thong dong hít thở không khí trong lành ở cầu đi bộ. Cầu Tràng Tiền với bảy sắc cầu vồng và cầu đi bộ với những tiếng cười sảng khoái cũng đủ làm tôi cảm thấy thư giãn sau một tuần học tập vất vả. Tại nơi này, tôi đã có thể làm quen nhiều bạn Việt Nam. Thường xuyên nói chuyện với các bạn ấy nên tiếng Việt của tôi ngày càng tiến bộ hơn.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Cuối tuần vui vẻ"* **và trả lời các câu hỏi**

(1) Hãy tìm ra những câu miêu tả về thời gian cuối tuần của "tôi".

……

(2) Nguyên nhân nào khiến "tôi" thích thời gian cuối tuần?

……

(3) "Tôi" đã ăn những món ăn nào?

……

(4) Hãy tìm ra những câu miêu tả "tôi" khi đi dạo bộ.

……

(5) Điều gì đã làm "tôi" cảm thấy thư giãn?

……

(6) "Tôi" đi đến cầu Tràng Tiền bằng phương tiện gì?

……

(7) Đồ ăn vặt ở Huế như thế nào?

……

(8) "Tôi" có thể nghỉ ngơi bao lâu vào cuối tuần?

……

(9) Trình độ tiếng Việt của "tôi" ra sao?

……

(10) Đoạn văn đã miêu tả những sự việc nào trong thời gian cuối tuần của "tôi"?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn *"Cuối tuần vui vẻ"*

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu sinh hoạt cuối tuần của "tôi" trong thời gian du học ở Huế theo các bước như sau:

Đầu tiên, tác giả giới thiệu thời gian cuối tuần rất vui vẻ, tiếp đến là nói rõ_____, sau đó giới thiệu đến 3 việc mà "tôi" thường làm vào cuối tuần, đó là:_____, _____, _____.

III. Thực tiễn viết

Thực hành 15 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. bộ/ vào/ phố đi/ nếu/ thì/ bạn/ nên/ để/ ngoài/ này/ xe/ ở.

……

2. thư/ gửi/ cho/ của/ cậu/ mình/ đã/ đến/ ngày/ hôm/ qua/ vào.

……

3. từ/ Phố cổ Hội An/ Huế/ đến/ cậu/ cũng/ bằng/ có thể/ xe máy/ đi.

……

4. thức dậy/ buổi sáng/ Mary/ chạy bộ/ thường/ sớm/ để.

……

5. nếu/ đi/ siêu thị/ cậu/ thì/ mua/ giúp/ hộp/ mình/ hai/ sữa/ nhé/ Đà Lạt.

……

6. thường/ tàu biển/ bị/ say sóng/ khi/ đi du lịch/ cậu ấy/ bằng.

……

7. tôi/ bay/ nước/ ngày mai/ về.

……

8. Lan/ trả tiền/ vừa/ cho/ vận chuyển/ bưu điện.

……

9. thời tiết/ đến/ Huế/ chậm/ vì/ sự cố/ về/ bưu phẩm.

……

10. thanh niên/ đi/ là/ một/ hoạt động/ đang/ được/ Việt Nam/ ưa chuộng/ dã ngoại.

……

Thực hành 16

Sửa câu sai

1. Thanh bước về xe liền ôm chầm lấy mẹ.

……

2. Chiếc nhẫn bị rơi về cốc nước.

……

3. Nếu muốn đi du lịch xa nên bạn cần phải đặt phòng trước sau.

……

4. Bố tôi đi phượt ra mùa hè.

……

5. Những người chuẩn bị một ít thức ăn, nước uống rồi cùng nhau lên picnic.

……

6. Vừa đi quanh Đại Nội một lát vừa em Cúc đã cảm thấy mỏi chân.

……

7. Vào mùa lạnh, chúng ta nên đi giày thể thao để giữ ấm đôi chân của họ.

……

8. Đi tàu hỏa cũng thú vị, nên lại rất an toàn.

……

9. Bạn đã bao giờ về tàu điện ngầm chưa?

……

10. Khi nếu dạo ở phố đi bộ, Liên và Loan cảm thấy vui vẻ hơn thua.

……

Thực hành 17

Hoàn thành các câu sau:

1. Anh đến.....
2. Nếu đi Đại Nội .....
3. Hòa đi xe ô tô.....
4. Nếu sinh viên…….....
5. Hàng hóa vừa.....
6. Về Cầu Hai .....
7. Rú Chá, một điểm du lịch ở Huế.....đến.....
8. Khi đến Nhà hàng Duyên Anh.....
9. Tôi xuống.....
10. Tuệ Anh vào…….....

Thực hành 18

Luyện viết

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Cuộc sống cuối tuần của tôi

(2) Cuộc sống vui vẻ của lưu học sinh

(3) Cuộc sống khó quên của thời sinh viên

(4)_____

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……

……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu sử dụng động từ chuyển động "đi/ đến/ ra/ vào/ lên/ xuống/ về…?"

Ví dụ: - Hôm nay chúng tôi đi du lịch.

- Ngày mai các bạn ấy sẽ đến nơi.
- Ngày kia họ bay ra Hà Nội.
- Tôi vừa bay vào Huế.
- Cậu ấy đã trèo lên được tầng sáu.
- Tôi vừa ở tầng hai chạy xuống.
- Takaya đã về quê.

2. Kết cấu "Chủ ngữ + động từ + để làm gì?"

Ví dụ: - Chị vào Sài Gòn để làm gì?

- Bạn ra Hà Nội để làm gì?

3. Kết cấu "Nếu A thì B"

Ví dụ: - Nếu cậu về quê thì cho mình gửi lời thăm hai bác nhé.

- Nếu chăm chỉ học tập thì bạn sẽ đạt thành tích cao.

4. Kết cấu sử dụng phó từ chỉ thời gian "vừa/ mới/ vừa mới"

Ví dụ: - Tôi vừa về đến nhà.

- Tôi chỉ mới đến cách đây 5 phút thôi.
- Cậu ấy vừa mới đến sân bay.

5. Kết cấu sử dụng phó từ chỉ số lượng "mỗi/ mọi"

Ví dụ: - Mỗi người đều phải cố gắng nỗ lực học tập.

- Mọi người đều nghĩ như vậy phải không?

BÀI 13

LÀM ƠN CHO TÔI NÓI CHUYỆN VỚI CHỊ NHÃ QUÂN

Mục tiêu của bài học

- Phát âm: ơn - ân
- Chính tả: v, ph
- Từ vựng: + Từ cầu khiến
  + Từ chỉ hoạt động nói chuyện qua điện thoại
- Ngữ pháp: Một số kết cấu trong bài học
  + "Làm ơn + cho+ đại từ"
  + "Xin phép + cho + đại từ"

A. HỘI THOẠI

GỌI ĐIỆN THOẠI ĐẾN KHÁCH SẠN LĂNG CÔ

Đức Đạt : - Làm ơn cho tôi hỏi đây có phải là số điện thoại của khách sạn Lăng Cô không ạ?

Nhã Thanh : - Vâng. Đúng rồi anh ạ.

Đức Đạt : - Chị làm ơn cho tôi nói chuyện với chị Nhã Quân.

Nhã Thanh : - Sáng nay gia đình chị ấy có việc nên đã xin phép nghỉ một buổi rồi anh ạ. Anh có nhắn tin gì không?

Đức Đạt : - À, không. Tôi chỉ muốn đặt phòng nghỉ tại khách sạn thôi. Chị có số di động của chị Nhã Quân không?

Nhã Thanh : - Có anh ạ. Số di động của chị ấy là 0989.639.XXX, nhưng anh cũng có thể đặt phòng qua số máy anh đang gọi đấy ạ.

Đức Đạt : - Vâng. Tôi cảm ơn chị nhé. Có gì tôi sẽ liên lạc sau.

Nhã Thanh : - Vâng ạ! Chào anh.

Đức Đạt : - Chào chị!

Từ ngữ:

- làm ơn	**- xin phép**	**- đặt phòng**	**- liên lạc**
- khách sạn	**- nhắn tin**	**- số máy**	**- di động**

Thực hành 1 **Trả lời câu hỏi**

a) Đức Đạt đã gọi điện thoại đi đâu?

……

b) Đức Đạt đã nói chuyện với ạ?

……

c) Đức Đạt gọi điện thoại đến khách sạn Lăng Cô để làm gì?

……

d) Sáng nay Nhã Quân có đi làm không?

……

Thực hành 2 **Điền từ vào chỗ trống**

a) Chị gọi nhầm……...

b) Làm ơn cho tôi hỏi Lăng Cô …….. đẹp đứng thứ 3 của Việt Nam không?

c) Xin phép cô cho cháu……..

d) Duy à, bạn có muốn nhắn……..?

e) Giám đốc đã đi vắng……

f) Làm ơn bố trí cho tôi một phòng nghỉ…….

g) Làm ơn cho tôi hỏi những đứa trẻ ……?

h) Làm ơn cho chúng tôi hỏi……..?

Thực hành 3 **Nhìn tranh hỏi – đáp theo mẫu**

*Mẫu: A: **Làm ơn cho** tôi hỏi anh chị đang chơi kéo co phải không?*

B: Vâng. Đúng rồi anh ạ.

Tranh 1	Tranh 2
Tranh 3	Tranh 4

Thực hành 4 **Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm**

a) Làm ơn cho chúng tôi **đi tham quan hòn đảo ngọc lúc 8:00 cô nhé**.

……...

b) **Xin phép thầy** cho em ra ngoài một lát ạ.

……...

c) Cậu ấy **không phải là Harry**.

……...

d) Làm ơn cho tôi **thêm một đĩa cơm**.

……...

e) **Xin phép cô** cho em vào lớp ạ.

……...

Thực hành 5 **Luyện nói đoạn hội thoại theo cặp**

Thực hành 6 **Đóng vai hai nhân vật hỏi – đáp trong một ngữ cảnh tương tự với nội dung hội thoại**

B. NGHE

XIN PHÉP CÁC BẠN CHO MÌNH NÓI VỀ KẾ HOẠCH ĐI BIỂN VÀO NGÀY MAI

Thực hành 7

Dựa vào nội dung của đoạn hội thoại giới thiệu về *"Xin phép các bạn cho mình nói về kế hoạch đi biển vào ngày mai"* **để hoàn thành các câu dưới đây**

1. Làm ơn.....……
2. Đầm Lập An …….....
3. Các bạn ấy có thể …….....
4. Hải sản.....……
5. Nếu đi Lăng Cô thì .....…….....

Thực hành 8

Nghe lại đoạn *"Kế hoạch đi biển"* **và chọn đáp án đúng (√), sai (x) hoặc không đề cập đến (O)**

1. Hội thoại có ba người. ( )
2. Ba người bạn đang chuẩn bị về nước. ( )
3. Họ định đi biển Lăng Cô. ( )
4. Về Lăng Cô, họ không ăn cơm ở nhà hàng. ( )
5. Họ định ăn cơm tại đầm Lập An. ( )
6. Họ đi biển Lăng Cô bằng xe máy. ( )
7. Đi Lăng Cô không cần chuẩn bị gì. ( )
8. Hải sản ở đầm Lập An tươi ngon. ( )
9. Các bạn ấy hẹn nhau lúc 8 giờ sáng. ( )
10. Takaya không đồng ý đi biển Lăng Cô. ( )

Thực hành 9 **Nghe – viết lại đoạn hội thoại** *"Xin phép các bạn cho mình nói về kế hoạch đi biển vào ngày mai"*

Thực hành 10 **Nghe lại đoạn hội thoại** *"Xin phép các bạn cho mình nói về kế hoạch đi biển vào ngày mai"* **và lặp lại**

C. ĐỌC

BẠN LÀM ƠN CHO TÔI BIẾT MỘT VÀI THÔNG TIN VỀ BÃI BIỂN LĂNG CÔ ĐƯỢC KHÔNG?

Mùa này, thời tiết ở Huế rất nóng nên đi biển là thích nhất. Chúng tôi đã từng nghe người ta nhắc đến biển Lăng Cô nên rất muốn đến đó để nghỉ mát, nhưng không ai biết nó ở đâu và như thế nào. Vì vậy, tôi đành nhờ một người bạn mới giới thiệu giúp chúng tôi. Tôi nói: "Triết, bạn làm ơn cho tôi biết một vài thông tin về bãi biển Lăng Cô được không? ". Triết trả lời rằng: "Bãi biển Lăng Cô là một danh lam thắng cảnh thiên nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế, nằm cách thành phố Huế khoảng 70 km. Từ lâu nó đã nổi tiếng là một bãi biển có các điều kiện tự nhiên và phong cảnh vào loại đẹp nhất Việt Nam. Ở đấy có bãi cát trắng dài hơn 10 km, làn nước biển trong xanh bao la tuyệt đẹp. Tôi lại hỏi tiếp: "Xin phép cho tôi được hỏi thêm một câu nữa là hải sản ở đấy thì sao hả bạn?" Triết đáp: "Hải sản ở đấy rất ngon". Quả thật, Triết đã giới thiệu một cách hấp dẫn về bãi biển này. Do đó, sau khi nghe Triết giới thiệu xong, chúng tôi cảm thấy rất thú vị và quyết định về biển Lăng Cô để trải nghiệm.

Từ ngữ:

- từng	**- nghỉ mát**	**- đành**	**- thông tin**
- từ lâu	**- bao la**	**- quả thật**	**- quyết định**

Thực hành 11 **Đọc đoạn văn trên và trả lời câu hỏi**

1. "Chúng tôi" muốn đi đâu? Tại sao?

……

2. Triết đã giới thiệu về biển Lăng Cô như thế nào?

……

3. Cuối cùng "chúng tôi" đã đưa ra quyết định gì?

……

Thực hành 12 **Dựa vào nội dung đoạn văn trên chọn đáp án đúng (√), sai (x) hoặc không đề cập đến (O)**

1. Biển Lăng Cô cách thành phố Huế khoảng 70 km. ( )
2. Lăng Cô có bãi cát trắng gần 10 km. ( )
3. Đầm Lập An nằm cạnh núi rừng và biển. ( )
4. Lăng Cô được đưa vào danh sách các khu du lịch quốc gia Việt Nam. ( )
5. Biển Lăng Cô có màu nước trong xanh. ( )
6. Lăng Cô là một bãi biển có các điều kiện tự nhiên và phong cảnh vào loại đẹp nhất ở Việt Nam. ( )
7. Mùa hè thời tiết ở Huế không nóng lắm. ( )
8. "Chúng tôi" biết rất rõ ràng về biển Lăng Cô trước khi nhờ bạn Triết giới thiệu. ( )
9. Sau khi nghe bạn Triết giới thiệu về biển Lăng Cô, "chúng tôi" đều cảm thấy hạnh phúc. ( )
10. Cuối cùng, "chúng tôi" quyết định về Lăng Cô để trải nghiệm. ( )

Thực hành 13 **Dựa vào nội dung đoạn văn để sắp xếp theo một trật tự đúng**

1. Bãi biển Lăng Cô là một danh lam thắng cảnh thiên nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Phong cảnh ở bãi biển thuộc loại đẹp nhất ở Việt Nam.
3. Tôi nhờ một người bạn mới giới thiệu giúp chúng tôi.
4. Mùa này, thời tiết ở Huế rất nóng nên đi biển là thích nhất.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

I. Đọc đoạn văn mẫu

1. Sinh viên đọc thầm đoạn văn.

2. Giáo viên dẫn đọc hoặc giáo viên và sinh viên cùng đọc.

3. Đọc đoạn văn thêm lần nữa và xem tác giả giới thiệu về *Xin phép bố mẹ cho con đi biển Lăng Cô với các bạn ạ* như thế nào.

XIN PHÉP BỐ MẸ CHO CON ĐI BIỂN LĂNG CÔ VỚI CÁC BẠN Ạ

Ảnh: Anh Phong

Hè về, tôi thường thích đi biển Lăng Cô cùng với nhóm bạn thân. Tuy nhiên, đi đâu cũng thế, tôi đều xin phép người lớn cả. Mẹ tôi thì rất dễ tính nhưng bố tôi lại là người rất nghiêm khắc. Sau vài lần xin phép, bố mới đồng ý cho tôi đi. Thế là chúng tôi đã cùng nhau xuống biển bằng taxi. Xe vừa đến biển, mọi người liền chạy một mạch ra bãi biển, nhắm chặt mắt lại, hít một hơi thật sâu để cảm nhận được mùi vị mặn nồng của biển. Sau khi tắm biển thỏa thích, chúng tôi ăn cơm trưa và nghỉ ngơi một lát. Chiều chiều, chúng tôi lại tụ họp bên bờ biển cùng nhau thưởng thức các món hải sản tươi ngon như: mực, cua, tôm, cá,… Ngoài ra, ở đây còn có các món ăn nổi tiếng khác như: mực khô hai nắng, mắm sò Lăng Cô và bánh canh chả cua. Tối đến, chúng tôi lại cùng nhau đốt lửa trại và chơi các trò chơi dân gian. Đối với tôi, đây quả thật là một chuyến đi tuyệt vời nhất.

II. Phân tích đoạn văn

1. Dựa vào nội dung của đoạn văn trên và trả lời các câu hỏi

(1) "Tôi" đi biển cùng ai?

……

(2) Hoạt động một ngày trên biển của các bạn ấy như thế nào?

……

(3) "Tôi" có cảm nghĩ như thế nào khi đến biển Lăng Cô?

……

2. Các bước mà tác giả đã dùng để viết đoạn văn "*Xin phép bố mẹ cho con đi biển Lăng Cô với các bạn ạ*"

Trong đoạn văn trên, tác giả đã giới thiệu *chuyến đi biển Lăng cô cùng với nhóm bạn* theo các bước như sau:

Giới thiệu việc xin phép bố mẹ để được đi biển cùng nhóm bạn

->_____->_____

->_____->_____

III. Thực tiễn viết

Thực hành 14 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. mình/ hôm nay/ điện/ hẹn/ Giang/ nhưng/ cậu ấy/ đi/ biển/ lại/ đi vắng.

……

2. cho/ tôi/ làm ơn/ hỏi/ đây/ có/ phải/ là/ không/ nhím biển?

……

3. ông/ gọi/ cho/ làm ơn/ tôi/ số máy/ theo/ này/ nhé.

……

4. cô/ cho/ tôi/ làm ơn/ hỏi/ chúng tôi/ tổ chức/ có thể/ đây/ không/ tiệc nướng/ tại?

……

5. bố/ xin phép/ tắm biển/ cho/ con/ thêm/ nữa/ ạ/ một lát.

……

6. cậu/ có/ thế/ muốn/ nhắn/ ông chủ/ gì/ với/ không?

……

7. làm ơn/ tôi/ một/ chụp/ giúp/ bức ảnh/ biển/ trên/ bãi/ này.

……

8. sang/ cậu/ làm ơn/ đầm/ giúp/ mình/ Lập An/ nhanh/ nhé.

……

9. làm sao/ hôm nay/ bị/ nhầm số/ mà/ cậu/ cứ/ bấm/ thế?

……

10. được/ xin phép/ cho/ tôi/ mời/ cốc bia/ các/ anh/ một.

……

Thực hành 15 **Sửa câu sai**

1. Cậu xin phép bơi nhanh nhanh giúp mình.

……

2. Tôi làm ơn cho hỏi cậu là Linh Chuyên phải không?

……

3. Làm ơn Vĩnh Duy bạn cho tôi gặp.

……

4. Phiền làm ơn cho cháu hỏi rặng phi lao này được họ trồng từ năm nào?

……

5. Bác Vĩnh Dũng nhắn nói nếu có gì nên hãy tin lại cho bác.

……

6. Làm ơn tôi cho nói chuyện với thuyền trưởng.

……

7. Cho làm ơn tớ mượn cái điện thoại để tớ gọi điện về cho nhà một tí nhé.

……

8. Cho anh Huy Danh đặt thêm một phòng nghỉ nữa nhé làm ơn.

……

9. Cho tôi xin phép làm ơn hỏi có ai trong nhà không?

……

10. Tôi hỏi anh xin phép cho có phải là anh Huy Dương không?

……

Thực hành 16 **Dùng kết cấu "Làm ơn + cho + đại từ" hoặc "Xin phép + cho + đại từ" hoàn thành các câu sau:**

1. …….. thời tiết ở Huế như thế nào?

2. ..... được đi cùng đoàn ạ.

3. ..... vào lớp ạ.

4. ..... hỏi cô là ai?

5. ..... biết về lịch sử nơi này.

6..... khi đi biển nhé.

7. ..... nhà cậu ở đâu?

8..... điện thoại mới của cậu phải không?

9..... gặp Lan ạ.

10..... của ai?

Thực hành 17 Luyện viết

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Lần đầu tiên tôi gọi điện thoại về cho gia đình.

(2) Lần đầu tiên tôi đặt phòng khách sạn qua điện thoại.

(3) Lần đầu tiên tôi gọi điện thoại cho một người bạn thân.

(4)_____.

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ NGỮ PHÁP

1. Kết cấu "Làm ơn + cho + đại từ…"

Ví dụ: - Làm ơn cho tôi nói chuyện với viện trưởng.

- Làm ơn cho tôi xin số điện thoại của cô Dung.

2. Kết cấu "Xin phép + cho + đại từ…"

Ví dụ: - Xin phép cho tôi hỏi cô là ai?

- Xin phép cho tôi thêm một cốc nước.

BÀI 14

ÔN TẬP

Thực hành 1

Nghe và trả lời câu hỏi

1. ……
2. ……
3. ……
4. ……
5. ……
6. ……
7. ……
8. ……
9. ……
10. ……..

Thực hành 2

Nghe và chọn đáp án đúng

1. a. đi biển	b. đi tắm	c. đi hóng mát
2. a. một lần	b. hai lần	c. Cả a và b đều sai
3. a. trời mưa to	b. trời mưa phùn	c. trời nắng
4. a. sắp mưa to	b. sắp nắng to	c. sắp gió to
5. a. một chiếc	b. hai chiếc	c. ba chiếc
6. a. khí hậu trong lành	b. thời tiết đẹp	c. gió mát
7. a. lần đầu tiên	b. lần thứ 2	c. lần thứ 3
8. a. không được	b. được	c. cả a và b đều sai
9. a. ba lần	b. bốn lần	c. năm lần
10. a. lâu ngày không gặp	b. anh ấy đi làm xa	c. anh ấy không nhận ra tôi

Thực hành 3

Nghe và nối các cụm từ thích hợp giữa cột A và cột B

Cột A	Cột B
1. Tôi gọi điện hỏi rồi, Huyền Trang	a. mà nhầm số là chuyện bình thường.
2. Nếu trời nóng	b. bà ấy đi vắng mãi thế nhỉ?

3. Sáng mai, mọi người	c. cậu ấy sẽ đến muộn 10 phút.
4. Cậu làm ơn	d. thì anh ấy sẽ đi tắm biển.
5. Xin phép thầy cô	e. cũng rất cần phép lịch sự.
6. Cậu làm ơn	f. đã đến Huế cách đây 20 phút.
7. Gọi điện thoại	g. về sớm giúp mình nhé.
8. Cậu ấy vừa nhắn tin cho mình	h. làm ơn thức dậy sớm nhé.
9. Tại sao	i. cho tôi biết hò giã gạo là gì?
10. Gọi điện thoại	k. cho em nói về cảm nghĩ của mình ạ.

Thực hành 4 **Đóng vai bốn nhân vật hỏi – đáp trong các ngữ cảnh sau:**

a) Nói chuyện với Hiệu trưởng qua điện thoại.

b) Chuẩn bị cho chuyến du lịch biển.

c) Chuẩn bị cho chuyến bay về nước.

d) Cùng nhau đi mua sắm.

C. ĐỌC

Thực hành 5 **Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống**

1. Hương …….
2. Nếu rỗi ……..…… đến quầy của mình nói chuyện nhé.
3. Nhà anh ấy vẫn…… lâu lắm rồi.
4. Vì đến muộn ……..… cậu ấy bị nhỡ chuyến đi biển.
5. Thời tiết ……. lên nhiều rồi.
6. Trời lạnh như thế…….…….. bờ biển.
7. Thời tiết hôm nay vẫn …….... nóng.
8. Cậu đã thử……...
9. Tôi có thể…….. …… được không?
10. Hôm nay Quân đã…….

Thực hành 6 **Đọc và trả lời câu hỏi**

Tôi tên là Yamamoto. Năm nay tôi 37 tuổi. Vì đây là lần đầu tiên đến Huế nên tôi chưa quen với phong tục tập quán ở nơi này. Lúc mới đến, tôi không nói được giọng Huế, nhưng về sau tôi đã nói được một chút. Tôi đã làm quen với rất nhiều bạn

Việt Nam. Cuối tuần, các bạn ấy thường mời tôi đến nhà chơi. Ở đây, tôi đã có thể thử nấu một vài món Huế, thưởng thức nhiều đặc sản Huế và hiểu biết một số nét văn hóa Huế. Tôi yêu Huế.

1. Yamamoto đã đến Huế mấy lần?

……

2. Lúc mới đến Huế, Yamamoto biết nói giọng Huế không?

……

3. Cuối tuần, Yamamoto thường làm gì?

……

I. Dựa vào nội dung đoạn văn trên chọn đáp án đúng (√) hoặc sai (x)

1. Yamamoto là họ của một người ở Nhật Bản ( )
2. Yamamoto đã đến Huế hai lần. ( )
3. Ban đầu, Yamamoto không biết nói giọng Huế. ( )
4. Về sau Yamamoto cũng nói tiếng Huế được rất nhiều. ( )
5. Cuối tuần, Yamamoto không đi đâu cả. ( )
6. Yamamoto thưởng thức rất nhiều đặc sản Việt Nam. ( )
7. Yamamoto đã hiểu biết một số nét văn hóa Huế. ( )
8. Yamamoto rất yêu Huế. ( )

II. Dựa vào nội dung đoạn văn để sắp xếp theo một trật tự đúng

1. Lần đầu tiên Yamamoto đến Huế.
2. Yamamoto có rất nhiều người bạn Việt Nam.
3. Cuối tuần, Yamamoto thường đến nhà các bạn chơi.
4. Cuối cùng, Yamamoto cũng nói được giọng Huế.

Trật tự đúng là: _____

D. VIẾT

Thực hành 7 **Sắp xếp thành câu đúng**

1. về/ quê/ mỗi khi/ tôi/ không/ không/ tắm/ biển/ thể/ đi.

……

2. chợ quê/ nếu/ đi/ thì/ bạn/ sẽ/ thú vị/ thấy/ rất/ đấy.

……

3. sắp/ đến/ thì/ đến/ đón/ báo/ lúc/ nào/ tớ/ để/ tớ/ cậu/ nhé.

……

4. đã/ chật/ nên/ vì/ thuyền/ chuyến/ sau/ tớ/ đợi/ đi.

……

5. hãy/ bạn/ gọi/ cho/ điện thoại/ mình/ khi/ đến/ nhé/ chợ/ Đông Ba.

……

6. bạn/ học/ tiếng/ làm ơn/ Huế/ để/ người Huế/ giao tiếp/ với/ đi.

……

7. bây giờ/ vẫn/ còn/ miền Bắc/ lạnh.

……

8. cô ấy/ lướt ván/ trò/ chỉ/ thích/ thôi.

……

9. anh ấy/ sợ hãi/ với/ thực sự/ trò chơi/ trên/ như/ biển/ thế/ này/ vẫn/ luôn.

……

10. ơn/ giải/ câu/ này/ thích/ cậu/ làm/ cho/ mình/ nhé/ với.

……

Thực hành 8

Viết tiếp câu

1. Phượng vĩ chỉ……
2. Nếu đến Huế……
3. Tắm biển……
4. Nếu như……
5. Cậu cứ……
6. Anh nên……
7. Mỗi……
8. Mọi……
9. Tôi không thể gọi……
10. Anh Hải thích mùa……

Thực hành 9

Luyện viết

1. Chủ đề tham khảo (Chọn một trong các chủ đề sau hoặc tự chọn một chủ đề để viết)

(1) Đi chợ quê.

(2) Gọi điện thoại hỏi thăm người thân.

(3) Về quê tắm biển.

(4)__________________.

2. Yêu cầu của bài viết

(1) Dựa vào chủ đề đã chọn, viết một đoạn văn khoảng 100 – 200 từ.

(2) Nội dung rõ ràng, trình tự logic hợp lí, phù hợp với cách biểu đạt của người Việt Nam.

(3) Có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài để viết (Từ mới, ngữ pháp).

....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Việt Hương (2009), *Tiếng Việt cơ sở dành cho người nước ngoài – Elementary Vietnamese, use for non-Vietnamese speakers (quyển 2)*, Viện Phát triển ngôn ngữ, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Đoàn Thiện Thuật (2004), *Tiếng Việt trình độ A (Tập 2)*, Nhà xuất bản Thế giới.

3. Nhiều tác giả (2015), *Quê Việt (Sách dạy tiếng Việt trình độ A2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

4. Nhiều tác giả (2015), *Tiếng Việt Vui (Quyển 2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

5. Nhiều tác giả (2016), *Tiếng Việt 123*, Nhà xuất bản Thế giới.

PHỤ LỤC 1. BẢNG TỪ NGỮ

A	
an ninh (Bài 3)	ánh sáng (Bài 1)
ánh nắng (Bài 2)	
Ă	
ăn cưới (Bài 1)	
Â	
ấm (Bài 10)	ấm cúng (Bài 2)
B	
bài hát (Bài 5)	bến xe (Bài 12)
ban công (Bài 1)	biết (Bài 4)
bán mở hàng (Bài 9)	bình dân (Bài 3)
bằng (Bài 3)	bỏ lỡ (Bài 4)
bao giờ (Bài 4)	bóng loáng (Bài 2)
bao la (Bài 13)	bữa ni (Bài 6)
bao nhiêu (Bài 3)	bức tranh (Bài 2)
bảo quản (Bài 4)	bún bò (Bài 8)
bắt đầu (Bài 5)	buồn (Bài 4)
bắt mắt (Bài 1)	
C	
ca Huế (Bài 11)	chơi (Bài 4)
cả (Bài 4)	chủ đề (Bài 1)
cao cấp (Bài 3)	chú ý (Bài 5)
cao học (Bài 12)	chuẩn (Bài 3)
các (Bài 1)	chung cư (Bài 3)
cách (Bài 1)	chuyến (Bài 10)

căn (Bài 1)

căng thẳng (Bài 1)

cấu trúc (Bài 3)

chỉ (Bài 1)

chi (Bài 6)

chiêu đãi (Bài 8)

chính (Bài 2)

chơ (Bài 6)

choáng ngợp (Bài 9)

chuyển (Bài 2)

cơ hội (Bài 4)

còn (Bài 10)

cổng (Bài 1)

cứ (Bài 1)

cư dân (Bài 11)

cùng (Bài 1)

cũng (Bài 6)

cung cấp (Bài 4)

D

dân gian (Bài 13)

dân trí (Bài 3)

dẫn (Bài 1)

du lịch (Bài 11)

du thuyền (Bài 11)

dự (Bài 1)

dừng chân (Bài 2)

di động (Bài 13)

dịch vụ (Bài 8)

Đ

đã (Bài 4)

đánh (Bài 4)

đặt (Bài 2)

đặt phòng (Bài 13)

đến (Bài 1)

đẹp (Bài 11)

địa chỉ (Bài 4)

địa phương (Bài 6)

điểm nhấn (Bài 1)

định (Bài 12)

đồ vật (Bài 1)

độc đáo (Bài 11)

đối diện (Bài 2)

đơn giản (Bài 3)

đựng (Bài 2)

được (Bài 4)

đường kim (Bài 2)

Ê

êm ả (Bài 11)

G	
gầm (Bài 2)	giới thiệu (Bài 3)
gần (Bài 2)	giọng (Bài 6)
giàn (Bài 1)	giữ gìn (Bài 4)
gian hàng (Bài 9)	góc (Bài 1)
giảng (Bài 5)	gọn gàng (Bài 1)
giao thông (Bài 11)	
H	
hãy (Bài 4)	hoa cúc (Bài 2)
hằng ngày (Bài 12)	hóa đơn (Bài 9)
hấy (Bài 6)	hồng nhung (Bài 2)
hè (Bài 6)	hoạt động (Bài 12)
hèn chi (Bài 6)	học hành (Bài 4)
hiện hữu (Bài 11)	hơi (Bài 1)
hiểu (Bài 5)	hữu tình (Bài 11)
hình tượng (Bài 11)	
K	
kèm (Bài 8)	khô (Bài 10)
kệ (Bài 2)	khó (Bài 5)
khách sạn (Bài 13)	khuôn viên (Bài 4)
khang khác (Bài 6)	kiến thức (Bài 5)
khí hậu (Bài 10)	kiến trúc (Bài 4)
L	
làm ơn (Bài 13)	liên hệ (Bài 4)
lạnh (Bài 10)	liên lạc (Bài 13)
lát nữa (Bài 8)	lí do (Bài 3)
lắng nghe (Bài 10)	lỉnh kỉnh (Bài 2)
lẫn (Bài 8)	lượt (Bài 12)
lộ thiên (Bài 3)	

M	
mái ngói (Bài 2)	một ít (Bài 3)
may mắn (Bài 12)	mũ (Bài 9)
mặt tiền (Bài 1)	mưa (Bài 10)
mình (Bài 1)	mua (Bài 9)
mô (Bài 6)	mũi chỉ (Bài 2)
mới (Bài 12)	
N	
năng lượng (Bài 3)	nguyên sinh (Bài 10)
nội thất (Bài 2)	nguyên liệu (Bài 8)
nổi tiếng (Bài 13)	nhắn tin (Bài 13)
nón bài thơ (Bài 9)	nhất (Bài 1)
nóng (Bài 8)	nhé (Bài 1)
nông thôn (Bài 1)	nhiệt tình (Bài 5)
nữa (Bài 8)	nhớ nhung (Bài 4)
nước dùng (Bài 8)	những (Bài 5)
ngoạn mục (Bài 10)	ngay (Bài 11)
ngon (Bài 8)	ngắm (Bài 2)
ngược lại (Bài 12)	nghỉ mát (Bài 13)
người bán (Bài 9)	ngoài (Bài 2)
người mua (Bài 9)	ngoại ô (Bài 1)
O	
o (Bài 9)	
P	
phòng khách (Bài 2)	phù hợp (Bài 3)
phổ thông (Bài 3)	phùn (Bài 10)
phi (Bài 8)	phức tạp (Bài 3)
Q	
quả thật (Bài 13)	quyết định (Bài 13)

R	
ra (Bài 4)	rộng (Bài 1)
răng (Bài 6)	rộng rãi (Bài 1)
rơi (Bài 2)	rứa (Bài 6)
S	
sạch sẽ (Bài 1)	sắp (Bài 9)
sang (Bài 1)	sân (Bài 1)
sang trọng (Bài 2)	sen (Bài 2)
sản phẩm (Bài 3)	số máy (Bài 13)
sát (Bài 2)	sống (Bài 1)
sát cánh (Bài 3)	suối (Bài 10)
sẵn (Bài 8)	sự cố (Bài 4)
sẵn sàng (Bài 6)	sử dụng (Bài 2)
T	
tác phẩm (Bài 11)	thứ (Bài 9)
tài năng (Bài 4)	thư giãn (Bài 1)
tại sao (Bài 3)	thủ tục (Bài 12)
tán gẫu (Bài 1)	thú vị (Bài 1)
tăng (Bài 10)	thưởng thức (Bài 9)
tặng (Bài 9)	tỉ mỉ (Bài 5)
tấm (Bài 2)	tiện nghi (Bài 4)
tầm (Bài 3)	tiền thưởng (Bài 8)
tần suất (Bài 12)	tóm lại (Bài 6)
tân thời (Bài 2)	trả giá (Bài 9)
tầng trệt (Bài 2)	trải dài (Bài 2)
té (Bài 6)	thỏa thích (Bài 1)
tê (Bài 6)	thoáng đãng (Bài 1)

tu sửa (Bài 2)

tụ họp (Bài 13)

tuyến (Bài 12)

tư trang (Bài 4)

tư vấn (Bài 3)

từ lâu (Bài 13)

tự (Bài 4)

tự nhiên (Bài 1)

từng (Bài Bài 5)

tương lai (Bài 2)

tường vôi (Bài 2)

thác (Bài 10)

tham quan (Bài 1)

thảm (Bài 2)

thanh thoát (Bài 1)

thành phố (Bài 1)

thái (Bài 8)

thay vì (Bài 6)

thăm (Bài 12)

thông minh (Bài 2)

thông tin (Bài 13)

thơ mộng (Bài 11)

thời trang (Bài 9)

thời tiết (Bài 10)

thêu (Bài 2)

thi (Bài 12)

thích (Bài 4)

thiết bị (Bài 4)

thiết kế (Bài 1)

trang nhã (Bài 2)

tránh (Bài 10)

treo (Bài 2)

trễ (Bài 4)

trò chơi (Bài 13)

trong (Bài 1)

trong suốt (Bài 3)

trong vắt (Bài 11)

truyền thống (Bài 4)

Ư

ưu ái (Bài 1)

V

vào (Bài 1)

vận động (Bài 5)

vì (Bài 11)

vi phạm (Bài 4)

vị trí (Bài 3)

X

xây (Bài 3)

xin phép (Bài 13)

xe buýt (Bài 12)
xuất trình (Bài 4)
xem (Bài 3)

Y

yên lặng (Bài 4)
yêu quý (Bài 2)

PHỤ LỤC 2. CÁC BÀI NGHE

Bài 1: NHÀ BẠN Ở ĐÂU?

Thực hành 7. Nghe đoạn văn miêu tả về *"Ngôi nhà mơ ước"* và trả lời câu hỏi

Tôi lớn lên ở nông thôn. Ước mơ của tôi là có một ngôi nhà được thiết kế theo phong cách hiện đại ở một thành phố lớn. Tôi sẽ sơn ngôi nhà của mình màu xanh. Nó có hai tầng và có một khoảng sân rộng. Tôi trồng cây cảnh nhỏ yêu thích ở đây. Ngôi nhà sẽ không quá lớn nhưng đầy đủ tiện nghi. Phòng khách có một cái ti vi thông minh và một bộ ghế sofa màu xanh. Phòng ngủ của tôi sẽ có một chiếc giường lớn và tủ quần áo bằng gỗ. Thật tuyệt khi tôi có một cái tủ lạnh lớn trong nhà bếp. Tôi có thể bỏ nhiều thức ăn vào trong đó. Nhà bếp sẽ có đầy đủ dụng cụ nấu nướng. Phòng tắm rộng có bồn tắm hình tròn. Trên sân thượng, tôi dành một góc để phơi quần áo và một góc để ngồi thư giãn. Tôi sẽ rất hạnh phúc khi được sống trong ngôi nhà như vậy.

Thực hành 8. Dựa vào nội dung của đoạn văn miêu tả về *"Ngôi nhà mơ ước"* và lựa chọn đáp án chính xác

1. Ước mơ của tôi là có một ngôi nhà ……

A. nhỏ ở thành phố

B. nhỏ ở nông thôn

C. hiện đại ở thành phố

D. hiện đại ở nông thôn

2. Ngôi nhà có …….

A. một tầng

B. hai tầng

C. ba tầng

D. bốn tầng

3. Trong phòng khách có ……..

A. một bộ sofa màu xanh

B. một cái ti vi màu xanh

C. một cái tủ lạnh

D. một bức tranh

4. Trong phòng ngủ có ……

A. một chiếc giường lớn và tủ quần áo

B. một chiếc giường nhỏ và tủ quần áo

C. hai chiếc giường lớn và tủ quần áo

D. hai chiếc giường nhỏ và tủ quần áo

5. Phòng tắm có ……

A. bồn tắm lớn

B. bồn tắm hình tròn

C. bồn tắm hình chữ nhật

D. bồn tắm nhỏ

Thực hành 10. Nghe và điền trống

1. Tôi sống ở ngoại ô thành phố.
2. Phòng khách rất rộng rãi.
3. Tôi thích những ngôi nhà được xây dựng theo phong cách cổ điển.
4. Vườn nhà tôi có trồng rất nhiều hoa.
5. Căn nhà rất đẹp nhưng phòng khách hơi nhỏ.
6. Địa chỉ nhà mình là 23 Nguyễn Khoa Văn.
7. Sống ở nông thôn cũng rất thú vị.
8. Nhà Quân có cả một vườn hoa hồng.
9. Cậu có căn nhà rộng rãi như thế này là nhất rồi.
10. Tôi hơi ngạc nhiên vì điều đó.

Bài 2: BỨC TRANH TREO Ở PHÒNG KHÁCH

Thực hành 7. Nghe đoạn văn miêu tả về *"Phòng khách là đẹp nhất"* và trả lời câu hỏi

Nhà mình có rất nhiều phòng nhưng có lẽ đẹp nhất vẫn là phòng khách. Nó nằm ở tầng trệt, thông với cửa ra vào, nhà bếp và phòng ăn. Bố mình thích màu sáng nên đã sơn nó màu xanh da trời. Mỗi bức tường có hai cửa sổ bởi vậy căn phòng luôn tràn ngập ánh sáng. Đây có lẽ là phòng rộng nhất nhà và khá tiện nghi. Nền nhà được phủ bởi một tấm thảm nhung màu tím rất mềm mại. Ở chính giữa căn phòng là bộ sô pha màu xanh nhạt. Góc trái của phòng là một chiếc tủ gỗ, có rất nhiều ngăn. Ngăn to nhất là nơi đựng rượu của bố, có rất nhiều loại rượu như là rượu nho, vodka… Ở những ngăn khác, mẹ đựng rất nhiều sách, ảnh, bằng khen và có cả một chiếc điện thoại bàn, tất cả đều được sắp xếp một cách ngay ngắn. Trên trần nhà có một chiếc đèn chùm sặc sỡ sắc màu, nó thường hay được bật lên vào các dịp lễ tết, tiệc mừng. Trên các bức tường, mình treo rất nhiều tranh để tô điểm cho căn phòng. Góc phòng là nơi mình

thích nhất vì ở đó có một bể cá nhỏ. Mọi người trong nhà cũng rất thích căn phòng này nên giữ nó luôn sạch sẽ và gọn gàng. Trong tương lai, chắc chắn nó sẽ được tu sửa thêm, ngày càng trở nên tiện nghi hơn để đón những thành viên trong nhà trở về sau một ngày căng thẳng.

Thực hành 8. Dựa vào nội dung của đoạn văn miêu tả về *"Phòng khách là đẹp nhất"*, lựa chọn đáp án chính xác

1. Căn phòng đẹp nhất của ngôi nhà là……

A. phòng khách

B. phòng bếp

C. phòng ăn

D. phòng ngủ

2. Phòng này được sơn ……..

A. màu hồng

B. màu tím

C. màu xanh da trời

D. màu xanh nhạt

3. Ở chính giữa căn phòng có ……..

A. một cái tủ gỗ

B. một cái tủ sách

C. một bộ sofa màu xanh nhạt

D. một bức tranh

4. Góc trái của phòng là ……

A. một cái tủ gỗ

B. một bể cá

C. một bộ sofa màu vàng

D. một chiếc điện thoại bàn

5. Mọi người trong nhà đều giữ cho căn phòng luôn

A. ngăn nắp và gọn gàng

B. mát mẻ và gọn gàng

C. sạch sẽ và mát mẻ

D. sạch sẽ và gọn gàng

Thực hành 10. Nghe và điền trống

1. Bộ ấm chén của gia đình anh trông rất bắt mắt.

2. Sa-lông là đồ dùng nội thất tiện lợi và tân thời.

3. Chiếc tivi được đặt ở trên một chiếc tủ cao trong phòng khách.

4. Bộ sa-lông màu cà phê sữa, đặt ở góc trái phòng khách, gồm một chiếc ghế dài và hai chiếc ghế rời nhau.

5. Bàn học của em được kê ngay bên cửa sổ, nhìn ra khoảng sân nhỏ.

6. Cái bàn học vừa mới đóng có màu xanh da trời.

7. Chiếc xe đạp của tôi màu bạc, còn chiếc xe của em tôi màu trắng.

8. Điện thoại thông minh của chị ấy ở giữa bàn.

9. Ảnh cưới của hai vợ chồng họ được treo trên tường.

10. Chai nước suối đặt sau cái bình hoa hồng màu cam.

Bài 3: PHÒNG KHÁCH RỘNG BẰNG PHÒNG NGỦ

Thực hành 7. Nghe đoạn văn miêu tả về *"Lí do tại sao bạn nên sống ở chung cư"* **và trả lời câu hỏi**

Càng ngày càng có nhiều người nhận ra những lợi ích của việc sống trong một căn hộ. Hãy xem 3 lý do tại sao bạn nên chuyển đến một căn hộ chung cư thay vì một ngôi nhà.

1. Ở Việt Nam, một căn hộ phổ thông luôn là lựa chọn của những cặp vợ chồng trẻ vì giá mua căn hộ rẻ hơn giá xây một ngôi nhà rất nhiều. Vì vậy bạn có thể tiết kiệm tiền để làm một công việc khác.

2. Sống ở chung cư mang lại sự an toàn nhiều hơn khi sống ở nhà riêng. Nhiều khu chung cư có phòng bảo vệ, kiểm soát ra vào, camera an ninh và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

3. Phần lớn các chung cư đều được xây dựng ở những vị trí cao, không ngập lụt. Ngoài ra, nhiều căn hộ còn cho thuê ngắn hạn. Các thỏa thuận thuê này có thể linh động về mặt thời gian, từ 3 tháng, 6 tháng hoặc 12 tháng.

Thực hành 10. Nghe và điền trống

1. Căn nhà có 4 tầng với diện tích là 36 m^2 một tầng, có điều hòa và nóng lạnh.

2. Ai có nhu cầu thuê xin vui lòng liên hệ với mình là Hằng qua số điện thoại 0962536746 nhé.

3. Cho thuê nhà nguyên căn tại đường Trần Quang Khải, phường Phú Hội, thành phố Huế.

4. Dãy trọ còn được trang bị hệ thống camera giám sát 24/24 và hệ thống theo dõi ra vào bằng dấu vân tay hiện đại.

5. Nhà có sổ đỏ chính chủ, ở khu dân trí cao, an ninh cực tốt.

6. Hai căn hộ này có nhiều kiến trúc không giống nhau.

7. Độ dày của hai quyển sách này quá khác nhau.

8. Cửa chính rộng hơn cửa hông.

9. Giường ngủ của hai anh em chúng tôi bằng nhau.

10. Chúng tôi thích sống ở tầng trệt nhất.

Bài 4: BẠN NÓI ĐƯỢC TIẾNG VIỆT KHÔNG?

Thực hành 7. Nghe đoạn hội thoại *"Cậu đã đến hồ Tương Tư bao giờ chưa"* **và trả lời câu hỏi**

Mary : - Mike ơi, ở giữa sân Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế có một cái hồ rất đẹp, cậu có biết nó được gọi là gì không?

Mike : - Hồ Tương Tư đấy Mary à.

Mary : - Ôi thích nhỉ. Thật là trăm nghe không bằng một thấy. Thế cậu có thể giải thích nghĩa của từ "Tương Tư" giúp tớ được không?

Mike : - "Tương Tư" có nghĩa là "nhớ nhung" đấy.

Mary : - Từ xa, tớ có thể nhìn thấy các bạn Việt Nam thường ngồi trên các dãy ghế cạnh hồ để nói chuyện với nhau.

Mike : - Đúng vậy, ai cũng có thể ra đấy để ngắm cảnh, chụp ảnh và chơi đùa. Mỗi lần có lễ hội, nhà trường còn bật thêm đèn và nhạc, không khí cực kì vui nhộn.

Mary : - Hôm nay tớ cũng muốn ra hồ Tương Tư xem thử thế nào, cậu có thể đi cùng tớ chứ?

Mike : - Được, khoảng 4 giờ chiều nay tớ sẽ đợi cậu ở ký túc xá rồi chúng ta cùng đi nhé.

Thực hành 8. Dựa vào nội dung của đoạn hội thoại *"Hồ Tương Tư"*, **lựa chọn đáp án chính xác**

1. Tương tư có nghĩa là

A. yêu đương

B. tư tưởng

C. nhớ nhung

D. tưởng tượng

2. Mary và Mike đang nói chuyện với nhau ở đâu?

A. điện thoại

B. nhà Mary

C. hồ Tương Tư

D. không có đáp án nào đúng

3. Lúc nào hồ Tương Tư sẽ có đèn và nhạc?

A. nghỉ ngơi

B. các dịp lễ hội

C. ngày mát mẻ

D. hội họp

4. Mọi người đều có thể đến xung quanh hồ để làm gì?

A. nói chuyện, chụp ảnh, ngắm cảnh hồ

B. nói chuyện, gọi điện thoại, ngắm cảnh hồ

C. nhắn tin, chụp ảnh, chơi đùa

D. hát hò, chụp ảnh, ngắm cảnh hồ

5. Hôm nay Mary muốn đến hồ Tương Tư cùng ai?

A. một mình

B. hai người bạn

C. Mike

D. bạn cùng phòng

6. Mike đợi Mary ở đâu?

A. phòng Mary

B. phòng Mike

C. hồ Tương Tư

D. ký túc xá

Thực hành 10. Nghe và điền trống

1. Hương nói được tiếng Việt không?

2. Cậu đã bao giờ cảm thấy nhớ nhà chưa?

3. Tôi không biết phòng học ở đây hiện đại như thế này.

4. Sau khi về nước, chúng tôi đã rất nhớ các thầy cô giáo ở Việt Nam.

5. Lớp chúng tôi, ai cũng biết làm nem rán cả.

6. Lưu học sinh cũng có thể tham gia vào các câu lạc bộ.

7. Căn tin của Trường có rất nhiều món ăn ngon mình thích.

8. Chương trình nghệ thuật chào năm mới đã được Nhà trường tổ chức vào cuối tháng 12.

9. Lưu học sinh quốc tế thích tham gia các hoạt động ngoại khóa.

10. Nếu bạn thích đến mượn sách ở thư viện của Trường, thì bạn cần phải có thẻ đọc.

Bài 5: CÁC BẠN HÃY MỞ SÁCH RA

Thực hành 7. Nghe đoạn hội thoại *"Buổi nói chuyện cùng lưu học sinh"* và trả lời câu hỏi

Cô Hương : Chào em. Lớp học đang bật điều hòa nên em hãy đóng cửa lại giúp cô để chúng ta bắt đầu buổi nói chuyện nào.

Takaya : Vâng ạ.

Cô Hương : Em học tiếng Việt lâu chưa?

Takaya : Dạ em đã học tiếng Việt được bốn năm rồi ạ.

Cô Hương : Thảo nào em nói tiếng Việt giỏi thế.

Takaya : Em cảm ơn cô. Tiếng Việt của em cũng tàm tạm thôi ạ.

Cô Hương : Takaya có nhiều bạn Việt Nam không?

Takaya : Em có rất nhiều bạn Việt Nam ạ.

Cô Hương : Ồ, tốt quá. Theo em vì sao các lưu học sinh nên giao lưu với nhiều bạn Việt Nam?

Takaya : Thưa cô, bởi vì các bạn ấy giúp chúng em hiểu rõ hơn bài học ở trên lớp, hướng dẫn chúng em làm bài tập, cùng trò chuyện để chúng em có thể nói tiếng Việt tốt hơn. Ngoài ra, các bạn còn đưa chúng em đi tham quan, đi thưởng thức các món ăn đặc sản và tìm hiểu về văn hóa Việt Nam ạ.

Cô Hương : Em cảm thấy người Việt Nam như thế nào?

Takaya : Các bạn Việt Nam rất nhiệt tình và tốt bụng ạ.

Cô Hương : Vậy Takaya có lời khuyên nào dành cho các bạn lưu học sinh khác không?

Takaya : Dạ có ạ. Các bạn hãy làm quen thật nhiều bạn Việt Nam khi đến Việt Nam học tập và sinh sống nhé!

Cô Hương : Đây quả là một lời khuyên rất chân thành. Cảm ơn em!

Thực hành 8. Dựa vào nội dung của đoạn hội thoại miêu tả về *"Buổi nói chuyện cùng lưu học sinh"* và lựa chọn đáp án chính xác

1. Cô Hương đang nói chuyện với.....

A. Takanha

B. Takaya

C. Takaxa

D. Takasa

2. Takaya đã học tiếng Việt được.....

A. một năm

B. hai năm

C. ba năm

D. bốn năm

3. Cô Hương thấy Takaya nói tiếng Việt rất.....

A. khá

B. giỏi

C. bình thường

D. tàm tạm

4. Làm quen với nhiều bạn Việt Nam để có thể.....

A. được thưởng thức các món ăn đặc sản Việt Nam

B. hiểu rõ hơn bài học và nói tiếng Việt tốt hơn

C. có thể đi tham quan và tìm hiểu về văn hóa Việt Nam

D. Cả ba đáp án trên

5. Người Việt Nam rất.....

A. nhiệt tình và vui vẻ

B. nhiệt tình và lương thiện

C. nhiệt tình và tốt bụng

D. nhiệt tình và hiền lành

Thực hành 10. Nghe và điền trống

1. Cậu hãy giữ gìn sức khỏe nhé.
2. Con hãy nhớ gọi điện thoại hoặc gửi thư thường xuyên cho bố mẹ nhé.
3. Lúc mới đến Huế, tôi chưa thể quen được những phong tục tập quán nơi này.
4. Ngoài việc học tập, các em hãy nhớ tập thể dục đều đặn mỗi ngày nhé.
5. Các em hãy ghi chú lại những từ chưa hiểu để hỏi cô nhé.
6. Các cô, cậu học trò cũ vừa đến thăm nhà tôi.
7. Các em hãy chú ý nghe giảng để hiểu rõ bài học nhé.
8. Vì sao hôm nay em đi học muộn?

9. Bạn có biết cách làm bài tập này không Hải?

10. Chúng ta hãy bắt đầu chơi nào.

Bài 6: BẠN CŨNG THÍCH HỌC TIẾNG HUẾ PHẢI KHÔNG?

Thực hành 7. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Ai cũng ưa chỗ ni"* và hoàn thành các câu sau:

Lần mô cũng rứa, cứ về tới Huế, chúng tôi lại cùng nhau lên Hòn Vượn để thỏa thích ngắm nhìn vẻ đẹp của mây trời, sông núi. Đứng trên Hòn Vượn ai cũng có thể chộ được toàn bộ cảnh đẹp êm đềm của cố đô Huế với dòng sông Hương, núi Ngự, hồ Khe Ngang, v.v trong nền trời xanh biếc và những áng mây trắng trôi lững lờ. Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô xen kẽ bởi dòng sông quanh co chảy qua những cánh đồng xanh mướt ngó mới đẹp làm sao. Chúng tôi, ai cũng ưa chỗ ni, bởi vì vẻ đẹp hiền hòa và không khí trong lành, mát mẻ ở trên đỉnh Hòn Vượn đã xoa dịu đi những căng thẳng, mệt mỏi trong mỗi chúng tôi sau những chuyến công tác xa nhà.

Thực hành 8. Nghe và tìm từ giải nghĩa ở cột B thích hợp với từ ở cột A

Cột A		Cột B
1. Chi hung dữ ri	có nghĩa là	b. Làm gì nhiều thế
2. Hung a rứa thê!	có nghĩa là	a. Nhiều lắm
3. Mệt i	có nghĩa là	g. Mệt quá
4. Chơ răng	có nghĩa là	f. Chứ sao
5. Nì	có nghĩa là	c. Này, đưa (nì, lấy đi)
6. Đừng có ồn	có nghĩa là	e. Không được bàn tán
7. Làm chi rứa	có nghĩa là	h. Làm sao thế/ làm gì vậy
8. Đừng có rên	có nghĩa là	d. Không than vãn, hối hận

Bài 7: ÔN TẬP

Thực hành 6. Nghe và tìm phần giải nghĩa ở cột B thích hợp với từ ở cột A

Cột A	Cột B
1. treo	a. làm cho được cố định hoàn toàn ở một vị trí trên cao, dựa vào một vật khác
2. dán	b. làm cho dính vào nhau bằng chất kết dính như keo, hồ,...
3. lau	c. làm cho khô, cho sạch bằng cách đưa nhẹ một vật mềm trên bề mặt

4. quét	d. làm cho sạch rác, bụi bằng cách đưa từng nhát chổi lần lượt trên bề mặt
5. rửa	e. dùng nước hoặc các chất lỏng khác làm cho sạch
6. mở	f. làm cho hoặc ở trạng thái không còn bị đóng kín, bịt kín, mà thông được với nhau
7. đóng	g. làm cho kín lại và giữ chặt ở vị trí cố định
8. đẩy	h. làm cho chuyển động theo một hướng nào đó bằng một lực tác động thẳng tới

Bài 8: CON MUỐN ĂN THÊM MỘT BÁT BÚN BÒ NỮA Ạ!

Thực hành 7. Nghe đoạn giới thiệu về *"Bún bò Huế"* và trả lời câu hỏi

Bún bò là một trong những đặc sản nổi tiếng của xứ Huế. Người Huế thường gọi chung là "bún bò" nhưng thật ra "bún bò" rất phong phú và đa dạng. Đến quán bún, người Huế có thể ăn "bún bò", "bún bò giò heo", "bún chả cua", "bún gân, cua, huyết", hoặc là ăn một bát bún đặc biệt có cả bò, giò heo lẫn gân, cua, huyết,… Khi nấu "bún bò", tùy vào sở thích, người nấu có thể cho vào nồi nước dùng những nguyên liệu khác nhau nhưng nhất định phải có màu đỏ đặc trưng của ớt, vị thơm lừng của sả và vị mặn mà của ruốc. Khi ăn món này, người Huế thường ăn thêm với rau sống nữa, hoặc thêm một tí ớt, tí chanh nữa để nước dùng có vị thanh thanh, cay cay, thơm thơm. Nếu có cơ hội đến Huế, các bạn đừng bỏ lỡ món ngon này nhé.

Thực hành 10. Nghe và tìm từ giải nghĩa ở cột B thích hợp với cột A

Cột A	Cột B
1. Nấu	h. Đun trong nước cho sôi hoặc chín thành thức ăn, thức uống
2. Hấp	f. Làm cho chín thức ăn bằng hơi nóng của nước
3. Rán	a. Làm cho chín thức ăn trong dầu, mỡ đun sôi
4. Nướng	b. Làm cho chín bằng cách đặt trực tiếp trên than hồng hoặc lửa
5. Chưng cách thủy	g. Đun nhỏ lửa và lâu cho bốc hơi làm chín thức ăn (không để thức ăn trực tiếp với nước)
6. Hầm	c. Nấu, nung trong lò, trong nồi đậy kín, cho chín nhừ
7. Xào	d. Làm chín thức ăn bằng cách đảo đều với dầu mỡ và mắm muối trên bếp lửa
8. Luộc	e. Làm chín thực phẩm bằng cách đun trong nước

Bài 9: CHIẾC NÓN BÀI THƠ NÀY BAO NHIÊU?

Thực hành 7. Dựa vào nội dung của đoạn văn giới thiệu về *"Chợ Đông Ba bán cam bao nhiêu một cân"* **để hoàn thành các câu sau:**

Người bán : - Cháu ơi, mua gì mở hàng giúp cô đi, cô bán rẻ cho.

Người mua : - Cam này ngọt không cô, cháu ăn thử có được không ạ?

Người bán : - Được chứ. Đây này. Cháu ăn thử đi. Cam mới về, tươi ngon lắm.

Người mua : - Bao nhiêu một cân hả cô?

Người bán : - 50 nghìn đấy cháu.

Người mua : - Đắt thế ạ. 40 nghìn cô nhé. Cô bán mở hàng cho cháu rẻ rẻ một tí đi ạ.

Người bán : - Không được cháu à. Cam này rất chất lượng.

Người mua : - Vậy thì 45 nghìn được không ạ.

Người bán : - Thôi được. Cô bán cho cháu đấy. Cháu mua mấy cân?

Người mua : - Cháu mua 2 cân ạ.

BÀI 10: HÔM NAY THỜI TIẾT Ở HUẾ THẾ NÀO?

Thực hành 7. Nghe đoạn hội thoại *"Các em nên nghe dự báo thời tiết Huế vào các ngày trong tuần"* **và trả lời câu hỏi**

Hôm nay là thứ 2 ngày 06 tháng 01 năm 2019. Huế có nhiều mây. Ngày nắng nhẹ. Đêm có mưa nhỏ. Nhiệt độ từ 25 đến 32 độ.

Ngày mai: Trời có gió nhẹ. Ngày nắng, đêm không mưa. Nhiệt độ từ 28 đến 34 độ.

Ngày kia: Ngày nắng. Chiều tối có mưa rào. Nhiệt độ từ 26 đến 30 độ.

Thứ năm: Có mưa rào vào buổi sáng. Đêm không mưa. Nhiệt độ từ 29 đến 32 độ.

Thứ sáu và thứ 7: Ngày nắng. Mưa rào vào buổi chiều. Nhiệt độ từ 27 đến 33 độ.

Chủ nhật: Ngày nắng ấm. Đêm không mưa. Nhiệt độ từ 29 đến 33 độ.

Thực hành 10. Nghe và điền trống

1. Thời tiết mát mẻ đã làm cho cây cối phát triển tươi tốt.
2. Áo mưa là một đồ dùng nên mang theo bên người khi bạn sống ở đây.
3. Mưa phùn xứ Huế luôn làm tôi cảm thấy nhớ nhà.
4. Huế bây giờ đang là mùa xuân.
5. Hôm nay trời nắng chói chang.
6. Ngày mai trời sẽ ấm lên dần.
7. Thời tiết miền Bắc lạnh hơn nhiều so với các miền khác.

8. Bánh khoái mà ăn vào mùa đông thì ngon tuyệt.

9. Sau này, John vẫn cứ thích đến Huế vào mùa mưa.

10. Cậu nên về sớm kẻo trời sắp mưa nhé.

Bài 11: BẠN ĐÃ ĐẾN SÔNG HƯƠNG, NÚI NGỰ LẦN NÀO CHƯA?

Thực hành 7. Dựa vào nội dung của đoạn văn *"Chủ nhật tuần này chúng ta hãy leo lên đỉnh núi Ngự Bình đi"* **để hoàn thành các câu sau:**

Mây : - Núi hãy nhìn về phía đằng kia kìa. Đứng từ trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế chúng ta cũng có thể nhìn thấy núi Ngự Bình đấy.

Núi : - Ừ nhỉ.

Mây : - Cậu đã trèo lên đỉnh núi đấy lần nào chưa?

Núi : - Rồi chứ. Thích lắm. Núi này nổi bật với rừng thông xanh ngát và không khí trong lành. Đứng từ trên đỉnh núi, chúng ta có thể thỏa thích ngắm nhìn cảnh vật xung quanh như dòng sông, cây cỏ, chùa chiền. Sự kết hợp hài hòa giữa nó và dòng sông Hương xanh biếc đã tạo nên một bức tranh sơn thủy hữu tình.

Mây : - Thích nhỉ. Chủ nhật tuần này chúng ta hãy cùng leo lên đỉnh núi đấy cậu nhé.

Núi : - Được thôi, nhưng cậu chớ mang theo đồ đạc lỉnh kỉnh và đừng đi dép lê nữa nhé.

Mây : - Ừ. Mình biết rồi. Cảm ơn cậu.

BÀI 12: BẠN ĐI ĐÂU ĐẤY?

Thực hành 7. Nghe đoạn hội thoại *Chúng ta lên xe xích lô thôi nào* **và trả lời câu hỏi**

Tom : - Đi bộ đã được một quãng đường dài nên tớ cảm thấy hơi mệt cậu ạ.

Nguyên : - Thế thì chúng ta gọi taxi đi nhé.

Tom : - Ngắm cảnh Huế mà đi bằng taxi thì không thú vị chút nào. Ở đây có phương tiện nào đặc biệt hơn taxi không cậu?

Nguyên : - Ừ, tớ quên mất. Có xe xích lô Tom ạ. Xích lô từ lâu đã là phương tiện không thể thiếu đối với khách du lịch khi đến Huế và cả người dân Huế.

Tom : - Thích nhỉ. Có phải những chiếc xe ba bánh duyên dáng đang chạy chậm rãi ở đằng kia là xe xích lô không hả Nguyên?

Nguyên : - Đúng đấy cậu ạ. Nếu ngắm cảnh Huế trên xe xích lô thì cậu sẽ cảm thấy rất thoải mái đấy.

Tom : - Để tớ thử một lần xem sao. Chúng ta lên xe xích lô thôi nào!

Thực hành 10. Nghe và điền trống

1. Hầu hết người Huế đều thích đi xe máy.
2. Cậu đến Bến xe phía Nam để làm gì?
3. Nhung cũng nghĩ là đi xe buýt sẽ thuận tiện hơn so với đi xe máy.
4. Bạn có thể đi bộ đến siêu thị Vincom.
5. Nếu muốn đến Nhà văn hóa Trung tâm nhanh hơn thì bạn có thể đi bằng xe ôm.
6. Thi mới đi Bà Nà về.
7. Các bạn có thể thuê xe đạp đôi để đạp đến Đại nội.
8. Cuối tuần chúng tôi thường về đầm Chuồn để thưởng thức món bánh khoái cá kình.
9. Tôi ngồi xe ô tô ra Quảng Bình để đi tham quan động Phong Nha – Kẻ Bàng.
10. Trước đây, tôi thường lên Hải Vân Quan ngắm cảnh.

Bài 13: LÀM ƠN CHO TÔI NÓI CHUYỆN VỚI CHỊ NHÃ QUÂN

Thực hành 7. Dựa vào nội dung của đoạn hội thoại giới thiệu về *"Xin phép các bạn cho mình nói về kế hoạch đi biển vào ngày mai"* **để hoàn thành các câu sau:**

Harry :- Trước khi về nước, xin phép cho mình được mời cả lớp chúng ta đi chơi một lần cuối nhé các bạn.

Takaya :- Được thôi, nhưng mình nghĩ cậu nên mời thêm giáo viên cố vấn nữa.

Harry :- Hôm qua mình có nhắn tin và gọi điện mời cô đi chơi với lớp nhưng người ta nói mình bị nhầm số rồi.

Vân Anh :- Cô giáo mới đổi số mới đấy.

Harry :- Vậy thì bạn làm ơn cho mình xin số điện thoại mới của cô nhé.

Vân Anh :- Ừ. 0234.3834XXX.

Harry :- Cảm ơn cậu. Chiều mình gọi lại cho cô thử xem sao.

Takaya :- Cậu định mời cả lớp đi đâu? Chúng ta cần chuẩn bị những thứ gì?

Harry :- Biển Lăng Cô nhé. Chúng ta chỉ cần mang theo đồ tắm biển thôi, còn ăn uống thì chúng ta sẽ ăn ở nhà hàng trong khách sạn hoặc ăn ở Đầm Lập An. Mình nghe nói hải sản ở đấy rất tươi ngon.

Vân Anh :- Thế chúng ta đi bằng phương tiện gì?

Harry :- Ô tô. Vân Anh làm ơn cho mình xin số điện thoại của tài xế luôn nhé.

Vân Anh :- Ừ. Có ngay đây.

Harry :- Cảm ơn các cậu. Hẹn gặp lại các cậu vào ngày mai.

Bài 14: ÔN TẬP

Thực hành 1. Nghe và trả lời câu hỏi

1. Nếu ai hỏi tôi đi Việt Nam để làm gì thì tôi sẽ trả lời là tôi đi Việt Nam để tìm hiểu về con người và văn hóa Việt Nam.

Hỏi: Lí do mà tôi muốn đến Việt Nam là gì?

2. Vạn Dân mới học tiếng Huế hai tháng thôi mà cậu ấy đã nói tiếng Huế rất giỏi.

Hỏi: Vạn Dân nói tiếng Huế như thế nào?

3. John vừa học xong ba ngoại ngữ nữa là tiếng Đức, tiếng Nga và tiếng Việt.

Hỏi: Khả năng ngôn ngữ của John thế nào?

4. Các mặt hàng ở siêu thị này mẫu mã khỏi chê, giá cả khỏi bàn nhé các bạn.

Hỏi: Mẫu mã và giá cả của các mặt hàng ở siêu thị này như thế nào?

5. Hôm nay cô ấy ra bến xe để về quê lúc 2 giờ chiều, nhưng xe đến trễ nên cô ấy phải chờ thêm 30 phút.

Hỏi: Cô ấy về quê lúc mấy giờ?

6. Bình An đã từng đến Huế và thưởng thức các món ăn vặt ở đấy như: chè hẻm, bánh bèo - nậm- lọc và bánh khoái.

Hỏi: Bình An đã ăn bánh lọc Huế chưa?

7. Cậu ấy đã mời cả nhà đi ăn mừng vì vừa xin được việc.

Hỏi: Tại sao cậu ấy lại mời cả nhà đi ăn mừng?

8. A: Thi đỗ cao học rồi sao không báo tin về cho bố biết vậy.

B: Con đợi có giấy báo rồi báo tin về nhà bố ạ.

Hỏi: Lúc nào người con mới báo tin thi đỗ cao học về cho bố biết?

9. A: Mọi người có biết Lăng Cô ở đâu không?

B: Tom, Jerry, ai cũng không biết trừ Mary.

Hỏi: Ai là người biết về Lăng Cô?

10. A: Cuối tuần, các bạn thường đi đâu?

B: Biển Lăng Cô và đầm Lập An.

Hỏi: Họ thích đi đâu nhất vào dịp cuối tuần?

Thực hành 2. Nghe và chọn đáp án đúng

1. Vào những ngày hè nắng nóng, các cậu hãy đi tắm biển.

Hỏi: Vào những ngày hè nắng nóng người ta nên đi đâu?

2. Cô ấy chưa đến đây một lần nào cả.

Hỏi: Cô ấy đã đến đây lần nào chưa?

3. Vì ngoài trời đang mưa to nên chúng ta không thể đi tắm biển được.

Hỏi: Tại sao họ không thể đi tắm biển được?

4. Ở đây sắp có mưa to.

Hỏi: Ở đây sắp có chuyện gì?

5. A. Vì có quá nhiều người nên tớ đã gọi hai chiếc taxi.

B. Hai chiếc không đủ đâu Hải, gọi ba chiếc đi.

A. Ừ.

Hỏi: Cuối cùng, Hải đã gọi mấy chiếc taxi?

6. Tôi thích nơi này bởi vì khí hậu ở đây thật trong lành.

Hỏi: Tại sao tôi thích nơi này?

7. Vì mới đến Huế lần đầu nên Chí Cương chưa quen với cuộc sống ở đây.

Hỏi: Đây là lần thứ mấy Chí Cương đến Huế?

8. Lúc vừa mới đến Huế, Nhã Kỳ không hiểu được tiếng Huế, nhưng bây giờ bạn ấy đã có thể giao tiếp được với người Huế.

Hỏi: Bây giờ, Nhã Kỳ có nói được tiếng Huế không?

9. Tôi đã đến chợ Đông Ba năm lần rồi.

Hỏi: Tôi đã đến chợ Đông Ba mấy lần?

10. Vì lâu ngày không gặp nên tôi đã không thể nhận ra anh ấy là ai.

Hỏi: Vì sao tôi không nhận ra anh ấy?

Thực hành 3. Nghe và nối các cụm từ thích hợp giữa cột A và cột B

Cột A	Cột B
1. Tôi gọi điện hỏi rồi, Huyền Trang	a. đã đến Huế cách đây 20 phút.
2. Nếu trời nóng	b. thì anh ấy sẽ đi tắm biển.
3. Sáng mai, mọi người	c. làm ơn thức dậy sớm nhé.
4. Cậu làm ơn	d. cho tôi biết hò giã gạo là gì?
5. Xin phép thầy cô	e. cho em nói về cảm nghĩ của mình ạ.
6. Cậu làm ơn	f. về sớm giúp mình nhé.
7. Gọi điện thoại	g. mà nhầm số là chuyện bình thường.
8. Cậu ấy vừa nhắn tin cho mình	h. cậu ấy sẽ đến muộn 10 phút.
9. Tại sao	i. bà ấy đi vắng mãi thế nhỉ?
10. Gọi điện thoại	k. cũng rất cần phép lịch sự.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

07 Hà Nội, Thành phố Huế - Điện thoại: 0234.3834486

Website: http://huph.hueuni.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập: Trần Bình Tuyên

Phản biện giáo trình

PGS.TS. Trương Thị Nhàn
TS. Phan Phương Thanh

Biên tập viên

Ngô Văn Cường - Trần Thị Hồng My

Biên tập kỹ thuật

Trần Dương Hoàng Long

Trình bày, minh họa

Hồ Thanh Hải

Sửa bản in

Trần Thị Hồng My

Đối tác liên kết xuất bản

Liêu Thị Thanh Nhàn, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế,
57 Nguyễn Khoa Chiêm, thành phố Huế

GIÁO TRÌNH
TIẾNG VIỆT TRÌNH ĐỘ A2
(Dành cho người nước ngoài)
Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa

In 100 bản, khổ 19x27 cm tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vân Thái, 89 Nguyễn Huệ thành phố Huế. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4753-2024/CXBIPH/6-61/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 668/QĐ-NXB, ngày 4/12/2024. In xong và nộp lưu Quý I năm 2025.

ISBN: 978-604-489-518-5